

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký,

Phần 17

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị của thiền sư Trung Phong. Ngày hôm qua giảng đến "*tâm, Phật, chúng sanh*". Về Tâm, giảng đến Duyên Lự Tâm và Linh Tri Tâm. Những danh từ này rất quan trọng, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của những danh từ ấy. Vũ trụ vạn hữu, những hiện tượng ấy do đâu mà có? Hư không do đâu mà có? Pháp giới do đâu mà có? Sát-độ (ksetra), nay chúng ta gọi là rất nhiều "tinh cầu" trong không gian (trong kinh Phật gọi vô lượng vô biên tinh cầu và tinh hệ ấy là "*sát-độ*") do đâu mà có? Chúng sanh do đâu mà có? Hữu tình chúng sanh và vô tình chúng sanh do đâu mà có? Chúng ta gọi cái có thể sanh ra vạn vật, hư không, sát-độ và hết thảy chúng sanh là Tâm.

Vì thế, Tâm ấy chẳng phải là tâm tạng (quả tim) trong thân thể chúng ta, tâm tạng chẳng thể sanh ra trời đất vạn vật được. Kinh Phật gọi "*có thể sanh*" (năng sanh) là "*có thể hiện*" (năng hiện), không gọi là Sanh mà gọi là Hiện. Nói Hiện có ý nghĩa hay hơn Sanh, bởi lẽ, chúng ta đều lầm tưởng Hữu Sanh Hữu Diệt là thật; Năng Hiện là hư huyền. Giống như chúng ta xem phim, cái màn bạc có thể hiện ra tướng, gọi là "*hiện tướng*", chứ không gọi là "*sanh*". Vì thế, "*hiện*" có ý nghĩa hay hơn. Năng Hiện, hoặc như ta gọi là Năng Sanh, những danh từ ấy đều có thể gọi là Tánh. Lại còn có Năng Biến, hiện tượng thiên biến vạn hóa, Năng Biến là gì vậy? Chúng ta gọi Năng Biến là Thức.

Thức và Tâm là một chuyện. Tâm không đeo thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Tâm; nếu kèm thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Thức. Trong Phật pháp cũng thường nói đến chân tâm và vọng tâm. Chân tâm không kèm thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; còn thức tâm xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên gọi là vọng thức. Phải hiểu rành rẽ, rõ ràng sự việc này thì mới biết được chân tướng sự thật của vũ trụ và các pháp, kinh gọi sự thật ấy là "*chư pháp Thật Tướng*" (Thật Tướng của các pháp), tức chân tướng của vũ trụ vạn hữu, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Vì thế, ở đây thiền sư nêu lên một tổng kết:

Thị dĩ Phật tức chúng sanh, chúng sanh tức Phật.

是以佛即眾生。眾生即佛。

(Do vậy, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật).

Nói như vậy nghĩa là sao? Tâm chính là Thức, Thức chính là Tâm. Thức và Tâm là một, không phải hai, lúc mê gọi là Thức, lúc ngộ gọi là Tâm. Ở đây chỉ có mê và ngộ, ngoại trừ mê và ngộ ra, cái gì cũng không có. Vì thế, ở đây mới nói: "*Chư Phật ngộ chi, giả danh duy tâm, chúng sanh mê chi, tiện thành vọng thức. Thị dĩ Phật tức chúng sanh, chúng sanh tức Phật*" (Chư Phật ngộ nên giả gọi là duy tâm; chúng sanh mê bèn thành vọng thức. Do vậy, Phật chính là chúng sanh; chúng sanh chính là Phật). Chữ "*chúng sanh*" ở đây chỉ hữu tình chúng sanh, nhưng sau đó lại nói:

Thả tâm ngoại vô Phật, diệt vô chúng sanh.

且心外無佛。亦無眾生。

(Nhưng ngoài tâm không có Phật, cũng không có chúng sanh).

Phạm vi của "*chúng sanh*" rất rộng. Chữ "*chúng sanh*" này bao quát tất cả hết thảy những hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi, những hiện tượng ấy đều được gọi là "*chúng sanh*". Ngay cả hư không cũng là chúng sanh. Phạm vi của các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi rất lớn. Vì thế, chúng ta phải hiểu cách sử dụng danh từ này: Tên gọi tương đồng, danh từ tương đồng, nhưng tùy mỗi chỗ lại giải thích khác nhau, phạm vi bao quát của danh từ ở mỗi chỗ khác nhau.

Duy mê ngộ chi hữu gián.

唯迷悟之有間。

(Chỉ do mê hay ngộ mà có sai biệt).

"*Gián*" (間) là sai biệt, gián cách (間隔) là sai biệt. Nói thật ra, do mê hay ngộ mà có sai biệt.

Cố phàm thánh nhi huýnh dị.

故凡聖而迥異。

(Vì thế, phàm - thánh sai khác vời vợi).

Do vậy mới nói đến phàm và thánh. Mê là phàm, ngộ là thánh. Phàm và thánh là một, không hai, vẫn chỉ là một người mà thôi. Nay chúng ta vẫn chưa ngộ thì gọi là phàm; ngày nào đó mình giác ngộ thì gọi là thánh. Ngộ là người nào thì mê cũng là người ấy. Vì vậy, trong hết thảy cảnh duyên không có mê hay ngộ. Mê hay ngộ là do con người, con người có mê - ngộ, cảnh giới bên ngoài chẳng có mê lẫn ngộ. Nếu nói thân thiết hơn một chút (ý nghĩa này lại càng sâu hơn, nói thật ra không dễ hiểu gì), mê hay ngộ tại mình, chẳng do người khác, chỉ do mỗi một mình ta mà thôi. Cảnh giới bên ngoài chẳng những vô tình chúng sanh không có mê hay ngộ, mà ngay cả hữu tình chúng sanh đối với ta mà nói thì cũng chẳng mê hay ngộ. Mê hay ngộ là chuyện của người ta, đối với chúng ta mà nói thì cũng chẳng có mê hay ngộ. Đạo lý này rất sâu. Đó là chân tướng sự thật, hãy chú tâm quan sát, mong rằng quý vị sẽ hiểu thấu suốt chân tướng sự thật này.

Khởi tri tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt.

豈知心佛眾生。三無差別。

(Há biết tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt).

Câu này nêu rõ quan hệ giữa tâm, Phật và chúng sanh. Quan hệ gì vậy? Một mà ba, ba nhưng một. Tâm có thể hiện, có thể biến (năng hiện, năng biến), chúng sanh và Phật là cái được hiện, cái được biến (sở hiện, sở biến). Năng và Sở là một, không hai. Trong Năng Hiện không có mê hay ngộ, phải biết điều này. Trong Năng Hiện đã không có mê hay ngộ thì trong Sở Hiện cũng không có mê hay ngộ; nhưng Năng Biến, Sở Biến lại có mê và ngộ. Năng Biến, Sở Biến là vọng tâm, vọng cảnh. Năng Hiện, Sở Hiện là Nhất Chân pháp giới. Phải hiểu rõ điều này thì sau đây chúng ta tu hành mới biết phải nên tu những gì? Xa lìa Năng Biến và Sở Biến như thế nào? Làm thế nào để gìn giữ Năng Hiện và Sở Hiện? Công phu là ở chỗ này.

Thực sự khế nhập cảnh giới rồi thì Năng - Sở không hai, Năng Hiện - Sở Hiện không hai, Năng Biến - Sở Biến không hai, Năng Hiện - Năng Biến bất nhị, Sở Hiện - Sở Biến bất nhị. Chúc mừng quý vị đã nhập pháp môn Bất Nhị, đây là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát, là cảnh giới Hoa Nghiêm, là cảnh giới vô chương ngại chẳng thể nghĩ bàn, Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Vì sao Sự vô ngại? Sự là hư huyền, không thật, hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyền, bọt, bóng; bởi thế, không có chương ngại. Kết luận cuối cùng cho chúng ta là: "*Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt*" (Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt). Đây là tánh bình đẳng hiện tiền, cảnh giới không chương ngại hiện tiền.

Vĩnh Gia vân:

永嘉云。

(Ngài Vĩnh Gia nói).

Trong Chứng Đạo Ca của thiền sư Vĩnh Gia có hai câu:

**Mộng lý minh minh hữu lục thú,
Giác hậu không không vô đại thiên.**

夢裡明明有六趣。

覺後空空無大千。

(Trong mộng rành rành bày sáu nẻo,
Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang).

Lúc mê thì Duy Thức Sở Biến, giống như cảnh mộng; giác rồi bèn hiểu rõ, hoảng nhiên đại ngộ, giống như tỉnh giấc mộng. Tỉnh giấc rồi, những cảnh giới trong mộng không còn nữa. Nếu đã tỉnh rồi thì chẳng những sáu nẻo không còn nữa, mà mười pháp giới cũng không còn! Lục đạo và mười pháp giới đều là cảnh mộng, không thật, do vọng thức biến ra, Thể của nó là Nhất Chân pháp giới, Thể của nó là nhất tâm bất loạn. Vì thế, Tịnh Độ Tông (tức Tịnh Độ Giáo) nói: "*Nhất tâm bất loạn là giác ngộ, tam tâm nhị ý là mê hoặc*". Thật Tướng của các pháp rốt cục là như thế đó, nói đại lược như vậy. Dẫu nói không nhiều, nhưng giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, chúng ta không dễ gì thấu hiểu, ý nghĩa sâu xa quá!

Chẳng thể thấu hiểu cũng không sao, ngày ngày đọc, ngày ngày có cơ hội nghe đến, một thời gian lâu sau, tâm quý vị định lại. Quan trọng nhất là tâm định thì trí huệ sẽ khai phát, sẽ nghe hiểu. Tâm chao động thì nghe chẳng hiểu. Tâm phải thanh tịnh thì mới có thể nghe hiểu, mới có thể thấu hiểu: Tịnh có thể sanh ra Huệ. Cổ nhân nêu tỷ dụ ngọn đèn: Nếu ngọn đèn bị lay động thì chiếu vật gì cũng không rõ ràng; nước nếu không có sóng gợn sẽ soi bóng cảnh giới bên ngoài chi li, tường tận. Vì thế, chữ Tịnh hết sức quan trọng!

Làm thế nào để giữ cho lục căn của chính mình như như bất động đối với cảnh giới lục trần? Như như bất động là sử dụng chân tâm. Điều này phải rèn luyện, rèn luyện chính là tu hành, phải thực sự thực hiện! Cách thực hiện như thế nào? Luyện sáu căn nơi cảnh giới sáu trần, luyện chẳng khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Pháp Tướng Tông gọi phương pháp này là "*chuyển tám Thức thành bốn Trí*". Chuyển bằng cách ấy, học sao cho không khởi tâm, không động niệm.

Không khởi tâm, không động niệm là không dùng thức thứ tám; không phân biệt là không dùng thức thứ sáu; không chấp trước là không dùng thức thứ bảy. Chỉ cần quý vị không dùng đến chúng thì rõ ràng là ngay lập tức chân tâm được sử dụng.

A Lại Da Thức biến thành Đại Viên Kính Trí, trí huệ chân thật, rõ ràng, rành rẽ, hiểu thấu suốt. Thức thứ bảy biến thành Bình Đẳng Tánh Trí, không chấp trước, vạn pháp bình đẳng. Thức thứ sáu biến thành Diệu Quan Sát Trí, [các thức] bị chuyển đổi đi, cách chuyển như thế đó! Hể khởi tâm động niệm là xong, lại rút vào hai ba (tam tâm, nhị ý), lại biến thành chúng sanh. Phật và chúng sanh khác nhau ở chỗ này. Phật và Pháp Thân Bồ Tát có năng lực ấy, chắc chắn chẳng rút vào hai hay ba. Không rút vào hai hay ba thì chắc chắn sẽ chẳng khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Khởi tâm động niệm thuộc về vọng tưởng.

Ký nhiên như thị, tắc kinh vân: "Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp".

既然如是。則經云。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛號阿彌陀。今現在說法。

(Đã là như vậy thì như kinh nói: "Từ đây đi về phương Tây qua khỏi mười vạn ức cõi nước, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà nay đang thuyết pháp").

Đây chính là những điều kinh Phật đã nói. Đoạn kinh này giảng về Sự. Sự và Lý nhất định phải tương ứng, Sự chẳng trái nghịch Lý, Lý nhất định không trở ngại Sự. Lý - Sự bất nhị. Có Lý đương nhiên có Sự, có Tánh đương nhiên có Tướng. Quý vị hiểu rõ ràng điều này rồi thì mới hiểu được những tướng được hiện ấy.

Tổng bất xuất duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di Đà dã.

總不出唯心淨土。本性彌陀也。

(Nói chung, chẳng ngoài duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di Đà).

"Bản tánh" chính là tự tánh. Như vậy, Tây Phương Cực Lạc là Tịnh Độ, là do chân tâm của chúng ta hiện ra. A Di Đà Phật ở thế giới Cực Lạc là do tự tánh của chúng ta hiện ra. Cõi nước được hiện bởi tự tánh, đức Như Lai được hiện bởi tự tánh, lẽ nào chúng ta không thể thân cận được, chúng có quan hệ quá mật thiết đối với chúng ta. Vì thế, quý vị nhất định phải tin

tưởng ta có phần vắng sanh. Ở phần trên, đại sư đã bảo chúng ta hãy tin tưởng: Tin thực sự có Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thứ hai, phải tin trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật có A Di Đà Phật phát nguyện tiếp dẫn chúng sanh hữu duyên trong mười phương. Thế nào là hữu duyên? Có thể tin, có thể nguyện, có thể chấp trì danh hiệu, đó là hữu duyên. Nay chúng ta tin, ta có thể tin, ta phát nguyện, ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật tức là ta hữu duyên, khẳng định ta phải có phần vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Do thị nhi tri, tức kim hiện tiền.

由是而知。即今現前。

(Do vậy biết rằng: Ngay trong hiện tiền đây).

Dựa trên những đạo lý ấy, chúng ta nên hiểu rõ:

Vong linh, kỳ sanh dã liên hoa đóa đóa, kỳ một dã hàng thụ trùng trùng.

亡靈，其生也蓮華朵朵。其歿也行樹重重。

(Vong linh sống thì hoa sen đóa đóa, thác thì hàng cây tầng tầng).

Hai câu này nghĩa là sao? Sống lẫn chết đều chẳng lìa thế giới Cực Lạc, thực sự không tách lìa. Vấn đề là ở chỗ nào? Vấn đề là giác hay mê. Nếu quý vị giác là được, ngay nơi này chính là Cực Lạc. Nếu mê thì Tây Phương Cực Lạc thế giới tìm không ra. Ngộ thì ngay nơi này chính là Cực Lạc.

Vô nhất thời bất đạt liên bang, vô nhất niệm bất y từ phụ.

無一時不達蓮邦。無一念不依慈父。

(Không lúc nào chẳng đến cõi sen, không niệm nào chẳng nương từ phụ).

"Liên bang" là thế giới Cực Lạc, "từ phụ" là A Di Đà Phật. Chúng ta ngày nay khẩn thiết cầu mong, tức là cầu mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Xưa kia, thiền sư Tử Tâm tức ngài Triệt Ngộ, những đồng học tu Tịnh Độ chắc không ít vị đã đọc cuốn Triệt Ngộ Thiền Sư Ngữ Lục, tôi đang nói đến vị này. Ngài đại triệt đại ngộ nơi Thiền Tông xong, khuyên những ai học Thiền phải niệm A Di Đà Phật. Ngài nói người tham Thiền tốt nhất nên niệm Phật, vì nguyên nhân nào? Sợ rằng cả một đời này không có cách gì đại triệt đại ngộ được. Nếu Thiền không đại

triệt đại ngộ, sẽ không ra khỏi lục đạo, vẫn phải sanh tử luân hồi, là hồng rồi! Vì thế phải nương vào nguyện lực của A Di Đà Phật tiếp dẫn vãng sanh.

Ngài nói nếu chịu niệm Phật, có thể tin, có thể nguyện, có thể niệm Phật mà nếu chẳng sanh về Tịnh Độ thì "lão tăng đương đọa Bát Thiết địa ngục" (lão tăng sẽ đọa vào địa ngục bị quỷ sứ kéo lưỡi tội nhân ra cho trâu cày). Ngài bảo đảm như vậy, pháp môn này đúng là "vạn người tu, vạn người về". Hiện tại, vì sao người niệm Phật rất đông, người vãng sanh lại ít? Vì họ niệm không đúng như pháp! Căn bản là họ không hiểu được đạo lý và phương pháp niệm Phật. Họ không hiểu, cho nên miệng có, tâm không, chẳng tương ứng. Nếu đối với những đạo lý, cảnh giới ấy quý vị đều hiểu rõ, đều thấu suốt, đúng lý, đúng pháp, chẳng để sót một điều gì thì đúng là vạn người tu, vạn người vãng sanh. Đến đây cũng là hết một đoạn khai thị, chúng ta xem tiếp phần sau, ngài Trung Phong lại tổng kết:

Thẩm như thị, thả đạo: Ly thử tâm Phật chúng sanh ngoại, biệt hữu thương lượng xứ dã vô.

審如是。且道。離此心佛眾生外。別有商量處也無。

(Xét như thế, nên nói: Lìa tâm, Phật, chúng sanh này ra, còn có chỗ thương lượng nào khác hay không?)

"Thẩm" (審) là thẩm sát (xem xét, suy xét) kỹ càng, cũng có nghĩa là quan sát. Những Sự - Lý vừa nói trên đây, nếu quý vị đều hiểu rõ, đều thấu suốt, thì nay phải hỏi: "Thả đạo: Ly thử tâm Phật chúng sanh ngoại, biệt hữu thương lượng xứ dã vô" (Nên nói: Lìa tâm, Phật, chúng sanh này ra, còn có chỗ thương lượng nào khác hay không?): Lìa ngoài tâm, Phật, chúng sanh ra, còn có gì hay không? Một câu này đã nói hết sạch. Tâm, Phật, chúng sanh bao quát hết thảy vạn sự vạn pháp trong toàn bộ vũ trụ. Ở đây thiền sư dùng phương cách trong Thiền Tông để hỏi: "Người hiểu chưa?" Một phen giảng cho các người đại đạo lý này, các người nghe rồi đã hiểu hay chưa? Các người có hiểu thấu hay chẳng? Các người thực sự rõ thấu hay chưa? Tiếp đó, thiền sư lại nói một bài kệ:

Đại viên kính lý tuyệt tiêm ai.

大圓鏡裡絕纖埃。

(Nơi gương tròn lớn sạch tinh khôi).

"Đại viên kính" là tâm tánh. Trong tâm tánh không có vật gì. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói rất hay: "Bổn lai vô nhất vật" (vốn không có một

vật). Đại viên kính là chân tâm, trong chân tánh vốn chẳng có một vật nào. "Ai" (埃) là trần ai (塵埃: bụi bặm), "tiêm" (纖) là rất nhỏ. Một mảy trần ai cũng không có, chân tâm mà! Câu này giảng về Thể, về Lý, chân tâm, bản tánh. Câu tiếp theo luận về Sự, tức những tướng được hiện. Hễ có Lý nhất định phải có Sự. Có Tánh nhất định có hiện tướng. Hiện những tướng nào?

Bích ngẫu hoa trung hữu thánh thai.

碧藕華中有聖胎。

(Xanh biếc giò sen nẩy thánh thai).

Câu này nói về ao sen bảy báu nơi thế giới Tây Phương. Bốn câu kệ này nhằm dạy chúng ta; trong hai năm gần đây, chúng tôi đặc biệt đề cao "thuần tịnh, thuần thiện". Tâm chúng ta phải thuần tịnh, hạnh của chúng ta phải thuần thiện. "Thuần tịnh, thuần thiện" tương ứng với tánh đức, tương ứng với Di Đà, tương ứng Tịnh Độ. Câu kệ này nói đến ao sen bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, "*bích ngẫu hoa trung hữu thánh thai*" (trong đóa sen biếc có thánh thai). Ở đây, chúng ta vừa phát tâm, trong ao bảy báu mọc lên một búp sen, trên hoa ghi tên họ của chúng ta. Chúng ta niệm Phật công phu càng siêng năng, hoa sen ngày càng to. Khi nào tâm quý vị lui sụt, hoặc đổi sang tu pháp môn khác, hoa ấy bèn khô héo, không còn nữa!

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy các pháp đều bất sanh bất diệt, chỉ riêng hoa sen trong ao bảy báu có hiện tượng sanh diệt. Quý vị thấy hoa sen liền biết có một người phát tâm chân chánh, muốn sanh về thế giới Cực Lạc. Mấy bữa sau, thấy hoa sen không còn nữa, biết người ấy đã ngã lòng, thay đổi ý niệm. Lúc nào phát tâm, lúc ấy đóa sen bèn trở. Câu kệ này đúng như kinh đã nói: "*Tịnh cực quang thông*" (Tịnh đến cùng cực thì sẽ chiếu sáng thông suốt), tướng báu thanh tịnh được hiện ra. Thật đấy! Chính chúng ta có thể làm được điều này, chớ bỏ mất. Chuyện gì trong thế gian này cũng đều là giả, chỉ có mình chuyện này là thật. Vì thế, quý vị phải biết buông cái giả xuống, phải biết buông bỏ. Riêng chuyện này là thật.

Dao vọng kim sa trì chiều ngoại.

遙望金沙池沼外。

(Cát vàng ao báu ngoài xa ngắm).

Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Nay chúng ta là phàm phu chưa đạt đến cảnh giới ấy; vì thế, không gian vẫn còn xa - gần, đạt đến cảnh giới nào thì sẽ không còn xa - gần nữa? Khi kiến tánh thì sẽ không còn nữa, khi minh tâm kiến tánh thì xa - gần không còn nữa. Chúng ta chưa đạt đến cảnh giới ấy, "*dao vọng kim sa trì chiếu ngoại*" là phía ngoài ao sen bảy báu. Trong ao bảy báu ấy, có nước tám công đức, có hoa sen.

Bảo quang thường chiếu ngọc lâu đài.

寶光常照玉樓臺。

(*Bảo quang chiếu mãi ngọc lâu đài*).

Phía ngoài ao bảy báu là nơi hoạt động của những người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới hoa nở thấy Phật, họ tự hành, hóa tha, thân cận Như Lai, rộng độ chúng sanh. Thiền sư dùng từ ngữ "*ngọc lâu đài*" để hình dung. Phần sau là nói đến chuyện Chánh Tu. Đoạn khai thị này nhằm lay tỉnh mọi người đang mê chấp hãy thực sự tỉnh ngộ, hết thầy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tự nhiên buông xuống. Buông xuống rồi thì công phu của chúng ta mới đắc lực. Một tiếng Phật hiệu, một tiếng lòng, một niệm tương ứng một niệm Phật, phải niệm Phật liên tục. Nay chúng ta quen thói lúc nhiều Phật bèn vừa đi nhiều vừa niệm Phật một ngàn câu, đấy là Chân Tu.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Niệm một ngàn tiếng là chánh xác, tiêu chuẩn đấy! Tiếp đó, niệm ba lần "*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, nam-mô Đại Thế Chí Bồ Tát, nam-mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát*", mỗi danh hiệu ba lần. Phật sự ấy hoàn tất, tức niệm Phật xong xuôi, tiếp đó lại khai thị lần thứ hai, đúng là rất miêng xót lòng. Pháp Sự này có Sự, có Lý, hỗ trợ nhau, hoàn thành cho nhau, niệm Phật thành tựu tam-muội, khai thị nhằm khai phát trí huệ. Vì thế, pháp sự này là học Định lẫn Huệ một cách quân bình, phước huệ song tu, hết sức thù thắng, nhất định phải thành tâm thành ý tu tập. Xin xem phần Khai Thị tiếp theo, cũng là phần phát nguyện, khai thị bằng cách phát nguyện.

22. Phát nguyện

***Thập phương tam thế Phật,
A Di Đà đệ nhất.***

十方三世佛。

阿彌陀第一。

*(Mười phương tam thế Phật,
A Di Đà bậc nhất).*

Từ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta có thể thấy được điều này. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn khen ngợi A Di Đà Phật, khen A Di Đà Phật là "quang trung cực tôn, Phật trung chi vương" (ánh sáng tôn quý nhất, vua trong chư Phật). Thích Ca Mâu Ni Phật xưng tán A Di Đà Phật như vậy, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai cũng giống hệt như Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật thay mặt cho hết thảy chư Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán như thế chính là mười phương ba đời hết thảy chư Phật tán thán. Chúng ta nhất định khẳng định được điều này.

"Thập phương tam thế Phật, A Di Đà Phật đệ nhất" (mười phương tam thế Phật, A Di Đà bậc nhất): Lời này nào phải tùy tiện nói! Không phải là chúng ta tu Tịnh Độ rồi cố ý tán thán Tịnh Độ. Không phải vậy, mà là sự thật đấy nhé! Vì sao phải tán thán như thế? Trong những bộ kinh to luận lớn cũng tán thán rất nhiều. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư cũng nói hết sức rõ ràng: Cõi thù thắng nhất của A Di Đà Phật không phải là cõi Thật Báo, cũng không phải cõi Phương Tiện, mà là Phàm Thánh Đồng Cư độ. Ngài thiết lập cõi Phàm Thánh Đồng Cư độ quá khéo, khiến cho hết thảy những chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng đều có thể đới nghiệp vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được bốn mươi tám nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, khiến những người ấy được thọ dụng hoàn cảnh tu học bằng với hàng Thất Địa Bồ Tát. Vì thế, họ đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Mười phương hết thảy các cõi Phật đều chẳng có được điều này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có, nên hết thảy chư Phật đều xưng tán Ngài.

Trong hết thảy các cõi Phật đều có lục đạo chúng sanh, lục đạo chúng sanh chẳng dễ gì được thành tựu. Vì thế, hết thảy chư Phật Như Lai đều giảng Tịnh Độ tam kinh, đều khuyên lục đạo chúng sanh trong những cõi ấy hãy niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Vì vậy, thế giới Cực Lạc giống như một đại học Phật giáo do hết thảy chư Phật cùng lập ra, chư Phật gọi các đệ tử của chính mình đến trường đó học, A Di Đà Phật là hiệu trưởng của trường ấy. Vị hiệu trưởng ấy giỏi giang, khéo dạy, nên tất cả hết thảy chư Phật đều tôn kính Ngài, đều bội phục Ngài. Quý vị hãy từ tỷ dụ này mà thấu hiểu, mới biết lời xưng tán này không phải là hư giả.

***Cửu phẩm độ chúng sanh,
Oai đức vô cùng tận.***

九品度眾生。

威德無窮盡。

*(Chín phẩm độ chúng sanh,
Oai đức không cùng tận).*

Trước kia, có kẻ nói Tây Phương Cực Lạc thế giới không thể đời nghiệp, chỉ có thể tiêu nghiệp vãng sanh, chứ không thể đời nghiệp vãng sanh. Những lời lẽ ấy gần như khiến cho toàn bộ những người niệm Phật trên thế giới bị chần động, gây ra một phen hoang mang, không biết phải làm sao: “Không đời nghiệp thì biết làm sao đây? Chúng ta tu pháp môn này cũng như không!” Nói thật ra, trong thời Mạt Pháp hiện tại, nếu không đời nghiệp vãng sanh, bất luận tu học pháp môn nào cũng không ai có thể thành tựu được. Vì sao? Vì không tiêu được nghiệp chướng tập khí, trong ức vạn người khó có được một ai. Vì vậy, không đời nghiệp vãng sanh sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh. Quý vị thấy “*cửu phẩm độ chúng sanh*” (chín phẩm độ chúng sanh) thì là đời nghiệp hay là không? Nếu không đời nghiệp thì chín phẩm do đâu mà có? Chín phẩm há chẳng phải là do đời nghiệp nhiều hay ít khác nhau hay sao? Cho dù chưa đoạn được một phẩm phiền não nào mà niệm Phật vẫn được vãng sanh, sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư độ.

Vì thế, đem so thế giới Tây Phương với hết thảy các cõi Phật thì Phàm Thánh Đồng Cư độ của Cực Lạc thù thắng khôn sánh, qua kinh luận chúng ta đã đọc thấy rất nhiều. Tây Phương Tịnh Độ sanh về một là sanh về hết thảy, ở trong Phàm Thánh Đồng Cư độ, quý vị có thể thân cận Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, những bậc Pháp Thân đại sĩ như thế. Trong những Tịnh Độ các phương khác, những vị đại sĩ đó trụ trong Thật Báo Trang Nghiêm độ, quý vị không tiến vào Thật Báo Trang Nghiêm độ sẽ không thể gặp những vị ấy. Thế nhưng tại Phàm Thánh Đồng Cư độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn có thể suốt ngày từ sáng đến tối ở cùng một chỗ với các Ngài, thù thắng khôn sánh! “*Cửu phẩm độ chúng sanh, oai đức vô cùng tận*” (chín phẩm độ chúng sanh, oai đức không cùng tận). Sự thù thắng ấy do oai đức từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì.

***Ngã kim đại quy y,
Sám hối tam nghiệp tội.***

我今大歸依。

懺悔三業罪。

(Con nay đại quy y,
Sám hối tội tam nghiệp).

Nay chúng ta gặp được duyên này, kinh Di Đà dạy: "*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*" (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Chúng ta ngày nay gặp được duyên này, thiện căn là gì? Có thể tin, có thể phát nguyện, mong cầu vãng sanh, đấy là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là niệm Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Đấy là phước đức. Vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, về Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật. Đối với chúng sanh trong chín pháp giới, chẳng những pháp môn này độ được người, mà còn độ được cả súc sanh đạo. Quý vị thấy trong Tịnh Tông có cuốn sách Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế)^{1[1]} chuyên ghi chép những chuyện súc sanh niệm Phật vãng sanh, ngạ quỷ niệm Phật vãng sanh, thậm chí còn có chuyện địa ngục niệm Phật vãng sanh. Đúng là phổ độ chúng sanh. Nay chúng ta gặp được [pháp môn Tịnh Độ], đã gặp thì phải nên phát tâm, "*đại quy y*".

"*Sám hối tam nghiệp tội*" giống như trong bài kệ Sám Hối của Phổ Hiền Bồ Tát đã nói trong phần trên. Sám hối phải phát xuất từ nội tâm, thực sự sám hối. Trong tam nghiệp tội thì tội gì nặng nhất? Thưa cùng quý vị: Không phải là sát sanh, trộm cắp, hay dâm dục, không phải những tội đó, tội lớn nhất là không tin vào Tịnh Độ. Vì sao? Vì chẳng thể vãng sanh, bỏ lỡ mất cơ hội này. Quý vị nên biết: Qua kinh luận, đức Phật dạy chúng ta, Ngũ Nghịch Thập Ác tội nặng đến đâu? Giết cha mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, những tội nặng nề! Nếu như sám hối, quay đầu niệm Phật thì đều được vãng sanh. Như vậy, tội lỗi nặng nhất khiến cho quý vị chắc chắn chẳng thể vãng sanh chính là vì quý vị hoài nghi, không tin tưởng, tội lỗi ấy quá nặng. Ngày nay chúng ta "*sám hối tam nghiệp tội*" phải chú trọng điều này, không chịu niệm Phật, không tin vào niệm Phật. Hiện tại chúng ta có cái tội này hay không? Mỗi người hãy tự phản tỉnh!

Chúng tôi thường nghĩ đến lời giáo huấn của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, những lời dạy ấy được ghi trong tập sách nhỏ [mang tựa đề] Tây Phương Xác Chỉ. Ngài dạy chúng ta niệm Phật "không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn". Chúng ta không làm được những điều ấy là có tội!

1[1] Vật Do Như Thử có nghĩa là loài vật mà còn biết hiếu hạnh, nhân nghĩa, tu hành như thế, há con người lại thua kém ư? Tác phẩm này do Từ Hạc Tử biên soạn vào đời Thanh, chép những gương hiếu hạnh, trung tín cũng như niệm Phật vãng sanh của các loài vật.

Những tội nghiệp ấy khiến cho chúng ta trong một đời này chẳng thể thành tựu. Khi sám hối tam nghiệp tội, chúng ta phải đặt chuyện này lên đầu. Thực sự không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Chúng ta niệm Phật, câu niệm Phật nơi miệng có thể gián đoạn, nhưng niệm Phật nơi tâm không được gián đoạn. Miệng niệm thì phải coi mình đang ở nơi đâu, có những chỗ không thuận tiện niệm [ra tiếng], nhưng Phật hiệu trong tâm chưa hề bị gián đoạn.

Trong đời này, tôi đã thấy một người từ trước đến nay chưa hề thấy có lúc gián đoạn, gây ấn tượng rất sâu cho tôi, người ấy chính là Chương Gia đại sư. Lão nhân gia không niệm Phật mà trì chú, Ngài trì chú theo cách Kim Cang Trì. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chẳng trở ngại người khác, miệng Ngài động, tay lần xâu chuỗi; tay động, miệng động nhưng không phát ra âm thanh. Chúng tôi đến gặp lão nhân gia, Ngài cùng tôi trò chuyện, lúc đang trò chuyện, chúng tôi thấy rõ tay lần chuỗi không động, tay cầm xâu chuỗi không động. Ngài nói chuyện với quý vị, nói xong, ngay lập tức lại lần chuỗi tiếp. Từ trước đến nay chưa hề thấy Ngài thay đổi cách ấy, đúng là đã thành thói quen, tâm Ngài định, tâm thanh tịnh.

Thầy Lý từng thân cận đại sư, lúc tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý, nhắc đến chuyện ấy, [tôi thưa với thầy Lý là] trong quá khứ tôi chỉ có một vị thầy là Chương Gia đại sư dạy tôi ba năm. Thầy Lý đối với Chương Gia đại sư rất khâm phục, thầy nói chúng ta là phàm phu không thể suy lường nổi cảnh giới của Chương Gia đại sư. Thầy nói nhìn vào cách hành trì của đại sư, bất luận quan sát bất cứ khi nào, đại sư luôn đang ở trong Định. Thầy nói không biết đại sư đã khai ngộ hay chưa, nhưng đại sư đã đắc tam-muội, thật đấy, không giả đâu! Quả thật đại sư đi, đứng, nằm, ngồi đều trong Định. Công phu của đại sư (chúng tôi không biết Ngài ngủ như thế nào), bất luận trong trường hợp nào mỗi khi quý vị quan sát đại sư, quý vị quan sát kỹ thấy đại sư công phu không gián đoạn, chẳng bị khuấy nhiễu. Bất luận trong hoàn cảnh nào, dù là thiện duyên hay ác duyên, nghịch cảnh hay thuận cảnh, chẳng mảy may liên can đến Ngài. Ngài lần chuỗi, niệm chú không ra tiếng. Đây là sám hối chân thật.

Sám hối phải thể hiện bằng hành động. Không phải là đối trước Phật, Bồ Tát cầu xin, van vái, nói: “Con sám hối, cầu Phật Bồ Tát tha tội!” Không hề mang ý nghĩa ấy, làm như vậy sẽ chẳng sám hối được, nhất định phải hiểu lý! Chương Gia đại sư chỉ cho chúng ta cách tu sám hối, cách tu như thế nào? Sau này không làm nữa, đó mới thực sự là sám hối. Niệm Phật là sám hối rất ráo. Trong mười hai thời, từ nay trở đi Phật hiệu trong tâm không gián đoạn. Quý vị chẳng có vọng tưởng thì khuất phục được phiền não. Phật hiệu vừa đoạn thì vọng niệm bèn khởi. Vọng niệm là tội nghiệp, quý vị tạo nghiệp nơi ý. Ý tạo nghiệp, thân khẩu tự nhiên sẽ tạo nghiệp

theo. Do vậy, pháp sám hối rất ráo chính là "*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*" (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp). Đây mới là cách sám hối rất ráo. A! Nay đã đến giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại xem tiếp phần Khai Thị của thiền sư Trung Phong.
Trong buổi trước, chúng ta đã đọc đến:

***Ngã kim đại quy y,
Sám hối tam nghiệp tội.***

我今大歸依。

懺悔三業罪。

(Con nay đại quy y,
Sám hối tội tam nghiệp).

Đối với người niệm Phật mà nói thì câu này là xưng niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật. Nam Mô là Quy Y, A Di Đà Phật là chân chánh sám hối diệt tội. Trong quá khứ, Phật môn đặc biệt là Tịnh Độ Tông yêu cầu học nhân trong từng niệm tâm phải luôn có A Di Đà Phật, phải dưỡng thành thói quen. Bình thường tiếp xúc người khác, thậm chí người ta gọi tên mình, phải trả lời như thế nào? Đều trả lời: "A Di Đà Phật". Dưỡng thành thói quen đó, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng không có, gần như biến thành một loại quy củ trong nhà Phật.

Người có tâm cầu vãng sanh niệm một câu A Di Đà Phật, phước huệ tăng trưởng. Không có ý nghĩ mong vãng sanh, thậm chí không muốn học Phật pháp thì niệm một câu A Di Đà Phật sanh phước báo, diệt tội sanh phước, vô lượng vô biên công đức. Vô cùng đáng tiếc, người ấy không hiểu, mà cũng không biết, cho nên trong cuộc sống thường ngày không biết tu. Vì nguyên nhân nào vậy? Vì mê hoặc, vì mê mất. A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tánh, là tên gốc của Chân Như Bản Tánh, trong những phần trên chúng tôi đã giảng rồi, A Di Đà Phật là tên gốc của hết thảy chư Phật, chẳng thể nghĩ bàn!

Ngay trong số những người tu Tịnh Độ chúng ta, số người biết [điều này] cũng không nhiều. Nếu thực sự biết, sẽ quý trọng một câu [danh hiệu] này, sẽ coi một câu danh hiệu này là vô thượng trân bảo, không có một pháp thế gian hay xuất thế gian nào có thể sánh bằng! Quý vị chỉ cần một mực niệm, đúng như Chương Gia đại sư đã nói trước đây: "*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*" (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Quý vị muốn cầu vãng sanh,

muốn cầu thành Phật, đều dễ dàng đạt được, hưởng chi tất cả hết thảy những pháp thể gian? Thực sự là "*hữu cầu tất ứng*". Vấn đề là phải niệm đến mức độ nào? Phải niệm đến khi không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Trong một đời này (thế giới hiện tại đúng là quá nhiều tai nạn), gặp hung hóa cát, gặp nạn thành lành, chuyện gì cũng xứng tâm như ý. Mỗi câu tôi vừa nói đều là lời chân thật, hiện tại quý vị được hết thảy chư Phật hộ niệm, hết thảy các thiện thần ủng hộ. Hai câu trên đây lợi ích vô biên, sâu rộng không ngăn mé, nhưng những người học Phật thường coi thường, thuận tiện như thế mà bỏ qua, đúng là vì nghiệp chướng sâu nặng mà thành ra như vậy. Tiếp đó nói:

***Phàm hữu chư phước thiện,
Chí tâm dụng hồi hướng.***

凡有諸福善。

至心用回向。

(*Bao phước thiện đã có,
Chí tâm đem hồi hướng*).

Trong cuộc sống thường nhật, làm được những "*phước thiện*", khởi thiện tâm, thiện niệm, thiện hạnh, vì xã hội, vì đại chúng tu phước. Tuy vậy, phải nhớ rõ: Chớ tự mình hưởng thọ phước báo, tự mình sống khổ sở một chút. Tốt ở chỗ nào? Đối với thế gian này không có tâm lưu luyến, thường có tâm xuất ly, chẳng khởi tham ái đối với thế gian này. Vì thế, có phước báo phải chia cho chúng sanh hưởng, phải giúp đỡ chúng sanh khổ nạn. Trong khi giúp đỡ thì quan trọng nhất là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Bởi lẽ, phá mê khai ngộ thì người ta mới có thể đoạn ác tu thiện, mới có thể thoát sanh tử, xuất tam giới, triệt để vượt thoát hết thảy khổ nạn, các phương pháp khác làm không được. Đó gọi là Phật sự. Phật sự là việc của bậc đại trí đại giác, không phải là chuyện nhỏ!

Nếu có phước báo mà tự mình hưởng thụ, rất dễ bị mê hoặc. Một người hưởng phước bèn mê, bèn điên đảo, bèn tạo ác nghiệp, bèn đọa lạc; phước báo nên dành cho mọi người hưởng. Tự mình mỗi ngày ăn không cầu no, chớ ăn quá no. Ăn quá no sẽ hôn trầm, trợn chẳng tham cầu ăn uống. Ăn uống nhằm bù đắp thể lực, bù đắp năng lượng cho thân thể của chính mình, vừa đủ là tốt rồi, cũng đừng quá phận, hết thảy tùy duyên. Nghĩ đến đức Thích Ca Mâu Ni Phật khi còn tại thế ôm bát đi khất thực, người ta cho thứ gì ăn thứ nấy; có thứ gì vui thích hay không vui thích chẳng? Không có! Trong tâm vẫn là một câu A Di Đà Phật. Ăn ngon, A Di Đà Phật; khó nuốt

cũng là A Di Đà Phật. Như vậy mới tốt! Tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ.

"Chí tâm dụng hồi hướng": "Chí tâm" là tâm chân thành, thành tâm thành ý hồi hướng. Trong phần giảng về mười nguyện Phổ Hiền trước đây, chúng tôi đã nhắc đến hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng Thật Tế. Nay chúng ta hồi hướng chúng sanh, hồi hướng thế giới Cực Lạc, nguyện đem công đức này trang nghiêm Tịnh Độ Phật, niệm niệm chẳng quên cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, niệm niệm chẳng quên thân cận A Di Đà Phật.

***Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm ứng tùy thời hiện.***

願同念佛人。

感應隨時現。

*(Nguyện người cùng niệm Phật,
Cảm ứng tùy thời hiện).*

Chỉ cần chân thành, thầy Lý truyền cho tôi bốn chữ *"chí thành cảm thông"*. Chân thành đến cùng cực, đó là Năng Cảm, chư Phật, Bồ Tát bèn Ứng. *"Cảm ứng tùy thời hiện"*, thế tục thường gọi chuyện này là "Phật, Bồ Tát gia trì, Phật, Bồ Tát bảo hộ"^{2[2]}. *"Tùy thời hiện"*: Trong hết thảy thời, hết thảy nơi chẳng lìa Phật, Bồ Tát, trong tâm chúng ta chỉ có A Di Đà Phật, trong hết thảy thời, hết thảy xứ, chẳng tách lìa, trong hết thảy thời, hết thảy xứ, Phật, Bồ Tát thường chiếu cố.

***Lâm chung Tây Phương cảnh,
Phân minh tại mục tiền.***

臨終西方境。

分明在目前。

*(Lâm chung cảnh Tây Phương,
Hiện rõ ràng trước mắt).*

Ở Trung Quốc, người đầu tiên đề xướng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là Huệ Viễn đại sư thuộc thời đại Đông Tấn. Ngài dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tập hợp một trăm hai mươi ba người chí đồng đạo hợp, không xuống núi, lấy Hồ Khê làm giới hạn, chí đồng đạo hợp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

^{2[2]} Bảo hộ (保佑): Che chở và ban phước, gia trì.

Trong suốt một đời Ngài, ba lần thấy thế giới Cực Lạc, thấy trong Định, nhưng từ trước đến nay chưa hề kể với người khác, giấu kín không nói. Ngài thấy tình trạng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới giống hệt như kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Trước khi vãng sanh bảy ngày, A Di Đà Phật hiện ra trước mặt, bảo Ngài: *"Tịnh nghiệp của ông đã chín muồi, bảy ngày nữa ông sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc"*. A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Ngài. Đến ngày thứ bảy, quả nhiên A Di Đà Phật đến tiếp dẫn. Ngoài Quán Âm, Thế Chí, lại còn có mấy người thuộc liên xã đã vãng sanh trước Sư cũng đứng gần bên A Di Đà Phật. Ngài Huệ Viễn bảo với mọi người như thế; nói xong, Ngài ngồi ngay nơi đó, viên tịch, không sanh bệnh.

Một trăm hai mươi ba người thuộc Liên Xã khi ấy gần như đều vãng sanh hết, chẳng thể nghĩ bàn! Là vì mọi người lúc sơ phát tâm không giống nhau, Viễn Công từ nhỏ đã thông minh tuyệt đỉnh. Truyện ký chép lúc Ngài còn bé, sáu kinh^{3[3]} của Nho Gia đọc rất nhuần, không những đọc nhuần nhuyễn còn hiểu được ý nghĩa. Năm mười mấy tuổi, dường như là năm mười ba tuổi, nghe biết Phật pháp, thân cận vị thầy đương thời là pháp sư Đạo An^{4[4]}, nghe pháp sư Đạo An giảng kinh Bát Nhã bèn khai ngộ. Khai ngộ rồi bèn phát tâm xuất gia. Về sau, Ngài lập đạo tràng tại Lô Sơn, trở thành tổ đời thứ nhất của Tịnh tông, thành khai sơn tổ sư. Bốn câu kệ trên nếu áp dụng vào Niệm Phật Đường ở Lô Sơn quả thật hoàn toàn tương ứng.

3[3] Sáu kinh của Nho Gia (Nho gia lục kinh): Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc, Xuân Thu.

4[4] Đạo An (312-385) là một vị cao tăng lỗi lạc, có đóng góp rất lớn trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc. Ngài có họ ngoài đời là Vệ, người xứ Phù Liễu, Thường Sơn (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), là người đi tiên phong trong nghiên cứu học thuyết Bát Nhã tại Trung Quốc, được pháp sư Cưu Ma La Thập tôn xưng là Đông Phương Thánh Nhân. Ngài mồ côi từ bé, được người anh họ nuôi dưỡng. Tuy diện mạo xấu xí, nhưng Ngài thông minh tốt đỉnh, mới lên bảy đã biết đọc, sách nào cũng chỉ cần đọc hai lượt là thuộc nằm lòng. Ngài xuất gia năm 12 tuổi. Do bôn sư của Ngài thấy Ngài quá xấu xí, không coi trọng, sai trông coi việc cày bừa. Ngài chăm chỉ cày cấy suốt ba năm rồi mới xin học kinh Phật. Thầy thuận tay trao cho cuốn Biện Ý Kinh năm ngàn chữ, Sư chỉ học trong một buổi nghỉ trưa mà thuộc lòng, thông hiểu nghĩa kinh. Đến tối trả lại kinh cho thầy, xin học bộ khác, thầy tức giận quở trách, Sư bèn đọc thuộc lòng và còn giảng được ý nghĩa. Thầy thử sức, trao cho bộ Thành Cụ Quang Minh Kinh một vạn chữ. Sư lại học thuộc lòng trong lúc nghỉ trưa ngày hôm sau. Thầy kinh ngạc, bèn chú tâm bồi dưỡng Sư thành nhân tài hoằng pháp. Khi ngài Phật Đồ Trùng từ Thiên Trúc đến Nghiệp Quận, Sư theo học với ngài Phật Đồ Trùng, rất được ngài Phật Đồ Trùng ưa thích. Do diện mạo xấu xí, đại chúng vẫn có ý coi thường Sư. Do vậy, ngài Phật Đồ Trùng mỗi lần giảng kinh xong, đều yêu cầu pháp sư Đạo An giảng lại, Sư giảng không sai một chữ, khiến đại chúng bội phục. Sư được vua chúa thời ấy rất trọng. Vua nhà Tiền Tần là Phù Kiên đã nói: *"Ta đem 10 vạn quân đánh Tương Dương chỉ để lấy được một người rười, một người là ngài Đạo An, còn Tập Tạc Xỉ là nửa người"* (Tập Tạc Xỉ là một văn nhân kiêm sử gia trứ danh thời ấy). Ngài là người đề xướng phương pháp "cách nghĩa" để giải thích kinh Phật, tức là dùng ngay những tư tưởng và điển cố sẵn có của Trung Hoa để giải thích những nghĩa lý phức tạp trong kinh Phật. Ngài còn đề xướng khi giảng giải một bản kinh, nếu có nhiều bản dịch thì sẽ đối chiếu, so sánh để hiểu trọn vẹn bản kinh ấy. Ngài đề xướng chia một bản kinh ra thành ba phần Tự, Chánh Tông và Lưu Thông, cũng như chế định nghi thức, phẩm phục của tăng sĩ cho thích hợp với văn hóa Trung Hoa, đề xướng Tăng sĩ dùng chữ Thích trước pháp danh v.v...

"Nguyện đồng niệm Phật nhân, cảm ứng tùy thời hiện, lâm chung Tây Phương cảnh, phân minh tại mục tiền" (Nguyện người cùng niệm Phật, cảm ứng tùy thời hiện, lâm chung cảnh Tây Phương, hiện phân minh trước mắt).

Từ xưa những vị đại đức, đặc biệt là các tổ sư đại đức của Tịnh Độ tông cho đến những bậc đại đức trong hàng cư sĩ tại gia, đã nêu những tấm gương vô cùng tốt đẹp. Chúng ta thấy trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hay Vãng Sanh Truyện, chỉ cần là người thực sự niệm Phật, thực sự thực hiện được hai câu kệ ở phần trên: *"Ngã kim đại quy y, sám hối tam nghiệp tội"* (con nay đại quy y, sám hối tội tam nghiệp), một câu A Di Đà Phật chết lòng⁵[5] niệm, quyết định chẳng còn xen tạp những pháp môn nào khác, nhất tâm niệm thì không ai chẳng được vãng sanh.

Nay Ấn Quang đại sư dạy chúng ta, Ngài nói rất hay: Dựng đạo tràng trong thời hiện tại, đạo tràng dù nhỏ vẫn là đạo tràng thập phương. Nếu ai không có tâm riêng tư, nếu không tự tư, tự lợi, bất luận từ địa phương nào đến, cốt sao chí đồng đạo hợp, thực sự tu Tịnh Độ thì chúng ta đều hoan nghênh dự vào đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp. Chúng thường trụ trong đạo tràng không được vượt quá hai mươi người, đạo tràng ấy không hóa duyên⁶[6], không làm pháp hội, không truyền pháp, không thâu đồ cúng, không truyền giới, không làm những Phật sự kinh sám thù tạc, mà chuyên nhất niệm Phật, công khóa mỗi ngày giống như Phật thất phổ biến vậy.

Nay chúng tôi đề xướng, Ấn Quang đại sư dạy không giảng kinh, nay chúng tôi lại đề xướng phải nghe kinh, vì sao? Là vì con người hiện thời không hiểu Lý. Giảng kinh hạn cuộc trong năm kinh một luận Tịnh Độ, trừ những thứ ấy ra thì không giảng. Có thể giảng năm kinh một luận của Tịnh Độ, hoặc ngữ lục của những tổ sư Tịnh Độ tông, đặc biệt là ngữ lục của Liên Trì đại sư, Ngẫu Ích đại sư, Ấn Quang đại sư, chúng ta rút gọn lại trong phạm vi nhỏ như vậy. Mọi người hiểu lý minh bạch, rành rẽ phương pháp, chất phác niệm, chắc chắn thành tựu. Vì thế, đạo tràng tốt nhất phải có giảng đường, có Niệm Phật Đường. Giảng đường để nghe kinh, không hạn chế. Quý vị thích nghe thì nghe, quý vị không thích nghe thì đi niệm Phật. Lấy Niệm Phật Đường làm chủ, dùng giảng đường để phụ trợ, giải hạnh tương ứng, Định lẫn Huệ được học cân bằng, đó là đạo tràng đúng pháp. Chúng ta lại xem đoạn văn tiếp theo:

⁵[5] Chết lòng (từ tâm), không phải là 'hết lòng'. Nói "từ tâm" với ý nghĩa những ý niệm so đo, chup giựt, đứng núi này trông núi nọ đều đã hết sạch, cõi lòng lặng lẽ, không lay động trước những lời giảng thuyết của các pháp sư, đại đức, thiện tri thức dè bủ Tịnh Độ, khuyên dụ hành nhân hãy tu tập pháp môn khác, không còn dấy lên hồ nghi, xao động nên gọi là "chết lòng".

⁶[6] Hóa duyên: Khuyến hóa, kêu gọi người khác đóng góp tiền bạc để xây dựng điện đường, tô chuông, đúc tượng v.v...

**Kiến văn giai tinh tấn,
Đồng sanh Cực Lạc quốc.**

見聞皆精進。

同生極樂國。

(Thấy, nghe đều tinh tấn,
Cùng sanh cõi Cực Lạc).

Đây là đoạn văn mở đầu phần hồi hướng, phát nguyện.

**Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhất thiết.**

見佛了生死。

如佛度一切。

(Thấy Phật hết sanh tử,
Độ hết thảy như Phật).

Đây là nguyện vọng duy nhất của chúng ta: Chúng ta nhất định phải thấy A Di Đà Phật, tu hành trong thế giới Cực Lạc, đoạn xong hai thứ Biến Dịch và Phần Đoạn sanh tử. Quyết định phải chứng được Phật quả rốt ráo thì mới có thể phổ độ chúng sanh trong mười phương pháp giới. Tiếp theo:

Vô biên phiền não đoạn.

無邊煩惱斷。

Đây chính là “*phiền não vô biên thệ nguyện đoạn*”.

Vô lượng pháp môn tu.

無量法門修。

Đoạn phiền não, thành tựu đức năng cho chính mình, bèn học pháp môn để thành tựu học vấn của chính mình, sau đấy mới có thể thực hiện ý nguyện độ chúng sanh.

Thệ nguyện độ chúng sanh.

誓願度眾生。

Câu tiếp theo sau câu này có phạm vi rất lớn, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật đạo.

Tổng nguyện thành Phật đạo.

總願成佛道。

(Nguyện cùng thành Phật đạo).

So với Tứ Hoảng Thệ Nguyện, cảnh giới của nguyện này càng rộng hơn nữa. "*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*" của Tứ Hoảng Thệ Nguyện chỉ nói về chính mình, còn ở đây nói đến tất cả hết thảy chúng sanh, "*tổng nguyện thành Phật đạo*" (nguyện đều thành Phật đạo).

***Hư không hữu tận,
Ngã nguyện vô cùng.***

虛空有盡。

我願無窮。

*(Hư không có thể tận,
Nguyện của tôi khôn cùng).*

Phải phát đại nguyện lớn lao như thế mới tương ứng với nguyện của Như Lai, không có mảy may tự tư, tự lợi nào. Ta đoạn phiền não là vì chúng sanh, ta học pháp môn cũng là vì chúng sanh. Ta thành Phật đạo vẫn là vì chúng sanh. Vì chúng sanh mới chính là thực sự vì mình, vì riêng mình chính là tự hại mình. Phải hiểu đạo lý này! Chúng ta có phước trao cho hết thảy chúng sanh hưởng thì quý vị thực sự có phước, phước vĩnh viễn chẳng hưởng hết. Nếu phước báo để chính mình hưởng, dầu là phước báo tích tập nhiều đời nhiều kiếp, thường chỉ hưởng trong một đời, hai ba mươi năm là hết. Sự tình này nếu quý vị chú tâm quan sát những đế vương trong lịch sử [sẽ thấy]: Kẻ làm vua chúa, phước báo không phải do tu được trong một đời, hai đời, mà là do tu tập tích tụ phước đức từ nhiều đời, sanh vào nhân gian hưởng phước, nên mới được làm đế vương. Họ hưởng được bao nhiêu năm?

Trong số đế vương các đời, người có thể sống đến tuổi sáu mươi rất hiếm. Chúng ta chú tâm quan sát lịch sử, có rất nhiều vua chúa mới ba, bốn mươi tuổi đã mạng chung. Dầu cho họ sanh trưởng trong nhà đế vương, từ nhỏ đã hưởng thụ phú quý, về sau kế thừa ngôi vua; ba bốn mươi tuổi đã chết rồi. Quý vị nghĩ xem nhiều đời nhiều kiếp tu tập, tích tụ phước đức cũng không quá ba, bốn mươi năm là hết, kể cả thời gian làm vương tử.

Thực sự làm đế vương thì có rất nhiều kẻ làm vua chưa đầy mười năm! Có vậy quý vị mới hiểu phước đức mình tích tụ để cho chính mình hưởng sẽ bị hết đi rất nhanh. Nếu cấp cho mọi người hưởng, phước báo ấy sẽ cuồn cuộn đưa tới, vĩnh viễn không gián đoạn, đấy mới là tốt, đúng là đại phước báo. Vì thế, nguyện của chúng ta phải lớn, phải giống với chư Phật, Bồ Tát, "*hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng*" (hư không đâu có tận, nguyện của tôi vô cùng). Tiếp theo đây là bài kệ Hồi Hưởng, cũng là bài kệ Hồi Hưởng của những người chuyên tu Tịnh Độ chúng ta:

23. Hồi hướng

***Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung,
Thượng phẩm liên hoa vi phụ mẫu.***

願生西方淨土中。

上品蓮華為父母。

(*Nguyện sanh trong Tây Phương Tịnh Độ,
Hoa sen thượng phẩm là cha mẹ.*)

Thế giới Cực Lạc không có cha mẹ, chẳng có thai sanh mà là liên hoa hóa sanh, nên ví hoa sen như cha mẹ, chứ không phải là cha mẹ thật. "*Thượng phẩm liên hoa*" là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Con người phải có chí khí, chúng ta đã tu Tịnh Tông, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì sao không cầu Thượng Phẩm Thượng Sanh? Vì sao Hạ Hạ Phẩm là đã mãn nguyện rồi? Những thứ khác đều buông xuống, chỉ yêu cầu mỗi một điều sau đây. Cầu điều gì? Cầu sớm thành Phật đạo, thành sớm một ngày sẽ giúp chúng sanh khổ nạn, vẫn là vì chúng sanh, chứ không vì chính mình. Nếu vì chính mình chứ không vì chúng sanh thì nói thật ra, quý vị không thể vãng sanh được đâu! Vì sao? Nguyện ấy khác với nguyện của A Di Đà Phật, không giống với nguyện của tất cả các thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trái nghịch với họ, nên không vãng sanh được. Hết thảy vì chúng sanh, đoạn phiền não vì chúng sanh, thành Phật đạo vì chúng sanh, cầu Thượng Phẩm Thượng Sanh vẫn là vì chúng sanh.

***Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh,
Bất thoái Bồ Tát vi bạn hữu.***

華開見佛悟無生。

不退菩薩為伴侶。

(*Hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh,*

Bất thoái Bồ Tát là bè bạn).

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, liên hoa hóa sanh, thượng phẩm thượng sanh, đến nơi ấy hoa nở rất nhanh. "Hoa nở" tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho chính mình, không phải do A Di Đà Phật gia trì, mà do công phu tu hành của chính mình đã đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Chúng ta vãng sanh đại đa số là công phu thành phẩm, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới ở trong hoa sen, hoa sen chưa nở. Đến lúc nào hoa mới nở? Đến khi nào chúng được Lý nhất tâm bất loạn, cũng tức là đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Do vì quý vị ở trong hoa sen, Phật đến dạy quý vị, chư Phật, Như Lai đến giảng kinh thuyết pháp cho quý vị, quý vị thích tu pháp môn nào đều có thể học pháp môn ấy.

"*Bất Thoái Bồ Tát*": Các vị Bồ Tát viên chứng ba thứ Bất Thoái từ Thất Địa trở lên là đồng tham đạo hữu của quý vị, là đồng học của quý vị, là bằng hữu ở cùng một chỗ với quý vị. Nhiều đồng tham đạo hữu tốt lành đến như thế, lại có chư Phật Như Lai tới dạy dỗ, quý vị nghĩ thử xem: Khai ngộ rất nhanh chóng! Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, hoa sen bèn nở. Vì thế, hoa sen vừa nở thì đó là cảnh giới nào? Là Thật Báo Trang Nghiêm Độ! Trong hoa sen là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, là Phương Tiện Hữu Dư Độ. Hoa nở rồi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Đây là cảnh giới quý vị đích thân chứng được.

Tất cả hết thầy khai thị, tán tụng, phát nguyện, không gì chẳng nhằm hiển thị y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng khôn sánh. Chúng ta nghe xong, thấy xong, hãy nên phát nguyện vãng sanh cõi Phật. Duyên ấy đúng là "*bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*" (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Cư sĩ Bành Tế Thanh nói rất hay: "*Vô lượng kiếp lai, hy hữu nan phùng chi nhất nhật*" ([ngày được gặp gỡ, nghe nói pháp môn Tịnh Độ] là một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay). Ngày hôm nay chúng ta đã gặp. Tiếp đến là phần tán thán Pháp Bảo trong phần tán thán Tam Bảo. Ở trên, chúng ta đã đọc qua về phần tán thán Phật Bảo. Ở đây là tán thán Pháp Bảo trong thời thứ hai:

24. Tam Bảo tán – tán thán Pháp Bảo

Pháp Bảo thực nan lượng.

法寶實難量。

(Pháp Bảo thật khó lường).

"*Lượng*" (量) là đo lường, suy lường. Nói cách khác, "*Pháp Bảo thực nan lượng*" nghĩa là Pháp Bảo quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Không cần phải xem kinh luận nào khác, nay chúng ta chỉ đọc mình Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự này thôi, quý vị thấy kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, lại còn tán Phật, phát nguyện, khai thị, nhìn vào một chút nhỏ nhặt dường này mà đã [thấy Pháp Bảo] chẳng thể nghĩ bàn, huống chi cả một Đại Tạng Giáo, quả thật khó nghĩ khó bàn, chẳng thể nghĩ bàn!

Như Lai kim khẩu tuyên dương.

如來金口宣揚。

Chữ "*kim khẩu*" (miệng vàng) hàm ý xưng tán. Nhìn từ mặt Sự, Phật là kim sắc thân, [nghĩa là] thân Phật màu vàng ròng, bởi thế chúng ta nói mặt Phật là "*kim diện*" (mặt vàng), gọi miệng Phật là "*kim khẩu*". Nếu luận theo Lý thì trong bảy báu, vì sao vàng được mọi người coi trọng đến thế? Vì vàng chẳng biến đổi, những thứ khác như bạc chẳng hạn có thể bị "dưỡng hóa" (oxidize: ôc-xít hóa), biến thành màu đen. Riêng màu vàng của vàng trong bất cứ tình huống nào cũng vẫn giữ được bản sắc, nên trong những thứ kim loại, mọi người đều quý vàng. Chữ "*kim khẩu*" ý nói những lời Như Lai nói đều là vĩnh hằng bất biến, chữ Kim có ý nghĩa như vậy, biểu thị ý nghĩa này. Hết thảy pháp do từ miệng vàng của đức Như Lai tuyên dương.

Long cung hải tạng tán thiên hương.

龍宮海藏散天香。

(Cất tại cung rồng trong biển cả, rải hương trời)

Lúc đức Thế Tôn thuyết pháp, nói xong, Đại Long Bồ Tát thu thập lại, cất giữ trong thư viện của mình, cất giữ trong cung rồng. Câu này chỉ kinh gì vậy? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Lúc đức Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện mới thành Phật, ở dưới cội Bồ Đề, đức Phật nói kinh này trong Định, thời gian không dài, trong hai tuần, có chỗ nói là ba tuần. Nói cách khác, tính là ba tuần thì mới là hai mươi một ngày, đức Phật giảng kinh trong Định. Phàm phu chẳng có phần, chẳng thể tham dự pháp hội trong Định của Như Lai, bởi lẽ, đại chúng tham dự pháp hội là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Chúng tôi thường nói: "*Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Chân Tánh*". Người như vậy mới đủ tư cách tham dự pháp hội Hoa Nghiêm, nghe đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, đi vào trong Định của Như Lai. Cũng có nghĩa là người trong mười pháp giới chẳng có phần.

Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có rất nhiều thiên chúng, thần chúng, vì sao họ cũng tham dự được? Phải biết: Những loại chúng quý thần ấy đều là chư Phật hay Pháp Thân Bồ Tát thị hiện trong chín pháp giới, không thực sự là phàm phu. Nếu thực sự là phàm phu, họ làm sao có thể tham dự pháp hội ấy được? Vì thế, trong số các quý thần cũng có chư Phật, Bồ Tát ứng hóa, họ là ứng hóa nên có thể tham gia. Họ tham gia cũng như đại diện cho một loài chúng sanh, chứ không phải là phàm nhân, mà toàn là Pháp Thân Bồ Tát.

Trong thời gian ngắn ngủi như thế, đức Phật giảng bao nhiêu? Giảng quá ư là nhiều! Đức Phật diệt độ sáu trăm năm, Long Thọ Bồ Tát sanh ra. Ngài Long Thọ là Sơ Địa Bồ Tát, đi vào long cung, thấy Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh lớn đến chừng nào? Ngài nói: *"Mười đại thiên thế giới vi trần kê, một tứ thiên hạ vi trần phẩm"*. Trong thế gian này không có ai có thể đọc hết nổi! Lại xem có bản nào đơn giản hơn hay không? À! Lại coi đến Trung Bản, người thế gian chúng ta vẫn không thể lãnh thọ được nổi, vì phân lượng quá lớn. Cuối cùng, còn có thứ nào đơn giản hơn hay chăng? Đại Long Bồ Tát liền đưa phần mục lục đề yếu của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cho ngài Long Thọ xem. Giống như Tứ Khố Toàn Thư của chúng ta vậy. Quý vị thấy bộ Tứ Khố Toàn Thư ở giảng đường chúng ta, nay là bản in chữ rút nhỏ lại, tổng cộng một ngàn năm trăm tập. Bộ sách này có bản Mục Lục Đề Yếu đơn giản nhất, in thành năm tập; phần này do Kỳ Hiếu Lam biên soạn: Mỗi một cuốn sách, tựa đề, tác giả, sáng tác trong niên đại nào, nội dung nói những gì, đều được giới thiệu đơn giản. Những thứ này trước đây được soạn cho vua Càn Long xem. Hoàng đế Càn Long không có thời gian xem nhiều sách đến thế, do vua muốn hiểu nội dung mỗi cuốn sách như thế nào, nên [Kỳ Hiếu Lam] đặc biệt soạn tóm tắt cho vua xem.

Ngày nay chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, chính là mục lục đề yếu của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh. Quý vị mới hiểu đức Thế Tôn nhập Định, quý vị phải biết là thời gian trong Định đem so với thời gian hiện tại của chúng ta phải có sai biệt. Kinh Đại Thừa thường nói: *"Một niệm có thể mở rộng thành vô lượng kiếp, vô lượng kiếp có thể rút gọn thành một niệm"*. Niệm và kiếp viên dung. Vì thế, đức Phật có thể trong khoảng một niệm giảng vô lượng vô biên Phật pháp, biến thành vô lượng kiếp. Đây chính là ý nghĩa của câu *"long cung hải tạng tán thiên hương"*. Đại Long Bồ Tát thâm cất trong cung rồng. Bản Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh do Long Thọ Bồ Tát truyền ra gồm mười vạn kê^{7[7]}, bốn mươi phẩm, đều là phần mục lục đề yếu.

7[7] Theo hòa thượng Tịnh Không đã giảng trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên Đích Khải Thị, “kê” là cách người cổ Ấn Độ tính kích thước một tác phẩm. Cứ bốn câu gọi là một Kê (không phân biệt mỗi câu dài ngắn khác nhau); chữ Kê này có ý nghĩa khác với chữ Kê Tụng (cũng thường gọi tắt là Kê). Kê Tụng cũng gồm bốn câu, nhưng

Giác giả tụng lang hàm.

覺者誦琅函。

(Bậc giác ngộ đọc kinh văn).

Chỉ có người thực sự giác ngộ mới hiểu học, mới thích thú, thích thọ trì, đọc tụng. Từ ngữ "lang hàm" (琅函) ngày nay cũng ít người hiểu. Lang Hàm là gì vậy? Lang Hàm là cái hộp chứa đựng sách thời cổ. Như nay quý vị thấy những cuốn sách in theo lối cổ, bên ngoài có một cái hộp đựng để bảo vệ. Câu này có ý nghĩa là đọc quyển kinh, nói theo cách bây giờ là đọc bản kinh.

Ngọc trục, hà điều, kim tả tự.

玉軸霞條金寫字。

(Trục ngọc, lụa màu ráng trời, viết chữ vàng).

Những bản kinh xưa kia, những bản kinh cổ nhất được viết trên lụa, giống như thư họa hiện tại. Vì thế gọi là một Quyển (卷: cuộn lại). Quyển ấy viết xong, cuộn lại, gấn trục, trục được làm bằng ngọc. Dùng lụa loại tốt nhất nhằm tôn trọng kinh điển, coi kinh điển như của báu vô thượng. Kinh quyển thời cổ như thế – nói theo cách bây giờ là "trang hoàng" – dùng cách trang hoàng kinh điển đẹp đẽ, quý trọng nhất, chữ viết bằng vàng. Hiện tại quý vị có thể thấy những quyển kinh như thế trong những viện bảo tàng, có loại viết chữ vàng, có loại viết chữ bạc; dùng [bột] vàng hay bạc [hòa vào mực hay chất sơn] để viết.

Tự bài thu nhận thành hàng.

似排秋雁成行。

(Như chim nhận bay thành hàng trong mùa Thu).

Câu này có ý chỉ Phạn văn, cũng có thể hiểu là thư pháp viết hết sức đẹp đẽ, thư pháp tinh xảo, tề chỉnh. Phạn văn được viết theo hàng ngang, còn Hán văn viết theo hàng dọc. Văn tự Tây Tạng là biến thể trực tiếp của văn tự tiếng Phạn, giống như văn tự Nhật Bản do học từ Trung Quốc rồi biến đổi đi, có quan hệ hết sức mật thiết. Nay chúng tôi đến Nhật Bản, nói thật ra, không khác gì ở Trung Quốc cả, dấu ngôn ngữ không thông, nhưng

số chữ có hạn định, có vần điệu, thường được dùng để trùng tuyên những ý nghĩa đã giảng hay thừa thỉnh hoặc giải đáp.

văn tự xem đến liền hiểu được. Chúng tôi đọc tên mỗi đường phố đều hiểu, dù âm đọc khác nhau, nhưng nhận biết được mặt chữ, hiểu được ý nghĩa. Câu này chúng ta có thể giải thích là văn tự chỉnh tề, lối chữ khéo léo, ngay ngắn, chỉnh tề, đều hàm ý tôn trọng Pháp Bảo.

Tích nhân tam tạng thủ lai Đường.

昔因三藏取來唐。

(Xưa nhờ Tam Tạng đem qua Trung Hoa).

Mọi người vừa đọc đến câu này, thấy từ ngữ “*Tam Tạng*” bèn nghĩ ngay đến pháp sư Huyền Trang, tức Đường Tam Tạng. Trên thực tế, câu này mang ý nghĩa rất rộng. Thời cổ, rất nhiều pháp sư từ Trung Quốc qua Ấn Độ thỉnh kinh, học tập. Cao tăng đại đức Ấn Độ mang theo tượng Phật, kinh sách đến Trung Quốc cũng không ít. Vào thời đó, những pháp sư phiên dịch kinh điển đều gọi là “*Tam Tạng pháp sư*”. Kinh Phật [dịch sang tiếng Hán] bắt đầu từ thời Hán, vào đời Hậu Hán^{8[8]} kinh Phật được chánh thức truyền sang Trung Quốc, truyền sang rồi mới bắt đầu phiên dịch, nhưng kinh được phiên dịch nhiều nhất là vào đời Đường. Vì thế, vào đời Đường, mười tông phái Đại Thừa và Tiểu Thừa^{9[9]} của Phật giáo Trung Quốc được thành lập, có thể nói là Phật pháp Ấn Độ đã di thực^{10[10]} hoàn toàn đến Trung Quốc. Vào đời Đường có thể nói là [Phật giáo] đã di thực hết sức viên mãn, biến thành một bộ phận của văn hóa Trung Quốc, ảnh hưởng hết sức rộng lớn. Có rất nhiều thuật ngữ trong cuộc sống thường ngày của chúng ta phát xuất từ Phật giáo. Vì vậy, lão cư sĩ Triệu Phác Sơ từng nói rất hay; cụ nói: “*Nếu chúng ta vứt bỏ Phật giáo sẽ không thể nói năng gì được nữa!*” Cụ nói như vậy là đúng đấy, nhưng người hiểu được câu nói ấy không nhiều.

8[8] Hậu Hán tức là nhà Đông Hán (25-234). Đông Hán là nhà Hán được phục hưng sau khi Hán Quang Vũ Đế (Liu Tú), là người đã diệt trừ Vương Mãng (người soán đoạt ngôi vua của nhà Tây Hán) và đánh tan các tướng lãnh quân phiệt, tái lập nhà Hán. Do đóng đô tại Lạc Dương (nằm về phía Đông của cố đô Trường An của nhà Tây Hán) nên gọi là Đông Hán. Kinh Phật được hai vị Trúc Pháp Lan và Ca Diếp Ma Đằng truyền vào Trung Hoa vào năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) đời Hán Minh Đế. Hai vị này trụ tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương để phiên dịch kinh điển, bộ kinh đầu tiên được dịch sang tiếng Hán là Tứ Thập Nhị Chương Kinh.

9[9] Mười tông phái của Phật giáo Trung Hoa là Câu Xá Tông (Tiểu Thừa Hữu Tông), Thành Thật Tông (Tiểu Thừa Không Tông), Tam Luận Tông (Pháp Tánh Tông), Luật Tông (Nam Sơn Tông), Từ Ân Tông (Đu Già Tông, Duy Thức, Pháp Tướng Tông), Mật Tông (Chân Ngôn Tông), Tịnh Độ Tông (Liên Tông), Thiên Thai Tông (Pháp Hoa Tông), Hiền Thủ Tông (Hoa Nghiêm Tông, Pháp Giới Tông) và Thiên Tông (Tâm Tông, Tông Môn).

10[10] “*Thực*” (植) ở đây là gieo trồng. Đem loại cây nào trồng sang một nơi khác không phải là quê hương của cây ấy gọi là “*di thực*” (移植, transplant).

Trong những thuật ngữ thường dùng hằng ngày của chúng ta có rất nhiều từ ngữ lấy từ kinh Phật.

Vạn cổ vị phu dương.

萬古為敷揚。

(Phô diễn đến muôn đời).

Tức là đời đời truyền tụng, lưu thông muôn đời, lợi ích rộng rãi chúng sanh. Đây là đại ý của bài tán Pháp Bảo.

Trong Phật sự có xướng niệm, do vậy thời gian làm Phật sự phải dài. Nếu rất nghiêm túc, rất chân thành làm Phật sự thì một buổi Phật sự phải mất ba tiếng. Ba tiếng đồng hồ, sức lực ai nấy đều kém đi một chút, cảm thấy mỏi mệt. Bởi thế, trong Phật sự phải có âm nhạc, phải có xướng tụng, có nhiều Phật, có hoạt động. Phối hợp rất nhiều phương tiện thiện xảo lại, khiến chúng ta cảm thấy nhẹ nhàng, rất nhanh chóng, không biết là thời gian kéo dài, cũng không cảm thấy nhọc nhằn. Tâm chân thành thực hiện được một buổi Phật sự viên mãn, cõi âm lẫn cõi dương cùng được lợi. Nói thật ra, người làm Phật sự chúng ta được lợi ích lớn nhất. Kinh Địa Tạng dạy không sai, bảy phần công đức thì bản thân chúng ta được hưởng sáu phần, vong linh, quỷ thần được hưởng một phần bảy.

Thế nhưng Phật sự ấy có lợi ích rất thù thắng đối với vong linh. Do nguyên nhân nào? Người làm pháp sự rất đông, chẳng phải chỉ là mấy vị pháp sư làm, không phải thế, mà là đại chúng đều có thể tham dự. Vì vậy, nay chúng ta thường làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm; tại Đài Loan, tại Trung Quốc, có đến hơn cả trăm người tham dự, thậm chí có khi đến hơn ba trăm người, quý vị nói xem công đức ấy lớn đến đâu! Lợi ích ấy rất lớn. Từ báo cáo nước kết tinh, chúng ta có thể hiểu được đạo lý này: Tập hợp sức mạnh của đại chúng, công đức thù thắng! Nhất là tập hợp những người thực sự có tu hành, những người tâm địa thanh tịnh, tâm địa thiện lương, những người ấy tâm ít nhiều tương ứng cùng kinh giáo. Trong khi làm Phật sự, họ có thể buông xuống vạn duyên, tối thiểu là trong lúc làm pháp hội, trong thời gian ngắn ngủi, buông xuống hết thảy tạp niệm, chuyên tâm thực hiện buổi công khóa ấy. Người [tham dự] lại đông gần ấy, có pháp sư dẫn đầu; do vậy, Phật sự như vậy thù thắng hơn những Phật sự khác quá nhiều! Ví như nói Lương Hoàng Sám, người tham dự không đông được như thế; thực sự làm pháp sự chỉ có vài vị pháp sư, chứ đại chúng không thực sự tham dự; nhưng Tam Thời Hệ Niệm là thực sự tham dự, khác hẳn. A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 50

25. Khai thị

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị lần thứ ba trong thời thứ hai, tiếp ngay sau phần tán thán Pháp Bảo. Chúng tôi đọc lời khai thị một lượt:

Cái văn: Hư nhi hữu minh đáp chi thanh, tịch nhi vô hình ảnh chi tướng. Nhiên cốc hưởng tự nhiên, phi hô chi nhi bất đáp. Phật thân vô tác, phi khẩu chi nhi bất chương.

蓋聞虛而有鳴答之聲。寂而無形影之相。然谷響自然。非呼之而不答。佛身無作。非扣之而不彰。

(Từng nghe: Trống rỗng mà có tiếng đáp ứng, tịch nhưng không có tướng hình ảnh. Thế nhưng, hang dội tiếng vọng là tự nhiên, không bao giờ kêu mà chẳng đáp. Phật thân vô tác, không bao giờ gõ mà chẳng hiển bày).

Chúng ta xem tiểu đoạn này trước. Đoạn này giảng về đạo lý cảm ứng đạo giao. "Cái văn" (từng nghe) – "văn" (聞) là nghe – từng nghe đức Thế Tôn khi giảng kinh, thuyết pháp thường nói đến. "Hư nhi hữu": Hư (虛) là hư vô, con người hiện nay gọi "hư nhi hữu" là "từ trong Không sanh ra Có". Trước kia thường tưởng chuyện trong Không sanh ra Có không thể nào xảy ra được. Các nhà khoa học cận đại đã chứng thực: Quả thật, Hữu từ Vô sanh ra, đúng là trong Không sanh ra Có. "Hư nhi hữu minh đáp chi thanh" (trống rỗng mà có tiếng đáp vọng), "minh đáp chi thanh" (tiếng đáp vọng lại) là cách nói hình tượng, ở phần sau thiền sư sẽ nói cụ thể cho chúng ta hiểu, dẫn sự tướng làm chứng. "Tịch nhi vô hình ảnh chi tướng" (tịch nhưng không có tướng hình ảnh), trong thanh tịnh tịch diệt không có tướng hình ảnh, pháp vốn là như thế. Hình tướng do đâu mà có? Nói chung không ngoài cảm ứng. Tiếp đó, dùng sự thật để nói. Hai câu đầu giảng về Lý Thể, Thể của Pháp Tánh vốn là như vậy, thanh tịnh tịch diệt!

"Nhiên cốc hưởng tự nhiên, phi hô chi nhi bất đáp" (nhưng hang dội tiếng vọng là tự nhiên, không bao giờ kêu mà chẳng đáp). Đây là nêu thí dụ minh họa ý đầu tiên "hư nhi hữu minh đáp chi thanh" (trống rỗng mà có tiếng đáp vọng). Hang núi quả thật không có âm thanh, nhưng nếu quý vị hú dài một tiếng sẽ có tiếng vọng; bởi thế, "phi hô chi nhi bất đáp" (không bao giờ kêu mà chẳng đáp). Nếu quý vị không hú dài một tiếng, hang núi cũng không vọng lại tiếng. Đây chính là "trống rỗng mà có tiếng đáp vọng".

Tiếng đáp vọng ấy phải do chính quý vị dẫn khởi; hang núi có khả năng ứng tiếng, nhưng quý vị phải cảm, cảm ứng mà, tướng được hiện bèn hiện tiền.

Trong câu kể đó, "*Phật thân vô tác*" chính là "*tịch nhi vô hình ảnh chi tướng*" (tịch nhưng không có tướng hình ảnh). Quả thật chư Phật Như Lai không có hình tướng, nhưng nếu quý vị đánh động, chư Phật liền hiện ra. Khấu (扣: gõ, đánh động) là Cảm, Chương (彰) là hiển hiện rất rõ rệt, tức là Ứng. Chúng sanh có Cảm, Phật bèn có Ứng. Cảm khác nhau, thiên sai vạn biệt (muôn vàn sai khác) nên Ứng cũng khác nhau, cũng là thiên sai vạn biệt. Người cảm có lúc hữu ý, có lúc vô ý, hoặc có thể nói là chúng ta hữu tâm hay vô tâm, nhưng Ứng luôn luôn là vô tâm. Vô tâm, vô ý, tùy quý vị cảm như thế nào sẽ ứng như thế đó, cảm ứng đạo giao, hiển hiện vô lượng vô biên sắc tướng. Sự cảm ứng ấy đều là duy thức sở biến, nó có thể hiện thì là duy tâm sở hiện, tâm hiện, thức biến. Thức do tâm hiện, biến thành vô lượng vô biên sắc tướng, trong Phật pháp gọi là "vô lượng vô biên pháp giới". Vốn là Nhất Chân, kết quả Nhất Chân biến thành vô lượng vô biên pháp giới, trong ấy có khổ hay vui khác nhau. Tiểu đoạn này nói không nhiều, nhưng nghĩa lý sâu rộng vô tận, người học Phật chẳng thể không biết.

Tin Phật thì dựa vào đâu để tin? Dựa vào đạo lý mà tin, nhờ vào những sự thật mà tin tưởng. Phá mê khai ngộ, phản vọng quy chân (bỏ vọng trở về chân) là nhờ vào đâu? Cũng nhờ vào đạo lý này. Nếu quý vị thực sự hiểu được đạo lý này sẽ có thể thay đổi được vận mạng hiện tiền. Ta muốn được vận mạng tốt, ta hy vọng suốt đời gặp may, không khó đâu, chỉ cần quý vị có Cảm tốt, tự nhiên sẽ có Ứng tốt. Cổ đức đã nói: "*Chúng thiện nhân đắc thiện quả*" (Trồng thiện nhân được thiện quả). Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: "*Thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp*" (Thường nghĩ đến thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, chẳng để mảy may bất thiện xen tạp), quý vị sẽ được hạnh phúc vĩnh hằng, rốt ráo, viên mãn, "*năng ly nhất thiết thế gian khổ*" (liã được hết thảy nỗi khổ trong thế gian). Đó là cảm ứng! Lý cảm ứng pháp vốn là như thế, là đức năng của tánh đức. Tự tánh vốn sẵn có, vốn có năng lực, vốn có đức tướng. Nay chúng ta thành ra nông nổi này thì không có chi khác cả, chỉ do mê mất mà thôi! Đã mê mất nên khởi tâm động niệm đều là bất thiện, nếu cảm là bất thiện thì sự hồi đáp làm sao thiện cho được? Không có đạo lý ấy đâu!

Người thế gian cầu tài, hiện tượng này phổ biến nhất, tài ở nơi đâu? Tài ở ngay trong mạng của quý vị. Trong mạng quý vị không có của thì quý vị cầu nơi đâu? Dầu của cải ngập đất quý vị cũng không dùng được! Nếu

quý vị cố làm cho được thì họa hại xảy ra liền. Vì sao? Không có số để hưởng. Trong mạng không có tiền của, phải tu! Chẳng phải là cầu không được, có thể cầu, hãy tu đi! Tu gì? Đức Phật dạy chúng ta tu Tài Bồ Thí. Càng không có tiền của, càng keo kiệt, đúng là sai lầm, phải cùng quần suốt đời. Nếu quý vị thấy ai cùng khổ, đúng là người ấy không có chút phước báo nào. Nếu quý vị thấy họ là người rất rộng rãi, dầu không có, vẫn bỏ ra một chút, cũng chịu bố thí, chúng ta biết người ấy sau này nhất định sẽ khá giả. Vì sao? Hiện tại người ấy gieo nhân, trong mạng dầu không có tiền của, nhưng người ấy có thể dần dần chất đầy cái kho tiền tài trong số mạng.

Tài Bồ Thí được giàu có, Pháp Bồ Thí được thông minh, trí huệ, Vô Úy Bồ Thí được khỏe mạnh, sống lâu. Đức Thế Tôn thường nói như vậy trong các kinh luận Đại, Tiểu Thừa. Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng không ngừng lặp lại, quý vị nghe có hiểu hay chẳng? Quý vị có nghe lọt tai hay không? Quý vị có y giáo phụng hành hay chẳng? Chỉ cần quý vị chịu làm, đừng lo lắng, năm năm, mười năm, hai mươi năm sau, quả báo sẽ hiện tiền. Không phải ta bố thí hôm nay, ngày mai sẽ được phát tài liền, không có đạo lý như vậy đâu! Chỉ thành tâm thành ý mà làm, ngàn ngừ thường nói: "*Chỉ vấn canh vân, mạc vấn thâm hoạch*" (chỉ hỏi cấy cày, chớ hỏi thâm hoạch). Chỉ cần [quan tâm] ta phải trồng nhân lành, ta phải tu Tài Bồ Thí, Pháp Bồ Thí, Vô Úy Bồ Thí, đừng hỏi đến quả báo. Nhân duyên chín muồi, quả báo sẽ tự nhiên hiện tiền. Như vậy rồi quý vị mới thực sự hiểu rõ lời Phật nói là thật, không giả! Cảm và Ứng thực sự hiện tiền. Hiện tiền rồi, quý vị phải có trí huệ, quả báo hiện tiền nhưng chính mình không hưởng thụ, lại phải bố thí cho hết thầy chúng sanh hưởng thụ, như vậy mới là tốt!

Những vị lão đồng học, quý vị theo tôi đã lâu, bao nhiêu năm rồi, quý vị đã thấy, đều thấy cả rồi. Lúc tôi mới học, tôi là người có phước hay không, nhìn tướng mạo là biết liền. Quý vị thấy tướng mạo tôi lúc mới xuất gia, quý vị biết ngay: Một tí phước báo cũng không có! Nếu quý vị chú tâm quan sát thêm, lại còn là tướng đoản mạng. Lúc tôi xuất gia là đã học Phật bảy năm rồi. Nói cách khác, lúc ấy đã có chút chuyển biến nhỏ nhoi. Lúc vừa mới học Phật, tướng mạo lúc ấy đúng là bất hảo. Vì thế, chính tôi cũng chẳng biết nói làm sao! Vì lẽ nào thầy lại chiếu cố đến tôi? Đây không phải là chuyện dễ dàng! Người ta thường chiếu cố ai đó đều là vì thấy kẻ ấy có tương lai, người ấy có thể dạy được. Thấy kẻ nào vừa không có phước lại vừa đoản mạng, trong cái nhìn và ý nghĩ của mọi người, ắt họ kính nhi viễn chi kẻ đó, buông bỏ kẻ đó. Những vị thầy của tôi quả thật chẳng phải là phàm nhân!

Đại khái trong đời quá khứ, tôi không tu Tài Bồ Thí, coi thường, mà cũng chẳng tu Vô Úy Bồ Thí. Đời này khi trẻ tôi còn đi săn, đi săn cả ba

năm, hằng ngày sát sanh, không ngày nào chẳng sát sanh. Sát nghiệp rất nặng. May là trong đời quá khứ tu được chút Pháp Bồ Thí, có được một chút trí huệ. Lúc nhỏ (thời gian không dài, đại khái chỉ chừng hai ba năm, lúc còn rất nhỏ), đại khái khoảng năm sáu hay bảy tuổi, trong khoảng thời gian ấy được cha mẹ dạy dỗ. Lúc ấy tuy chưa lớn, nhưng đã bén rễ khiến cho tôi hiểu học, biết hiểu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, nền tảng rất sâu dày. Trông thấy miếu Thành Hoàng bị quân đội phá hủy, Thành Hoàng phải dọn nhà; ba ngày trước khi miếu bị phá hủy, tôi giúp Thành Hoàng dọn nhà, bởi thế tôi kết duyên rất tốt với Thành Hoàng. Vị Thành Hoàng ấy thường thân cận bên tôi.

Được thầy quan tâm chiếu cố, cuối cùng tôi hiểu rõ, giác ngộ, quay đầu, đoạn ác, tu thiện, tự mình nhận thấy trước đây mình sát nghiệp rất nặng, khi hiểu ra, tôi bèn ăn chay trường, phóng sanh! Dầu trâu nhập hết sức ít ỏi, tôi bằng lòng bỏ hết tiền để phóng sanh. Học xong, xuất gia, xuất gia năm ba mươi ba tuổi, bắt đầu nhận lời người khác mời giảng kinh, giảng kinh được cúng dường. Tôi có tiền bèn phóng sanh, có tiền để bố thí thuốc men, có tiền bèn in kinh. Có lúc in kinh, chúng tôi không có tiền để in kinh một mình, xướng in kinh in kèm thêm 11[11], gởi trước một ít tiền thôi. Kinh sách in xong, họ gởi cho tôi mấy bản. Tôi làm chuyện như vậy, làm như vậy suốt đời. Đến khi ngoài bốn mươi tuổi, cúng dường dần dần nhiều hơn, tôi có khả năng đứng ra in kinh một mình, chính mình muốn in bao nhiêu cũng được, suốt đời làm chuyện này, cuộc sống hết sức đơn giản.

Gần đây nhất, khoảng chừng hơn ba mươi năm, tôi không dùng đến tiền. Ở Mỹ, ngân hàng Mỹ Quốc cấp cho tôi thẻ tín dụng, tôi có khá nhiều thẻ tín dụng loại vàng (gold credit card), từ đó đến nay chưa dùng tới lần nào. Hình như họ cấp cho đôi ba lượt, về sau không cấp nữa, chưa hề dùng đến. Như vậy phước báo như quý vị hiện đang thấy đó hình như là càng ngày càng nhiều, đúng là tâm tưởng sự thành. Chúng tôi không có ý niệm ác, không có ý niệm hưởng thụ, toàn là tất yếu "có cảm ắt có ứng". Vì thế, chính mình chẳng nên thụ hưởng phước báo, nhường cho hết thầy chúng sanh hưởng, đặc biệt là chúng sanh khổ nạn.

Sau khi hiểu rõ đạo lý này, quý vị mới thực sự làm, thực sự có cảm ứng. Quý vị càng làm càng hoan hỷ, vì sao? Có thể giúp cho rất nhiều chúng sanh khổ nạn. Giúp đỡ quan trọng nhất vẫn là Pháp Bồ Thí. Hiện tại, chúng ta thực hiện Pháp Bồ Thí, ngoại trừ công khai giảng diễn ra, có không ít bản giảng ký được lưu thông. Rốt cuộc số lượng là bao nhiêu? Chúng tôi không biết, không phải do tôi in. Thậm chí rất nhiều bản giảng ký không do tôi viết. Tôi giảng xong, có người chép lại từ băng thâu hình hay băng thâu

11[11] Tức là đã có người khác đặt in với số lượng lớn, nên nhà in nhân tiện in thêm vài bản nữa cho mình.

âm, soạn thành sách để lưu thông. Rất nhiều thứ ghi chép tôi chưa từng xem đến, tôi cũng không muốn xem. Vì sao? Nói xong thì thôi. Có gì phải lưu lại vết tích? Ai thích làm thì tùy duyên, quý vị thích làm thì cứ làm!

Hiện thời còn lợi dụng kỹ thuật cao, chúng ta có Internet, có vệ tinh. Internet hay vệ tinh cũng không do tôi làm, ai làm tôi đều hoan hỷ, tôi cũng chẳng chướng ngại người ấy, mà cũng chẳng tán trợ người ấy. Nếu tôi tán trợ quý vị, tôi phải đi hóa duyên, tôi phải đi kêu gọi quyên góp, suốt đời tôi không làm chuyện ấy. Có không ít người hảo tâm làm chuyện đó, làm khá thành công, đều là chuyện tốt. Bản thân chúng tôi suốt đời không nhọc lòng, không phan duyên. Không nhọc lòng thì chuyện gì cũng tốt, như vậy mới tự tại, tâm mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, trí huệ mở mang rồi mới có thể hiểu kinh giáo, mới có thể lãnh hội. Vì thế, tâm phải thuần thiện thuần tịnh, chẳng những tiếp xúc với kinh luận của Phật, Bồ Tát, trí huệ của quý vị mở mang mà ngay cả những pháp thế gian, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài thầy đều mở mang trí huệ. Đây chính là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài.

Từ kinh giáo mở mang Căn Bản Trí, từ cuộc sống thường ngày khai phát Hậu Đắc Trí. Suốt một đời chúng ta có thể sống trong trí huệ, không sống trong phiền não, không sống trong ưu lự, quý vị nói xem: Hạnh phúc nào sánh bằng? Hạnh phúc ấy do Phật, Bồ Tát, thầy, thiện tri thức ban cho chúng ta, ân đức ấy niệm niệm chẳng quên, tri ân báo ân, báo ân bằng cách nào? Vì người khác diễn nói. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói thì mới là báo ân Phật, mới hồng báo ân thầy, mới hồng báo ân thiện tri thức, mới hồng báo ân hết thầy chúng sanh. Xin xem tiếp đoạn văn kể đó:

Thượng lai khai kiến đệ nhị thời Hệ Niệm Phật Sự dĩ viên.

上來啟建第二時繫念佛事已圓。

(Từ trên tới đây tạo tác Hệ Niệm Phật Sự thời thứ hai đã viên mãn).

Hệ Niệm Phật Sự thời thứ hai tới đây đã viên mãn.

Như thượng thù huân, đầu nhập Như Lai đại nguyện hải trung, xuất sanh công đức.

如上殊勳。投入如來大願海中。出生功德。

(Công huân thù thắng như thế, gieo vào trong biển đại nguyện của Như Lai, sanh ra công đức).

[Ý nghĩa] hoàn toàn giống như trong thời thứ nhất.

Chuyên vị vong linh tẩy trừ nghiệp cấu.

耑為亡靈洗除業垢。

(Chuyên vị vong linh rửa trừ nghiệp cấu).

Phần trên là thời thứ nhất, đây là thời thứ hai. Có nhiều người như thế cùng hợp lại tu pháp sự này, nhằm để làm gì? "*Chuyên vị vong linh*", cũng vì hết thầy quý thần, "*rửa trừ nghiệp cấu*".

Tăng trưởng thiện căn, xả thử báo duyên, vãng sanh Tịnh Độ.

增長善根。捨此報緣。往生淨土。

(Tăng trưởng thiện căn, bỏ báo duyên này, sanh về Tịnh Độ).

Chúng ta tu pháp sự này nhằm vào mục đích này đây. Lợi người, đương nhiên cũng là tự lợi. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ "*tự - tha không hai*". Vì sao? Trên kia đã nói: "*Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt*". Tâm, Phật, chúng sanh nguyên là một thể. Vì thế, lợi tha mới là thực sự tự lợi, tự lợi nhất định phải lợi tha. Nếu tự lợi, chẳng lợi tha thì chẳng phải là tự lợi mà là "*tự mình hại mình*"! Phần khai thị tiếp theo đây đối với chúng ta có tánh chất khai phát rất mạnh.

Đản niệm tự tùng vô thủy, ngật chí kim sanh.

但念自從無始。迄至今生。

(Nhưng nghĩ từ vô thủy cho đến đời này).

"Đản niệm" là chúng ta hồi tưởng, phản tỉnh, từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay.

Âu sanh cự hải, trực thức lãng dĩ cao đê.

漚生巨海。逐識浪以高低。

(Bọt nước sanh trong biển cả, theo sóng thức lên cao xuống thấp).

Đây là nói tỷ dụ. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn từng nhắc đến tỷ dụ này. Trong kinh Lăng Nghiêm có tỷ dụ như sau: Đức Phật ví Chân Tâm, Tâm Tánh, Pháp Tánh như biển cả, ở phần trên gọi là Linh Tri Tâm, tâm Linh Tri như biển cả. Tâm phân biệt, tức là Duyên Lự Tâm, là gì? Duyên Lự Tâm là một cái bọt nước sanh từ nước biển. "Âu" (漚) chính là bọt nước. Đây chính là ý nghĩa của câu "*âu sanh cự hải*". Thức sanh từ Pháp Tánh, mê mất tự tánh, do mê mất tự tánh bèn sanh ra vọng tâm, vọng tâm là A Lại

Da Thức. Từ A Lại Da Thức biến ra [các thức khác] (nó có thể biến), biến thành thức thứ bảy, thức thứ sáu, và năm thức đầu, lại biến thành Tâm Sở, lại biến thành Sắc pháp, thảy đều biến hiện ra, [những thức, tâm sở, sắc pháp này so với chân tâm chỉ là] "*âu sanh cự hải*".

"*Trục Thức lăng dĩ cao đê*" (theo sóng Thức mà lên cao xuống thấp). "*Sóng Thức*" là gì? Sóng là động, không tịnh. Tâm tánh chúng ta tịnh, tràm tịch linh minh, trong Phật pháp thường dùng bốn chữ ["tràm tịch linh minh"] này để hình dung. Thức (vọng tâm) không như vậy; vọng tâm là động, vọng tâm là sóng mồi. Sóng mồi có cao hay thấp, gió lớn sóng to, gió nhỏ sóng bé. Gió to sóng lớn là lục đạo tam đồ. Gió nhẹ sóng bé là Tứ Thánh Pháp Giới. Trong lục đạo, gió to sóng lớn là ba ác đạo; gió nhẹ sóng bé là ba thiện đạo, lục đạo luân hồi. Câu này giảng vì sao có lục đạo luân hồi. Tiếp theo lại là một tỷ dụ:

Vân điểm thái thanh, nhậm tình phong nhi nhân ngã.

雲點太清。任情風而人我。

(*Mây điểm hư không, mặc tình nổi gió ta - người*).

"*Thái thanh*" là hư không, dùng hư không sánh ví tâm tánh. Một áng mây trong hư không ví cho mê hoặc. Áng mây trong hư không bị gió đùa, gió Đông thổi bạt sang phía Tây, gió Tây đánh dạt về phía Đông, tự mình hoàn toàn chẳng tự chủ được. Câu này hình dung điều gì? Hình dung sự lưu chuyển theo nghiệp lực, tự mình chẳng thể làm chủ. "*Nhậm tình phong nhi nhân ngã*" (mặc tình nổi gió nhân ngã). Đây là giảng về Lý, câu kể giảng về Sự.

Ư thị tuần hoàn chư thú, lưu chuyển tứ sanh, nghiệp hải mang mang, tội sơn ngập ngập.

於是循環諸趣。流轉四生。業海茫茫。罪山峩峩。

(*Do vậy xoay vần các nẻo, trôi lăn tứ sanh, biển nghiệp mênh mông, núi tội chót vót*).

A! Quả báo hiện tiền, luận trên mặt Sự. "*Tuần hoàn chư thú*": "*Chư thú*" chính là lục đạo, quý vị xoay vần trong lục đạo. Gió nhẹ sóng bé, vượt lên ba thiện đạo; gió to sóng lớn bèn chìm xuống, vào trong ba ác đạo. "*Lưu chuyển tứ sanh*": Chữ "*tứ sanh*" chỉ những cách để sanh thành trong lục đạo, tức Noãn, Thai, Thấp, Hóa. Loài người chúng ta là Thai Sanh, trong súc sanh đạo có cả bốn loại sanh. Có thai sanh, có noãn sanh. Loài chim là noãn sanh (sanh bằng trứng), loài cá trong biển quá nửa là loài noãn sanh.

Có loài thấp sanh (sanh nơi ẩm ướt), có loài hóa sanh. Loài côn trùng hóa sanh, thấp sanh khá nhiều. Kinh Phật nói trong loài ngạ quỷ cả bốn loại sanh đều có. Trong địa ngục đạo chỉ có một loại là hóa sanh. Thiên đạo phước báo rất lớn, quá nửa là hóa sanh. Đây là luận về cách thức sanh ra.

"*Nghiệp hải mang mang, tội sơn ngập ngập*" (Biển nghiệp mênh mông, núi tội chót vót): "*Ngập ngập*" là cao lớn, giống như một hòn núi lớn, tội lớn đến như thế, nặng đến như thế. Đoạn này thuyết minh đạo lý luân hồi, mà cũng chỉ ra chân tướng sự thật của luân hồi. Nói xong, phải làm sao? Làm thế nào để tiêu tội nghiệp, thoát luân hồi?

Phi bằng phát lộ.

匪憑發露。

(*Không nhờ bày tỏ*).

Nếu không nhờ vào phát lộ sám hối, thế nào là "*phát lộ*"? Làm chuyện sai trái, tự mình đã tạo tội nghiệp, chớ có giấu diếm, phải nên tuyên bố cùng đại chúng: "Tôi đã làm chuyện chi chi đó!" Mạnh bạo nhận sai, thừa nhận lỗi lầm của chính mình. Mọi người đều biết, người ta trừng mắt nhìn mình, phê bình mấy câu. Thôi! Báo hết rồi. Đó nghĩa là gì? Tội nặng báo nhẹ, báo trả hết rồi. Chớ nên giấu diếm tội nghiệp của chính mình, giấu diếm không xong đâu. Vì sao? Tội ấy càng tích lại càng nặng thêm, tương lai quả báo to lớn đáng sợ lắm.

Vì thế, đức Phật dạy chúng ta làm chuyện sai trái thì phải phát lộ, làm chuyện tốt phải giấu diếm. Làm chuyện tốt chẳng cần phải cho người khác biết, vì sao? Đức càng ẩn càng dày, quả báo tốt đẹp. Sự tình tốt chẳng cần phải phô trương, tích âm đức mà! Ngạn ngữ Trung Quốc thường nói: "*Quả báo của âm đức lớn nhất, báo rất dày*". Nếu quý vị làm chuyện tốt, ai nấy đều biết, người ta đến biểu dương, khen ngợi, vỗ tay, tặng bằng tưởng thưởng cho mình, thế là báo xong rồi, chuyện tốt của mình đã xong, báo hết sạch rồi! Chuyện tốt chớ để cho người khác biết; làm chuyện bất thiện, làm chuyện tội lỗi thì mong mọi người đều biết, dù người ta chửi mình, chán ghét mình đi nữa thì báo cũng xong rồi. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này thì mới thực sự biết: Người hủy báng, lăng nhục, hãm hại chúng ta, đều là tiêu nghiệp chướng cho mình, ta phải cảm ơn họ. Nếu không như thế, nghiệp chướng làm sao tiêu được!

Người hủy báng càng nhiều, nghiệp chướng càng tiêu nhiều. Trong hai năm qua, tại Đài Loan, tại Trung Quốc và ngay cả những nơi khác, không những người ta chửi tôi rất nhiều, mà ngay trên báo chí, trên tạp chí còn đăng nhiều bài viết gọi đích danh tôi ra chửi, nói tôi đề cao bản hội tập của

cụ Hạ Liên Cư là lỗi lầm không gì lớn hơn nữa. Thoạt đầu, pháp sư Ngô Đạo không nén được giận, thầy ấy muốn hợp mấy người lại, mọi người cùng nghiên cứu, viết bài công kích họ. Thầy còn đem những tài liệu ấy gửi cho tôi, cũng như gửi cả những báo chí, tạp chí ấy cho tôi, tôi đều đem chúng quăng vô sọt rác hết. Tôi gọi điện thoại cho Ngô Đạo: “Đừng quan tâm đến, quyết định chẳng được làm như thế. Làm như vậy giống như chửi lộn, người ta chửi mình, mình không nhin được, chửi lại là xong rồi. Coi như đã giải quyết xong chuyện đó”. Chẳng nên chửi qua chửi lại, không lúc nào xong, lầm lạc quá đổi!

Người ta đến chửi mình, hủy báng mình, chính mình phải phản tỉnh, có lỗi thì sửa, không có lỗi thì càng thêm gắng sức, như vậy mới là tốt! Nếu đúng là mình có lầm lỗi thì ngay lập tức phải sửa lỗi, tự đổi mới, sao lại có thể biện bác, tranh cãi cho được? Mình biết mình không có lỗi lầm ấy thì mình được tiêu túc nghiệp, trong đời quá khứ mình tạo tội quá nhiều, họ đến thay mình tiêu nghiệp chướng, mình càng phải cảm kích người ta.

Còn chuyện phản đối bản hội tập dù hữu ý hay vô ý, thôi đừng bàn luận! Có rất nhiều bản hội tập, cứ sao lại phản đối bản hội tập này mà không phản đối những bản khác? Đây có phải là có dụng ý riêng hay chẳng, chúng tôi không biết được! Họ đem tựa đề kinh ra công kích. Tôi đã từng có nói: “Người trên cả thế giới đều phản đối bản hội tập này, tôi vẫn cứ chiếu theo bản hội tập này mà học tập”. Vì sao? Do quan hệ thầy trò! Pháp môn này do thầy truyền cho tôi. Nếu tôi nghe theo những lời đó, chẳng dám đọc bản này, vậy thì tội của tôi nặng quá. Mặc cái tội gì? Nghịch thầy phản đạo; quý vị nghĩ xem tôi có gánh nổi tội danh ấy hay không? Bọn họ phản đối cách nào, tôi vẫn cứ tu như vậy, tôi tôn sư trọng đạo, báo Phật ân, báo tổ ân, báo ân thầy!

Tôi tin tưởng thầy tôi có tu trì, có đức hạnh, có trí huệ. Quý vị phản đối thầy vì quý vị không phải là học trò của thầy, không có quan hệ gì với thầy hết. Tôi với thầy có quan hệ, tôi chẳng thể phản đối, đó là đại nghĩa. Con người nếu không có đạo nghĩa thì làm người sao được? Vì thế, mặc kệ người ta hủy báng, lăng nhục thế nào, một câu tôi cũng không đáp, tối thiểu tôi tuân thủ đại nghĩa, tối thiểu là trong tương lai có ai đó phê bình: “Người như vậy vẫn còn tôn sư trọng đạo, biết ân, báo ân!” Bởi thế, tôi chẳng thể tin nghe theo mấy câu của người ta rồi chẳng dám đọc kinh này nữa, như thế mới là được! Học trò của thầy rất đông, vì sao thầy không đem chuyện này phó thác cho họ, mà lại phó thác cho tôi? Thầy nhìn tôi chẳng lầm, thầy biết tôi chẳng thể nghịch thầy phản đạo, tôi chẳng thể vong ân phụ nghĩa.

Vì thế, có lầm lỗi phải phát lộ sám hối. Người khác hủy báng, nhục mạ, thì chính mình phải nghiêm túc phản tỉnh, có thì sửa, không thì càng cố gắng. Vĩnh viễn dùng cái tâm báo ân để đối đãi hết thảy chúng sanh. Đây là

nói về phát lộ sám hối. "*Phỉ bằng phát lộ*" (nếu không nhờ vào phát lộ) là như vậy!

Hạt toại tiêu trừ, sám-ma dĩ vãng, phát nguyện đương lai.

曷遂消除。懺摩已往。發願當來。

(Sao tiêu trừ được! Sám hối cho quá khứ, phát nguyện cho tương lai).

Hai câu này nói lên cách thực hiện như thế nào. Thực hiện phát lộ sám hối bằng cách nào? Phải "*sám-ma*", tức là sám hối, quá khứ đã làm bậy phải biết sám hối, phải biết sửa lỗi. "*Phát nguyện đương lai*" (phát nguyện cho tương lai), nguyện sẽ phát ấy phải nương theo bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, phải nương theo Tứ Hoảng Thệ Nguyện của chư Phật, nhất định phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Có vậy mới là không sai.

Tái lao pháp chúng, chí tâm sám hối phát nguyện.

再勞法眾。至心懺悔發願。

(Lại phiền pháp chúng chí tâm sám hối phát nguyện).

26. Sám hối phát nguyện

Thời thứ nhất có sám hối phát nguyện, thời thứ hai cũng có sám hối phát nguyện. Hình thức sám hối phát nguyện không khác gì với lần trước, sám hối dùng mười đại nguyện vương, Sám Hối Kệ, tức bài kệ sám hối của Phổ Hiền Bồ Tát. Phát nguyện thì vẫn là Tứ Hoảng Thệ Nguyện y như cũ. Chúng tôi đọc bài kệ này một lượt, hơi khác với phần trên một chút.

***Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô thí tham - sân - si,
Tùng thân - ngữ - ý chi sở sanh.***

往昔所造諸惡業。

皆由無始貪瞋痴。

從身語意之所生。

(Xưa kia trót tạo các ác nghiệp,
Đều do vô thí tham - sân - si,
Từ thân - miệng - ý phát sanh ra).

Phần này giống hết phần trước, khác biệt ở chỗ nào ư? Ở chỗ này đây:

Nhất thiết tội chương giai sám hối.

一切罪障皆懺悔。

(Hết thảy tội chướng đều sám hối).

Đây là chỗ khác biệt. Không phải là cầu mà là "đều sám hối". Cầu sám hối cũng được. Ở phần trước trong thời thứ nhất câu này là "kim đối Phật tiền cầu sám hối" (nay đối trước Phật cầu sám hối). Trong thời thứ hai là "nhất thiết tội chướng giai sám hối" (hết thảy tội chướng đều sám hối), khác biệt ở chỗ này. Cứ mỗi lần sám hối càng triệt để hơn, vì sao? So với thời thứ nhất, thời thứ hai có chỗ ngộ rồi, có tiến bộ rồi, từ bài kệ sám hối này cũng có thể thấy được quý vị có tiến bộ. Phát nguyện vẫn giống hết như trước:

**Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.**

眾生無邊誓願度。

煩惱無盡誓願斷。

法門無量誓願學。

佛道無上誓願成。

Sám hối phát nguyện phải nương theo Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát, trong phần trên tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi, Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho lý luận và phương pháp tu nhân chứng quả của hết thảy Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát đại diện cho những điều ấy. Nếu nói gộp cả hai vị lại, tức là gộp cả Văn Thù vào thì Phổ Hiền tượng trưng cho tam-muội, Văn Thù tượng trưng cho Bát Nhã. Nếu nói một mình Ngài thì Ngài hoàn toàn tượng trưng cho cả hai điều đó. Lại xem đoạn khai thị cuối cùng. Đoạn khai thị cuối cùng là:

27. Khai thị

**Thượng lai sám hối phát nguyện dĩ cánh, cụ hành do nhân cụ
nhãn mục, nguyện như nhật, nguyệt, đăng quang minh.**

上來懺悔發願已竟。具行猶人具眼目。願如日月燈光明。

(Từ trên tới đây sám hối phát nguyện đã xong, Hành đầy đủ thì giống như người đầy đủ mắt, Nguyện như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đóm).

"Cụ hành", hành ở đây là hành động. Câu này có nghĩa là quý vị đều có thể đem những đạo lý, phương pháp mình đã học tập áp dụng vào cuộc sống thường nhật. Ở đây quan trọng nhất là trì danh niệm Phật, hạnh quan trọng nhất là hạnh này. Đây chính là như phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bậc Vãng Sanh) trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói: "*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*" (phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm). Chữ "*hạnh*" này chỉ việc niệm Phật, chứ không nhằm vào những hạnh khác. Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn khai thị cuối cùng trong thời thứ hai:

Thượng lai sám hối phát nguyện dĩ cánh.

上來懺悔發願已竟。

(Từ trên tới đây, sám hối phát nguyện đã xong)

Câu này là lời tổng kết, tổng kết những phần trên.

Cụ hành do nhân cụ nhãn mục, nguyện như nhật, nguyệt, đăng quang minh. Y quang chiếu chúc kiến phân minh, hành giả phương năng đạt tiên cảnh.

具行猶人具眼目。願如日月燈光明。依光照燭見分明。行者方能達前境。

(Hạnh đầy đủ như người đủ đôi mắt, nguyện như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đèn đóm. Nương theo ánh sáng chiếu tỏ mà thấy phân minh, hành giả mới hòng thấu hiểu tiên cảnh^{12[12]}).

Câu này là nói chung, chứ không nhất định chỉ là pháp môn Niệm Phật. Có thể nói là trong Phật pháp, bất luận kinh Đại Thừa hay Tiểu Thừa, bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, những điều nói ở đây là nguyên tắc, là nguyên lý, nguyên tắc chung, chẳng những chung cho hết thầy Phật

12[12] Tiên cảnh: Cảnh đối trước các căn, tức là các trần do đối ứng với các căn mà gọi là "tiên cảnh".

pháp, mà còn đúng cho mọi pháp thế gian. Hết thấy pháp thế gian chẳng thể vượt ra ngoài những điều này được.

Chúng ta phải thấu hiểu những câu nói này. "*Cụ hành*": Hành (行) là tu hành. Tu hành là sửa đổi cho đúng những hành vi lầm lạc thì gọi là tu hành. Những hành vi sai quấy rất nhiều, đúng là "*nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá*" (con người không phải là thánh hiền, ai có thể không có lỗi?) Thánh hiền là chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát. Dưới Pháp Thân Bồ Tát, như là Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, không ai có thể nói mình không có lầm lỗi được! Thánh hiền thế gian càng chẳng thể nói như vậy được! Theo những gì ghi chép trong những thư tịch cổ Trung Quốc, bậc thánh hiền thế gian như Nghiêu, Thuấn vẫn chẳng thể đảm bảo chính mình không có lỗi lầm, huống gì những người khác?

Vì vậy, tu hành là một khoa mục quan trọng nhất, việc này phải được thực hiện trong cuộc sống thường nhật, khởi tâm động niệm, nói năng, hành vi, phải hiểu chi ly từng chút một, thời thời khắc khắc phải cảnh giác cao độ, nhận biết ý niệm của chính mình vừa khởi lên, biết ngay ý niệm ấy là thiện niệm hay ác niệm, biết ý niệm ấy có nên khởi lên hay không. Nếu không cần thiết, dầu là thiện niệm, thì tốt nhất ý niệm thứ hai là "*Nam-mô A Di Đà Phật*", vậy là tốt! Sao cho trong mười hai thời trong tâm có Phật, trong mỗi niệm có Phật, hình ảnh đều là Phật; tâm mình là tâm Phật, hành động là Phật hạnh, thân là thân Phật. Như vậy mới là tốt, mới thật nên làm.

Đầy đủ hạnh, ở đây được ví như người có đủ cả hai mắt, có được cặp mắt sáng. Dù có được cặp mắt sáng nhưng trong chỗ tối tăm không thấy được, giữa ban ngày có mặt trời, dương quang (ánh sáng của mặt trời); ban đêm có ánh trăng, có ánh đèn, quý vị mới không lạc mất phương hướng. "*Quang*" rất giống như Nguyên, vì thế Hạnh chẳng thể tách rời Nguyên. Nếu Hạnh là Nguyên thì chính là mắt đui. Nói cách khác: Không biết phương hướng, chẳng biết mục tiêu. Dầu quý vị rất tinh tấn, rất nỗ lực tiến lên, nhưng rốt cuộc đi về đâu? Không biết được!

Vì thế nói: "*Nguyên như nhật nguyệt đẳng quang minh*" (Nguyên như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đóm). Câu này chỉ rõ Hạnh và Nguyên chẳng thể tách rời nhau. Đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: Có được vắng sanh Tịnh Độ hay không hoàn toàn nhờ vào tín nguyện có hay không. Có Hạnh mà không có Nguyên, hoặc có Nguyên mà không có Hạnh đều chẳng thể vắng sanh! Trong các pháp môn khác, có Hạnh không có Nguyên hoặc là có Nguyên không có Hạnh cũng đều chẳng thể thành tựu, uổng phí một đời này! Nhiều lắm là gieo được một chủng tử thiện căn trong A Lại Da Thức, trong đời này, [chủng tử ấy] chắc chắn không khởi tác dụng. Đây chính là như thầy Lý thường nói khi xưa: "*Nên sanh tử như thế nào thì vẫn*

cứ sanh tử như thế đó". Quý vị vẫn cứ bị nghiệp lực xoay chuyển như cũ, không làm chủ được. Vì thế mới nói: "Y quang chiếu chúc kiến phân minh" (Nương theo ánh sáng chiếu tỏ mà thấy phân minh); quý vị phải có Nguyên, Nguyên là quang minh, Nguyên để dẫn Hạnh thì quý vị mới có thành tựu, mới có thể đạt đến mục tiêu và quả đức mà chính mình hy vọng. Phải hiểu đạo lý này, người niệm Phật cũng không ngoại lệ.

Thị dĩ niệm Phật chi nhân, nhược bất phát nguyện vãng sanh, túng hữu công hạnh, diệc thành hư thiết, dĩ bất thuận Phật cố.

是以念佛之人。若不發願往生。縱有功行。亦成虛設。以不順佛故。

(Do vậy, người niệm Phật nếu không phát nguyện vãng sanh, dầu có công hạnh cũng trở thành đặt bày hư huyền, vì không thuận theo Phật vậy).

Quý vị phát tâm niệm Phật, tốt lắm! Niệm Phật nhất định phải phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Vì sao? Nếu không phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, dầu quý vị công phu niệm Phật rất sâu vẫn như không. Vì sao vẫn như không? Vẫn bị lưu chuyển theo nghiệp, vẫn không ra khỏi lục đạo luân hồi được! Niệm Phật là thiện nghiệp, thiện nghiệp thì có sanh vào ba thiện đạo được hay không? Không nhất định! Nếu quý vị chỉ là khẩu thiện (chỉ tốt lành nơi cửa miệng), tâm hạnh bất thiện, sẽ chẳng sanh vào ba đường lành. Thế nhưng không cần biết quý vị sanh vào đường nào, quý vị vẫn có một chút phước báo. Nếu tội nghiệp rất nặng, đọa trong địa ngục đạo, phước báo ấy vẫn tồn tại. Lúc nào quý vị thoát khỏi địa ngục, lúc sanh vào các đường khác, phước báo ấy lại hiện tiền, biến thành phước báo hữu lậu thế gian.

Tuy thiền sư Trung Phong là bậc đại triết đại ngộ của Thiền Tông, Ngài lại niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; vì thế, Ngài khuyên lớn chúng ta, tự Ngài thực sự làm được. Vì sao? Vì quý vị "*bất thuận Phật cố*" (chẳng thuận theo Phật). Quý vị trái với nguyện của Phật, ý nguyện của Phật là mong chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị cũng trái nghịch lời Phật dạy. Đúng là nghịch thầy phản đạo! Tu pháp môn này, đúng như Phật nguyện, đúng như lời Phật dạy thì mới là tôn sư trọng đạo. Trên thực tế, thiền sư nói những câu này là nói với chúng ta đấy!

Kim nhĩ vong linh đương tri thử ý.

今爾亡靈。當知此意。

(Nay các vong linh hãy biết ý này).

Trên hình thức là nói với vong linh, nói với quỷ thần, chứ trên thực tế là bảo cùng chúng ta. Vong linh còn phát nguyện vãng sanh, mà chúng ta không thể phát nguyện vãng sanh; nói thật ra, còn thua cả quỷ! Ngay cả quỷ mà còn thua thì còn xứng đáng là người nữa ư? Lời ẩn trong lời, quý vị phải nghe hiểu những ý nghĩa ẩn trong ý nghĩa, ý tại ngôn ngoại (ý nằm ngoài lời). Quý vị phải hiểu được âm thanh ngoài dây đàn thì mới có chỗ ngộ, mới hòng có thụ dụng, nhất định phải thực sự thực hiện. Tiếp đó là bài kệ tán Phật để tổng kết một thời:

28. Tán Phật tổng kết

***A Di Đà Phật,
Vô thượng y vương,
Nguy nguy kim tướng phóng hào quang,
Khổ hải tác từ hàng,
Cửu phẩm liên bang,
Đồng nguyện vãng Tây Phương.***
阿彌陀佛。

無上醫王。
巍巍金相放毫光。
苦海作慈航。
九品蓮邦。
同願往西方。

*(A Di Đà Phật,
Vô thượng y vương,
Tướng vàng vọi vọi phóng hào quang,
Biển khổ thả thuyền từ,
Chín phẩm liên bang,
Đồng nguyện về Tây Phương).*

Nội dung bài tán này hết sức khẩn thiết.

Nam mô Liên Trì hội Bồ Tát Ma Ha Tát.
南無蓮池會菩薩摩訶薩。

ĐỆ TAM THỜI

Tiếp theo, chúng ta xem đến thời thứ ba. Thời thứ ba, tụng kinh, niệm chú hoàn toàn giống với thời thứ nhất, đều là hồi hướng Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. Nay chúng ta xem từ phần Khai Thị, xem đoạn khai thị lần thứ nhất trong thời thứ ba.

29. Khai thị

***Thập vạn dư trình bất cách trần,
Hư tương mê ngộ tự sơ thân,
Sát-na niệm tận Hằng sa Phật,
Tiện thị liên hoa quốc lý nhân.***

十萬餘程不隔塵。

休將迷悟自疏親。

剎那念盡恆沙佛。

便是蓮華國裡人。

*(Đường xa hơn mười vạn cõi,
Chẳng xa cách mấy trần,
Thôi đừng đem mê ngộ,
Để tính kể sơ thân,
Sát-na niệm chư Phật,
Số nhiều đến Hằng sa.
Liền thành người đã ở
Trong cõi nước hoa sen).*

Trong bài kệ này, thiền sư Trung Phong chân thành khôn sánh, khẩn thiết khuyên dạy chúng ta, cũng như phó chúc chúng ta: Cơ duyên này rất khó được, là cơ hội khó gặp gỡ hiếm có từ vô lượng kiếp đến nay, hôm nay chúng ta được gặp, chớ có bỏ lỡ. Bỏ lỡ thì đúng là chẳng xứng với lời khuyên dạy khẩn thiết dường ấy của thiền sư Trung Phong.

"*Thập vạn dư trình*" (đường xa hơn mười vạn) chính là như kinh A Di Đà đã nói, từ thế giới Sa Bà qua khỏi mười vạn ức cõi Phật có một thế giới gọi là thế giới Cực Lạc. Nay thiền sư nói "*thập vạn dư trình*" (đường xa hơn mười vạn cõi), khoảng cách lớn như thế, "*bất cách trần*" (không cách biệt mấy trần). Trần là nhỏ nhất, tức vi trần, xa bao nhiêu? Giữa các vi trần không có kẽ hở, nói lên điều gì? Nói lên xa và gần không hai, không gian bị phá mất, không còn xa hay gần. Tây Phương Cực Lạc thế giới ở đâu vậy? Ở chính ngay nơi đây, không hề cách biệt mấy trần. Chúng ta nói đến khoảng cách thì vẫn còn có đường xa một dặm, đường xa nửa dặm, thậm chí vẫn còn có khoảng cách một mét, hoặc một centimetre, còn "*bất cách trần*"

(không cách biệt một mảy trần) nghĩa là một centimetre cũng không có! Câu kệ tiếp theo nói rất hay.

"*Hưu tương mê ngộ tự sơ thân*" (thôi đừng để mê hay ngộ khiến cho [Cực Lạc] đối với mình trở thành sơ hay thân). Mấu chốt ở chỗ nào? Giác ngộ! Chuyển mê thành ngộ. Ở trên, thiền sư đã nói rất hay: "*A Di Đà Phật thị ngã tâm, ngã tâm thị A Di Đà Phật*" (A Di Đà Phật là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật). Thế giới Cực Lạc là phương này, "*Tịnh Độ tức thứ phương, thứ phương tức Tịnh Độ*" (Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ). Đường xa mười vạn không cách biệt mảy trần, quý vị thấy trước và sau tương ứng, mấu chốt là mê hay ngộ. Mê thì [cách xa] mười vạn ức cõi Phật, ngộ thì ở ngay trước mặt. Phật có vọng ngữ hay không? Không! Mê thì quả thật có không gian, không gian có xa và gần. Lúc ngộ thì không gian chẳng còn. Chuyện này rất hiếm có, chúng tôi cảm tạ các khoa học gia hiện đại đã chứng tỏ trong một điều kiện nào đó, không gian sẽ bằng zéro.

Khoảng cách ư? Trong một điều kiện nào đó, mọi khoảng cách đều bằng zéro. Điều kiện gì vậy? Ngộ! Các khoa học gia không biết điều kiện, chỉ nói "*trong một điều kiện nào đó*", đức Phật bảo chúng ta "*ngộ!*" Điều kiện chính là Ngộ. Mê thì có khoảng cách, có xa hay gần; ngộ bèn không có. Ngộ thì không gian bằng với zéro. Tin tức ấy của các nhà khoa học tốt lắm, chúng tôi dùng ngay điều này, bởi nếu không có tin tức này, cảnh giới ấy rất khó thể diễn tả rõ ràng. Trong khoa học còn có công thức, công thức ấy lần sau tôi sẽ ghi lại. Nói thật ra, chỉ là mê hay ngộ, "*hưu tương mê ngộ tự sơ thân*" (thôi đừng vì mê hay ngộ khiến cho [Cực Lạc] đối với mình thành ra sơ hay thân), ngàn muôn phần chớ bỏ lỡ cơ duyên hy hữu khó gặp này! Thân hay sơ chỉ trong một niệm, sơ là mê, thân là giác ngộ, ngộ thì chính nơi đây là Cực Lạc, mê thì cách xa mười vạn ức cõi.

"*Sát-na niệm tận Hằng sa Phật, tiện thị liên hoa quốc lý nhân*" (Trong sát-na niệm hết Hằng sa Phật, bèn là người trong cõi hoa sen). Hai câu kệ đầu giảng về Lý, hai câu sau luận về Sự. Đối với Lý, chúng ta không thể ngộ nhập cảnh giới vẫn không sao cả, quý vị chỉ cần biết tín nguyện trì danh, cầu sanh về Tịnh Độ là được rồi. Ấn Quang đại sư suốt đời dạy người, tôi còn cho khắc một con ấn: Ấn Quang Đại Sư Truyền Pháp Ấn. Pháp Ấn của Ngài là gì vậy? Suốt đời Ngài nói nhiều nhất, viết nhiều nhất – thật đấy, tự hành, hóa tha – là bốn câu, mười sáu chữ sau đây: "*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*" (Giữ trọn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật). Lão pháp sư cả một đời thực sự thực hiện cũng như dạy người khác điều này. Mười sáu chữ ấy theo cái nhìn của tôi, chính là "*truyền tâm pháp ấn*" tự hành, hóa tha của Ấn Quang đại sư. Đây là nguyên tắc chỉ đạo tối

cao, tôi khẳng định trong chín ngàn năm thuộc đời Mạt Pháp của đức Thế Tôn chẳng thể biến đổi [nguyên tắc này]. Nếu nhất định tuân thủ nguyên tắc chỉ đạo này thì trong một đời này chúng ta nhất định sanh về Tịnh Độ.

Hai câu đầu (tức "*đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành*") nói về pháp thế gian. Phật pháp kiến lập trên cơ sở thế gian pháp, không làm người tốt trong thế gian thì làm sao có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc cho được? Quý vị muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc thì quý vị nhất định phải làm một người tốt trong thế gian. Tiêu chuẩn của một người tốt là như hai câu nói của Ấn Quang đại sư: "*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành*". Đây là tiêu chuẩn của một người tốt trong thế gian như trong Phật pháp gọi là "*thiện nam tử, thiện nữ nhân*". Trước hết, quý vị phải đạt tiêu chuẩn thiện nam tử, thiện nữ nhân, sau đó niệm Phật, tín nguyện niệm Phật thì mới được vãng sanh.

Chữ "*sát-na*" (ksana) chỉ một thời gian rất ngắn, chỉ điều gì? Chỉ một câu Phật hiệu A Di Đà Phật. Quý vị thấy nhiều nhất là trong khoảng một giây, người tầm thường chúng ta niệm được một câu A Di Đà Phật, một giây thôi, trong một giây ấy niệm hết Hằng sa Phật. Đến bây giờ chúng tôi mới lãnh hội được đôi chút ý nghĩa này. Trong Số Sao, Liên Trì đại sư nói: "*Niệm một đức Phật (một đức Phật ở đây là A Di Đà Phật) không khác gì niệm hết thảy chư Phật*". Niệm một câu A Di Đà Phật chính là niệm hết mười phương ba đời chư Phật, chẳng sót một vị Phật nào. Niệm một đức Phật chính là niệm hết thảy chư Phật. Ý nghĩa này hay lắm, là thật đấy, không giả đâu. Vì sao biết là thật? Qua kinh A Di Đà, chúng ta thấy sáu phương Hằng hà sa số chư Phật tán thán A Di Đà Phật. Những lời tán thán ấy chính là niệm A Di Đà Phật, hết thảy chư Phật đều niệm A Di Đà Phật. Vậy thì chúng ta niệm A Di Đà Phật chẳng phải là niệm hết thảy chư Phật hay sao? Bởi vậy, niệm một câu A Di Đà Phật, mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều sanh tâm hoan hỷ, hết thảy chư Phật đều hộ niệm, có thể lấy kinh A Di Đà làm chứng. Sáu phương chư Phật là chứng minh, chứ còn gì nữa! Pháp môn nào có thể sánh bằng được? Thực sự là tìm chẳng ra!

Vì thế, chỉ cần quý vị làm được mười sáu chữ của pháp sư Ấn Quang thì quý vị đã thực hiện được bài kệ này của thiền sư Trung Phong, quý vị "*tiên thị liên hoa quốc lý nhân*" (liền thành người thuộc cõi nước hoa sen). Dầu hiện thời quý vị chưa sang [Tây Phương Cực Lạc], nhưng chắc chắn được sang, không hoài nghi chút nào hết; giống như nói quý vị đã ghi tên vào sổ bộ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi. Giống như nay chúng ta muốn di trú, quý vị đã cầm được sổ thông hành, cầm được giấy phép cư trú vĩnh viễn, chắc chắn sẽ đi được, muốn đi lúc nào cũng được. Cầm được giấy thông hành thì quý vị là người của thế giới Cực Lạc. Bài kệ này hay lắm, phải thực hiện cho thật tốt. Lại xem tiếp phần Khai Thị.

Hiệp trần bồi giác, tài kinh cực ư thất bảo viên lâm. Xả vọng quy chân, liệt châu võng ư tứ sanh môn hộ.

合塵背覺。栽荊棘於七寶園林。捨妄歸真。列珠網於四生門戶。

(Xuôi trần nghịch giác, trồng gai góc nơi vườn rừng bảy báu. Bỏ vọng về chân, giăng lưới châu nơi cửa ngõ tứ sanh).

Chúng ta hãy xem câu này trước. "*Hiệp trần bồi giác*" là bọn phàm phu lục đạo chúng ta. Tâm chúng ta là vọng tâm, vọng tưởng, phân biệt, hiệp với gì? Hiệp với ngũ dục lục trần, niệm niệm đều là ngũ dục, lục trần. Giống như thế nào? Giống như "*tài kinh cực ư thất bảo viên lâm*" (trồng gai góc trong vườn rừng bảy báu). "*Thất bảo viên lâm*" chính là Chân Như Bản Tánh của chúng ta. Nơi Chân Như Bản Tánh của chúng ta nay đang trồng kín gai góc. "*Gai góc*" là khởi Hoặc, tạo nghiệp, khổ báo. Gai góc là tỷ dụ Hoặc nghiệp khổ, tam chương. Tam chương sanh khởi trong Chân Như Bản Tánh của chúng ta vì chúng ta trái nghịch Tự Tánh Giác, không giác ngộ, mê hoặc, điên đảo, niệm niệm đều là ngũ dục, lục trần. Câu này có ý nghĩa như vậy. Lục đạo phàm phu ai nấy đều như thế cả!

Lại thưa rõ cùng mọi người, nói rõ ràng hơn chút nữa, rừng vườn bảy báu chính là căn tánh nơi sáu căn của chúng ta, nơi mắt gọi là tánh Thấy, nơi tai gọi là tánh Nghe, nơi mũi, nơi lưỡi, nơi thân gọi là tánh Cảm Nhận, nơi ý gọi là tánh Biết. Thấy - nghe - hay - biết là vườn rừng bảy báu, là tánh đức, tánh năng, nhưng mê rồi. Mê rồi bèn biến thành sáu thức, nơi mắt là Nhãn Thức, nơi tai là Nhĩ Thức, nơi ý gọi là Ý Thức. Quý vị thấy đó, tánh đức vừa mê bèn chuyển thành tám thức, đó gọi là "*hiệp trần bồi giác*", chính là hiện tượng hiện tiền của chúng ta.

Quay đầu lại là tốt, vừa quay đầu lại chính là "*xả vọng, quy chân*". Xả vọng, quy chân là chuyển Thức thành Trí, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, bỏ đi, khôi phục thấy - nghe - hay - biết, vĩnh viễn giữ được thấy - nghe - hay - biết, trọn chẳng rơi vào ý thức, cũng quyết định chẳng để sáu căn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước nơi sáu cảnh. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là hồng rồi, là mê rồi. Thấy sắc, nghe tiếng, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây chính là "*xả vọng, quy chân*". Mọi người nhất định phải hiểu: Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là vọng, quý vị phải bỏ chúng đi.

Trong Tánh (tánh đức) quyết định chẳng có khởi tâm động niệm, quyết định chẳng phân biệt, chấp trước, giống như là "*liệt châu võng ư tứ sanh môn hộ*" (giăng lưới châu nơi cửa ngõ tứ sanh). "*Tứ sanh môn hộ*" chính là lục đạo luân hồi. Trong lục đạo luân hồi, trong đời ác năm trước, có lưới

mảnh bảo châu, tức y báo trang nghiêm nơi Cực Lạc thế giới, do tánh đức hiển hiện. Tánh đức ở chỗ nào? Tánh đức ở ngay trong đời ác năm trước!

Tung hoành vạn pháp, viên khóa nhất tâm.

縱橫萬法。圓裹一心。

(Dọc ngang vạn pháp, nhất tâm bao trọn).

Đến đây là một đoạn. Hai câu này để tổng kết. "Tung" (縱: chiều dọc) chỉ thời gian, "hoành" (橫: chiều ngang) chỉ không gian. Trong nhà Phật thường nói: "Hoành biến thập phương, thụ cùng tam thế" (Theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc khắp cùng ba đời), Tung chính là Thụ (豎). Ở đây, "tung hoành" chỉ cho thời gian và không gian. Trong không gian và thời gian có tất cả hết thảy vạn pháp. Hết thảy vạn pháp chẳng tách lìa không gian và thời gian, đều thuộc trong không gian và thời gian. Vạn pháp trong không gian và thời gian, "viên khóa nhất tâm", Khóa (裹) là bao trùm, "viên khóa" (圓裹) là bao bọc trọn vẹn, ai bao trùm? Nhất tâm, không thoát khỏi nhất tâm, chẳng lìa nhất tâm. Vậy thì chúng ta niệm Phật, chúng ta niệm Phật chuyên môn cầu nhất tâm, quý vị thấy đó: Cao minh đến cùng cực! Mục tiêu công phu của chúng ta là nhất tâm bất loạn, nhất tâm tung hoành vạn pháp, bao trọn hết thảy. Đoạn này giảng về Lý, hễ có Lý thì nhất định có Sự. Đoạn tiếp theo giảng về Sự Tướng. Chúng ta xem đoạn kế tiếp:

Phi tư lượng xứ, A Di Đà Phật. Tọa đoạn lục căn, vô tạo tác thời. Thanh Thái cổ hương, hoành thôn bát cực, phá quần hôn như cảo nhật lệ thiên, liệu chúng bệnh như Thiện Kiến thần dược.

非思量處。阿彌陀佛。坐斷六根。無造作時。清泰故鄉

。橫吞八極。破群昏如杲日麗天。療眾病如善見神藥。

(A Di Đà Phật không chỗ nghĩ lường. Nhằm lúc khuất phục sáu căn, không tạo tác, quê cũ Thanh Thái nuốt trọn khắp tám phương, phá các tối tăm như mặt trời chói rực giữa trời, trị các bệnh như thuốc thần Thiện Kiến).

Đây là một đoạn, thuộc về sự tướng. Trong đoạn này quan trọng nhất là "phi tư lượng xứ" (không chỗ nghĩ lường), "vô tạo tác thời" (lúc không tạo tác). Giác và mê khác biệt ở chỗ này! Lúc mê, vọng niệm tươi bời, chúng tôi thường bảo là suy nghĩ loạn xị (hồ tư loạn tướng). Tư tướng của kẻ ấy chưa

từng ngưng nghỉ, đêm ngủ vẫn suy tưởng nên mới có mộng cảnh. Nếu không suy tưởng, sẽ không nằm mộng. Mộng do nguyên nhân nào? Chính là do A Lại Da Thức của quý vị hoạt động không ngừng, chẳng ngưng lặng trong mỗi sát-na. Phàm phu chúng ta biết được những ý niệm thô, biết được nó sanh diệt, nhưng không biết những ý niệm vi tế. Những ý niệm cực kỳ vi tế, những chủng tử trong A Lại Da Thức thì kinh Phật nói phải là Bát Địa Bồ Tát trở lên mới biết được sự sanh diệt của chúng. Bát Địa Bồ Tát là Bất Động Địa, kinh Nhân Vương gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Bát Địa Bồ Tát là Trung Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Thất Địa là Hạ Phẩm. Hạ Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn còn chưa thấy được [sự sanh diệt của ý niệm vi tế], Trung Phẩm Vô Sanh thấy được. Phải thấy mới đoạn được, quý vị không thấy thì đoạn chỗ nào? Vì thế, kiến đạo rồi mới có thể tu đạo, đạo không thấy, quý vị tu ở chỗ nào? Chúng ta phải học điểm này. "*Phi tư lượng xứ*", quý vị thấy A Di Đà Phật đã đạt được cảnh giới ấy.

Như vậy, "*tọa đoạn lục căn*" (khuất phục sáu căn) tức là nói sáu căn không còn khởi tác dụng nữa¹³[13]. Nói "*lục căn*" hàm ý những Thức nơi sáu căn, những Thức ấy vĩnh viễn không khởi tác dụng. Người ấy khởi tác dụng nào? Khởi những đức năng sẵn có (bản năng) trong Pháp Tánh; bản năng của Pháp Tánh là thấy - nghe - hay - biết. Thấy - nghe - hay - biết trọn khắp pháp giới, hư không giới. Các nhà khoa học ngày nay dùng phương pháp khoa học để thí nghiệm, chứng minh thực vật và khoáng vật có khả năng thấy - nghe - hay - biết, đấy chính là bản năng của Pháp Tánh. Thực vật và khoáng vật mê hay không mê? Cũng là mê. Vì thế, sự thấy - nghe - hay - biết của chúng chẳng thể trọn khắp pháp giới, hư không giới. Quý vị xem nhé: Viết chữ Ai (yêu) cho nước thấy, để xa quá không được, phải dán lên bình đựng nước cho gần, đại khái phải mất một tiếng đồng hồ nước mới phản ứng. Nó cũng mê, so với con người nó còn mê tệ hại hơn. Con người chúng ta vừa trông thấy chữ ấy từ xa đã có phản ứng; còn nước phải dán cho gần, vẫn phải tốn một thời gian dài, điều này chứng tỏ thực vật và khoáng vật mê nặng hơn chúng ta, khoáng vật so ra mê còn nặng hơn thực vật.

Kinh Lăng Nghiêm nói thuần tình thành thực vật hay khoáng vật. Kinh Lăng Nghiêm nói đến tình và tưởng; thuần tưởng thì bay lên, thuần tình thì đọa xuống. "*Thuần tình*" là gì? Chấp trước! Chấp trước quá mức, nhưng tánh năng chẳng bị vùi mất. Chấp trước nghiêm trọng hơn, chẳng hạn như khoáng vật sẽ rất khó chuyển biến. Trong khoáng vật thì nước có thể nhận

13[13] Ở đây nói sáu căn không còn khởi tác dụng không có nghĩa là sáu căn mất hết khả năng nhận biết (linh minh giác tri) mà là sáu thức không còn khởi phân biệt, vọng tưởng, chấp trước mà nhìn thấy sự vật đúng như bản chất của nó, thấy được chân tánh của vạn vật, vạn pháp. Nói cách khác, sáu căn dùng sáu tánh để liễu tri vạn pháp, chứ không dùng Thức. Thức đã chuyển thành Trí.

được những tin tức từ chúng ta, sau một tiếng đồng hồ nó sẽ có phản ứng. Đại khái, quý vị gởi đến bùn, cát, đá những thông điệp, rất có thể cần đến cả mười tiếng, hai mươi tiếng, thậm chí ba mươi tiếng, chúng mới phản ứng. Quý vị thấy đó: Chúng phản ứng. Đương nhiên phản ứng cực kỳ vi tế, chúng ta không thấy được. Vì thế, bọn họ dùng trái cây, dùng cơm, dùng mận đầu làm thí nghiệm, trong hai tuần phản ứng hết sức rõ ràng. Đó là nói về khoáng vật, không phải là thực vật. Thực vật là hoa, cỏ, cây cối, chúng cảm ứng cũng khá linh mẫn, quả thật có thấy - nghe - hay - biết. Bản năng nơi Pháp Tánh, những đức sẵn có nơi Pháp Tánh không hề bị mất đi, mà bị mê tình che lấp. Dầu che lấp vẫn có tác dụng, vẫn khá rõ ràng.

Ở đây, chúng ta phải thực sự hiểu rõ: Tận sức bớt suy lường, cũng có thể hiểu là tận sức ít khởi vọng tưởng. Vọng tưởng càng ít càng tốt, nhưng như thế nào? Vọng tưởng không ngừng được, vẫn đề ở chỗ này! Chúng ta muốn ngừng dứt, bởi không vọng tưởng sẽ thành Phật; nhưng có những chuyện ta muốn buông xuống, lại không buông xuống được, ta muốn bỏ đi, chẳng những bỏ không được, càng muốn bỏ đi lại càng nhiều. Làm thế nào đây? Đức Phật dạy cho chúng ta một phương pháp hay: Niệm A Di Đà Phật. Ý niệm vừa dấy lên, cấp tốc A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, giữ gìn một niệm này. Quý vị muốn đoạn một niệm này, đoạn không được, vậy thì nay dùng một niệm thay thế hết thảy niệm, cách này hay lắm! Một niệm ấy không đoạn nên gọi là "đời nghiệp vãng sanh". Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành một khoảng thời gian, niệm ấy không còn nữa, bèn thành công, đạt đến Lý nhất tâm bất loạn.

Niệm ấy không còn nữa thì minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Thành Phật rồi còn niệm A Di Đà Phật nữa hay không? Vẫn niệm. Niệm lúc đó và niệm lúc này hoàn toàn khác nhau. Niệm ấy là gì? Vì người khác diễn nói, làm gương cho hết thảy chúng sanh khổ nạn: Các người muốn thành tựu thì phải làm giống như ta đây! Trong kinh Di Đà, Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, Ngài niệm Phật chứng vô thượng Bồ Đề; bởi thế, đấy chính là làm gương cho người khác xem, là lợi tha đấy! Hiện tại, chúng ta chưa đạt đến Lý nhất tâm bất loạn thì tự lợi, tự lợi cũng là lợi tha, lợi tha cũng là tự lợi, tự - tha bất nhị. Vì thế, để đạt đến chỗ không suy lường, chúng ta dùng một câu Phật hiệu, trong mười hai thời, suốt ngày từ sáng đến tối, trong mỗi niệm, tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, niệm gì cũng chẳng có.

Nếu quý vị hỏi: Việc này phiền quá, trong cuộc sống thường ngày nhiều chuyện mình không biết, niệm xong một câu Phật hiệu thì lo liệu mọi việc ra sao đây? Giải quyết như thế nào? Đúng là ý niệm quy về một câu Phật hiệu thì trí huệ bèn mở mang, bất luận chuyện gì cũng không cần phải biết, quý vị vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, tự nhiên sẽ có phương pháp ổn

thỏa tốt lành để giải quyết, chẳng cần phải suy nghĩ, tìm tòi, chẳng cần phải biết trước. Biết trước, suy nghĩ cặn kẽ như thế nào đi nữa, nhưng đến lúc đụng chuyện vẫn làm sai. Đó là phạm phu. Chư Phật, Bồ Tát giải quyết hết thảy mọi chuyện vật vãn, tạp nhạp của đại chúng, Phật, Bồ Tát có làm sai chuyện nào hay không? Không! Từ trước đến nay chưa từng làm chuyện gì sai quấy, do nguyên nhân nào? Trí huệ! Tâm các Ngài thanh tịnh, không nhiễm ô, không có tạp niệm, "*tọa đoạn sáu căn*". "*Tọa đoạn*" là chữ dùng để hình dung, không thực sự đoạn, ở đây có nghĩa sáu thức nơi sáu căn không khởi tác dụng.

Lúc không tạo tác, "*Thanh Thái cổ hương, hoành thôn bát cực*" (quê cũ Thanh Thái nuốt trọn tám phương): Thanh Thái là thế giới Cực Lạc, "*bát cực*" là tám phương. Người Hoa thường nói "tứ phương, tứ duy" (bốn phương chánh, bốn phương bàng¹⁴[14]), thêm vào thượng, hạ thành mười phương. "*Hoành thôn*" (nuốt ngang) là bao quát toàn bộ, hoàn toàn bao trùm. Thế giới Cực Lạc được hình thành như thế nào? Thế giới Cực Lạc không do con người tạo tác, cũng có thể nói là không phân biệt, không chấp trước, "*phi tư lượng xứ*", không có vọng tưởng. Nói gộp lại là "*không có phân biệt, không chấp trước*". Người trong thế giới Cực Lạc không chỉ học với A Di Đà Phật, dù là những người thuộc Hạ Hạ Phẩm – chúng ta đọc thấy trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu – bọn họ mỗi ngày nghe kinh, nghe pháp, mỗi ngày đi tham phòng mười vạn ức Phật. Thật ra, "*mười vạn ức*" không phải là con số mà là mười phương thế giới hết thảy đạo tràng của chư Phật, Bồ Tát, họ đều đến tham phòng, đến cúng Phật, nghe Phật thuyết pháp, cúng Tăng, giúp đỡ Phật giáo hóa chúng sanh. Bận bịu như thế cũng chẳng vui ư?

Vì sao gọi là "*vô tạo tác thời*" (lúc không tạo tác)? Quả thật, họ bận rộn cũng chẳng vui ư? Họ không có ý niệm ấy, cũng không khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước. Chúng sanh có Cảm, họ bèn Ứng. Cảm ứng hoàn toàn tự nhiên, quả thật chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng chấp trước, nên mới có Ứng. Chúng ta nay không có cách nào làm như vậy được. Do nguyên nhân nào? Bản năng ấy của chúng ta bị chướng ngại, bị nghiệp chướng chướng ngại. Nghiệp chướng là gì? Nghiệp chướng là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng ta không buông những thứ ấy xuống được. Những thứ ấy chướng ngại tánh đức, tánh năng của chúng ta. Người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu chưa phá được một phẩm vô minh, nhưng họ được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đức năng nơi tự tánh của họ không bị chướng ngại nên khởi

14[14] Bốn phương bàng là Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc.

tác dụng; vì thế, họ có thể tự do tự tại thị hiện trong mười phương thế giới, thật chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu chúng ta học theo họ sẽ học không được, làm cách nào đây? Thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Đến thế giới Cực Lạc, cảnh giới ấy sẽ hiện tiền. Vì thế, nay chúng ta đọc đoạn kinh này, phải áp dụng vào hiện tại như thế nào? Tùy duyên, đừng phan duyên! Trọn đừng nghĩ mình phải làm điều này, điều nọ, hết thầy mọi việc cứ để “nước chảy thành suối!” Có cơ hội, biết là chuyện tốt, mình có khả năng có thể làm được thì hãy toàn tâm toàn lực mà làm; không đủ sức thì chẳng cần phải khởi vọng tưởng, chẳng cần khởi ý niệm nào. Có khả năng nhưng việc ấy đã có người làm, mình không bắt buộc phải làm, cũng chẳng cần phải bận tâm nữa. Việc tốt, đúng là việc tốt, lại không có ai làm, mình có sức làm thì mình tùy hỷ. Tốt! Tự tại lắm!

Như vậy, trong cuộc sống hiện thời, học tùy duyên đừng phan duyên, quý vị được đại tự tại. Thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, đây chính là những gì thầy truyền cho tôi, trong bao nhiêu năm qua, tôi tùy tâm sử dụng, rất tự tại! Càng làm, lòng tin càng trọn đủ, càng làm, càng cảm tạ thầy dạy dỗ. A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

Tập 51

Chư vị đồng học!

Xin xem phần khai thị thứ nhất trong thời thứ ba của Hệ Niệm Pháp Sự. Buổi học trước chúng tôi đã giảng đến đây:

Phi tư lượng xứ A Di Đà Phật, tọa đoạn lục căn, vô tạo tác thời, Thanh Thái cổ hương, hoành thôn bát cực.

非思量處。阿彌陀佛。坐斷六根。無造作時。清泰故鄉。橫吞八極。

(A Di Đà Phật không chỗ nghĩ lường. Nhằm lúc khuất phục sáu căn, không tạo tác, quê cũ Thanh Thái nuốt trọn khắp tám phương).

Trong hai câu này, quan trọng nhất là “phi tư lượng xứ” (chỗ không suy lường) và “vô tạo tác thời” (lúc không tạo tác), thánh - phàm sai biệt cũng ở chỗ này. Thánh nhân (chúng ta gọi là “bậc giác ngộ”), bậc giác ngộ tâm địa thanh tịnh không có vọng niệm. Phàm phu không giác ngộ, mê hoặc, vọng niệm chẳng đoạn. Phàm - thánh sai biệt, nói thật ra, chính là ở chỗ này. Vì thế, thời cổ thánh nhân dạy người “khắc niệm tác thánh” (chế ngự được ý niệm thì thành thánh), quý vị thấy bốn chữ này rất thú vị! Phàm ai có thể chế ngự được ý niệm sẽ thành thánh, ai không khắc phục được ý niệm của chính mình thì là phàm phu. Chư Phật, Bồ Tát cũng không có gì khác, đoạn được vọng niệm mà thôi, đoạn sạch sẽ, may mắn cũng không

còn, nên gọi là Phật Đà, là chư Phật Như Lai! Đoạn nhưng còn một chút, hãy còn một chút cực kỳ vi tế chưa đoạn thì là Đẳng Giác Bồ Tát. Do đây biết rằng: Tu hành nói đến tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh thì không có gì khác cả, khắc phục vọng niệm mà thôi! Như vậy, A Di Đà Phật làm được điều này. "*Phi tư lượng xứ*" A Di Đà Phật làm được, vì thế, lực căn của Ngài tịch tĩnh. Lực căn tịch tĩnh, phản bổn hoàn nguyên (trở về với nguồn cội), thành công! Câu này giảng về chuyện khắc phục vọng niệm.

Câu thứ hai giảng về tạo tác. Phật, Bồ Tát hiện vô lượng vô biên thân trong mười phương pháp giới, độ vô lượng vô biên người, quý vị nói thử xem: Các Ngài có tạo tác hay chẳng? Không tạo tác! Vì sao bảo là không tạo tác? Rành rành là tạo tác, vì sao nói là không tạo tác? Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật vì mọi người giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, hằng ngày giảng, không nghỉ một ngày nào, thế nhưng trong kinh Bát Nhã lại bảo "*Phật không nói một câu nào, ai nói Phật thuyết pháp chính là báng Phật!*" Trong giáo pháp Đại Thừa chúng ta cũng đã từng nghe nói, có khi là: "*Thuyết nhi vô thuyết, vô thuyết nhi thuyết*" (nói mà không nói, không nói mà nói). Phật, Bồ Tát đến hiện thân trong chín pháp giới thuyết pháp chính là "*hiện nhi vô hiện, vô hiện nhi hiện, thuyết nhi vô thuyết, vô thuyết nhi thuyết*" (hiện nhưng không hiện, không hiện mà hiện, nói mà không nói, không nói nhưng nói). Những câu ấy khiến chúng ta như đang ở trong đám sương phủ mù mịt^{15[15]}, nghe xong mê muội luôn: Sao lại nói hiện nhưng không hiện, nói nhưng không nói? Trong những phần trên đã nói rất nhiều lần về hiện thân thuyết pháp rồi: Ứng theo lòng Cảm của chúng sanh mà tự nhiên hiện, tự nhiên nói, không hề có ý nghĩ nào trong ấy cả. Không có một ý nghĩ nào là "*không nói*", ứng theo lòng Cảm của chúng sanh là "*có nói*". Vì thế, nói mà không nói, không nói mà nói; nghĩa là như vậy đấy. Đúng là nói rất nhiều, nhưng đức Phật tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, tuyệt đối chẳng phân biệt, chấp trước.

Chúng ta nghe những lời này chẳng hiểu! Rất cuộc, chúng có nghĩa là gì? Chúng tôi vẫn dùng cái màn huỳnh quang như trong phần trên để tỷ dụ. Màn huỳnh quang của TV, hoặc màn huỳnh quang của computer sạch sẽ chẳng nhiễm mấy trần! Đúng hay không? Quý vị gạt đầu, đúng rồi! Nay quý vị thâm nhận tín hiệu, màn hình bèn hiện tướng. Nếu chúng ta hỏi: Màn huỳnh quang hiện tướng rất cuộc là chuyện gì vậy? Chẳng phải là hiện mà không hiện hay sao? Tướng thì hiện, nhưng màn huỳnh quang quả thật chẳng nhiễm mấy trần, quý vị nghĩ xem có phải là "*hiện nhưng không hiện, không hiện mà hiện*" đó ư? Những hình ảnh được hiện ấy cũng là giảng kinh, cũng là thuyết pháp, chẳng phải là "*nói nhưng không nói, không*

15[15] Nguyên văn "*ngũ lý vụ trung*" (ở trong đám sương phủ đến năm dặm).

nói mà nói” hay sao? Chữ Phật hiện thân thuyết pháp trong chín pháp giới cũng giống như những tướng được hiện trên màn huỳnh quang. Đạo lý thuyết pháp giống như vậy đó.

Như vậy, trong nhà quý vị ai cũng có TV, mỗi ngày người biết tu hành xem TV đều là tu hành, nhờ vào đó mà đại triệt đại ngộ, nguyên lai là như thế đó! Màn huỳnh quang tượng trưng cho Pháp Tánh, tướng hiện nơi đó. Màn huỳnh quang có thể hiện (năng hiện), tướng ấy là cái được hiện (sở hiện), Năng Hiện - Sở Hiện, Năng - Sở là một, tuyệt đối không phải hai. Năng Hiện quyết định bất biến, Sở Hiện bị biến, biến ra sao? Khởi tâm động niệm bèn biến; không khởi tâm, không động niệm thì chẳng biến. Không khởi tâm, không động niệm gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới sống động, không chết cứng; “bất biến” hàm nghĩa không động, giống như màn hình vậy. Vì thế, năng hiện - sở hiện, năng biến - sở biến là một, không hai. Có như vậy quý vị mới thực sự hiểu rõ, thực sự thấu hiểu Thật Tướng của các pháp.

Vì thế, “*vô tạo tác thời, Thanh Thái cổ hương, hoành thôn bát cực*” (lúc không tạo tác, quê cũ Thanh Thái nuốt trọn tám phương): Chúng tôi dùng cái màn huỳnh quang để tỷ dụ. A Di Đà Phật và quê cũ Thanh Thái đều dùng cái màn huỳnh quang để làm tỷ dụ, “*tọa đoạn lục căn*” (khuất phục sáu căn), “*hoành thôn bát cực*” (nuốt trọn tám phương), chúng tôi dùng những hình ảnh hiện ra nơi màn hình để tỷ dụ. Tôi giảng như vậy chắc mọi người hiểu được, nhưng quý vị vẫn phải chú tâm quán sát, không chú tâm sẽ chẳng hiểu những thứ ấy đều ở ngay trước mặt. Lúc quý vị hiểu được thì trí huệ sẽ sanh khởi, đối với hết thảy những tướng được hiện quý vị mới thực sự bội phục. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Đức Phật nói ra được những lời ấy quả thật là phi phàm, một lời vạch trần Thật Tướng của các pháp. Hôm nay chúng ta lại xem tiếp, xem tiếp đoạn văn sau đây:

Phá quần hôn như cảo nhật lệ thiên.

破群昏如杲日麗天。

(*Phá các tối tăm như mặt trời chói rực giữa trời*).

Trí huệ hiện tiền! Trí huệ hiện tiền có thể phá mê hoặc, có thể phá chướng. Trong Tam Chướng, khó phá nhất là Hoặc Chướng, tức là Phiền Não Chướng, mê hoặc đây! Phá được mê hoặc thì vấn đề nào cũng giải quyết được; chỉ cần phá được mê hoặc thì vọng tưởng, phân biệt, chấp

trước tự nhiên bị khống chế, không thể sanh khởi được nữa, đây chính là cảnh giới nơi quả địa Như Lai. "*Phá quần hôn*": Hết thấy mê hoặc đều dùng hai chữ "*quần hôn*" (các thứ tối tăm) để tượng trưng. "*Như cảo nhật lệ thiên*" (như mặt trời chói rực giữa trời): "*Cảo nhật*" là mặt trời. Chữ "*cảo*" (杲) viết theo cách Hội Ý, nhằm làm cho quý vị nhìn vào tướng (tức mặt chữ) sẽ thấu hiểu được ý nghĩa. Mặt trời mọc lên, cao lắm, đã vượt lên đầu ngọn cây. Vì thế, chữ Cảo dưới là chữ Mộc (木), trên là chữ Nhật (日), ngụ ý Thái Dương nay đã vượt khỏi ngọn cây, rất cao rồi, hết sức sáng chói. Thái Dương quá xa, vì thế nó mang ý nghĩa cao xa, mang ý nghĩa sáng sủa. "*Cảo nhật lệ thiên*" biểu thị ý nghĩa gì? Biểu thị đại triệt đại ngộ, biểu thị thông đạt, hiểu rõ, khai ngộ rồi. Câu kế tiếp:

Liệu chúng bệnh như Thiện Kiến thần dược.

療眾病如善見神藥。

(*Trị các bệnh như thuốc thần Thiện Kiến*).

"*Chúng bệnh*" (các bệnh) chỉ chúng sanh trong chín pháp giới vẫn còn mê hoặc, vẫn còn tạo nghiệp, vẫn còn chịu báo, nhất là chúng sanh luân hồi trong lục đạo rất đáng thương, rất khổ! Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian để làm gì? Cứu khổ, cứu nạn, giúp cho những kẻ khổ nạn ấy, đến trị bệnh cho họ! Giống như "*Thiện Kiến thần dược*" (thuốc thần Thiện Kiến) là nói tỷ dụ. Trong kinh Phật có tỷ dụ một loại thuốc, loại thuốc này có thể trị hết thấy các bệnh, loại thuốc ấy có tên là Thiện Kiến. Chữ Kiến (見) này nên đọc là Hiện (現), thời cổ chữ Kiến và Hiện có cùng một âm, cũng mang cùng một ý nghĩa, nay thêm bộ Ngọc (玉) vào bên cạnh [chữ Kiến thành chữ Hiện]. Thần dược Thiện Kiến (Hiện): Chúng sanh trông thấy thuốc ấy, (theo cách nói bây giờ của chúng ta) tất cả hết thấy virus đều bị hóa giải, chúng ta nghĩ xem thuốc ấy là thuốc gì vậy? Thuốc ấy chẳng phải là Tam Bảo như Phật pháp thường nói đó chẳng? Tam Bảo là gì? Tự Tánh Giác, Tự Tánh Chánh, Tự Tánh Tịnh. Tự Tánh Giác - Chánh - Tịnh là đức hạnh vốn sẵn có trong tự tánh, đức Phật nói tới thần dược Thiện Kiến chính là nói điều này. Tự Tánh Giác - Chánh - Tịnh hiện tiền, virus nào cũng không còn nữa, đều bị hóa giải hết. Thiên địa, vạn vật, hết thấy chúng sanh đều chuyển biến thành Giác - Chánh - Tịnh, trong tự tánh há có virus!

Như vậy, nay chúng ta chuyển tham - sân - si thành Giác - Chánh - Tịnh, chuyển keo tham thành thanh tịnh như thế nào? Keo tham (keo kiệt,

tham lam) là nhiễm ô nghiêm trọng nhất. Chuyển sân khuể thành thuần chánh. Chuyển ngu si thành thuần giác. Chuyển được thì là Phật, Bồ Tát; chuyển không được thì là phàm phu. Chúng tôi muốn chuyển thì xin hãy dạy cho tôi phương pháp nào để chuyển? Phương pháp rất nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn loại phương pháp, vô lượng pháp môn, vô lượng vô biên phương pháp đều có thể chuyển. Nhiều phương pháp như vậy, chúng ta phải học theo phương pháp nào mới là tốt nhất? Đức Phật dạy chúng ta: "*Pháp môn bình đẳng, vô hữu cao hạ*" (Pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp). Vì sao? Mỗi phương pháp đều có thể giúp cho chúng ta chuyển Mê - Tà - Nhiễm thành Giác - Chánh - Tịnh. Mê - Tà - Nhiễm là Tham - Sân - Si, chuyển thành Giác - Chánh - Tịnh. Bởi vậy, "*pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp*".

Thế nhưng chúng ta là chúng sanh nghiệp chướng, tập khí, phiền não rối bời, mỗi người khác nhau, sâu - cạn, dày - mỏng khác nhau. Người lợi căn phiền não tập khí mỏng một chút, cạn một chút, học pháp môn gì cũng đều dễ dàng. Người phiền não tập khí rất nghiêm trọng, có rất nhiều pháp môn người ấy không có cách gì học được. Vì thế gian này hiện thời quá khổ, tai nạn quá nhiều, chúng ta nhất định phải tìm lấy một pháp môn nào dễ dàng nhất, nhanh chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất để nương cậy. Chư Phật Như Lai dạy chúng ta: "Có! Có một pháp môn: Niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ". Pháp môn này là pháp môn lý tưởng. Chúng ta hãy xem đoạn văn tiếp theo:

Sở dĩ vân: Nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ.

所以云。一稱阿彌陀佛名號。能滅八萬億劫生死眾苦。

(Bởi thế nói: Vừa xưng danh hiệu A Di Đà Phật, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử).

Đây chính là lời chư Phật Như Lai đã nói! Chúng ta có tin tưởng hay không? Nếu quý vị tin, chứng tỏ quý vị có thiện căn to lớn. Trong đời quá khứ đã có thiện căn rất sâu dày, trong đời này mê hoặc, khi nào có người cảnh tỉnh quý vị, vừa tỉnh thì thiện căn trong đời quá khứ liền phát khởi, quý vị bèn tin tưởng. Lúc nào thiện căn chín muồi, đúng đấy, nhất định phải có lúc đó, trong nhà Phật thường gọi là "*thời tiết nhân duyên*". Thời chưa đến là chưa được.

Tôi thừa nhận, trong đời quá khứ, tôi có thiện căn sâu dày, nhưng trước khi tôi tròn hai mươi tuổi, chắc chắn tôi không thể tiếp nhận Phật pháp. Ai đến giảng giải cho tôi cũng uống công, tôi chẳng thể tiếp nhận. Hết sức

chấp trước, hết sức ngoan cố, tự cho mình đúng, tự cậy mình thông minh. Năm hai mươi sáu tuổi thân cận tiên sinh Phương Đông Mỹ, Phương tiên sinh là bậc thiện tri thức được ngưỡng mộ trong tâm tôi, là vị thầy tôi kính ngưỡng nhất. Gặp được cụ, cụ giới thiệu Phật pháp cho tôi, tôi không nói gì cả, tin tưởng ngay. Thầy chẳng lừa dối tôi, đối với tôi cụ hết sức tốt, hết sức yêu thương. Năm hai mươi sáu tuổi chính là lúc thời tiết nhân duyên chín muồi, gặp được bậc thiện tri thức như vậy. Thật đấy! Cụ là đại triết gia, chẳng những là vị giáo sư nổi tiếng tại Đài Loan mà còn là bậc thầy nổi danh trên thế giới. Tôi bị đạo đức, học vấn của cụ chiết phục, cụ nói: "*Kinh Phật là triết học cao sâu nhất trong triết học toàn thế giới* (tôi học Triết Học với cụ), *học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*". Tôi bị hai câu nói ấy của cụ dẫn vào cửa Phật. Nếu không phải là Phương tiên sinh mà là người khác nói hai câu ấy, tôi chẳng tin tưởng; nhất định phải từ miệng cụ nói ra tôi mới tin tưởng được. Ai độ người nào đều là có duyên phận. Duyên phận ấy chỉ có thể gặp chứ không thể cầu. Tôi được cụ tiếp dẫn vào cửa nhà Phật như thế đấy!

Tiếp dẫn vào cửa Phật rất hy hữu! Chưa đầy một tháng sau tôi quen biết Chương Gia đại sư, tôi có người để thỉnh giáo về những chuyện liên quan đến Phật giáo. Tôi tự mình tìm kinh điển đọc, có ngờ vực gì, bèn hướng về Chương Gia đại sư thỉnh giáo. Chương Gia đại sư giúp tôi suốt ba năm, căn cơ Phật giáo của tôi được xây đắp vững vàng từ nơi lão nhân gia. Nói cách khác, năm hai mươi sáu tuổi, trước khi gặp Phương tiên sinh, bất cứ ai muốn giới thiệu Phật giáo cho tôi cũng đều không thể được. Tôi tranh cãi với người ấy, tôi có cả một đống lý luận vắn vèo, quý vị không có cách gì đả phá lý luận vắn vèo của tôi, nên tôi chẳng thể tin tưởng.

Lúc còn trẻ, độ những người như tôi rất khó khăn. Lúc ấy tôi còn đang đi học, còn chưa đến hai mươi sáu tuổi, lúc mười mấy tuổi, thường hay thân cận Cơ Đốc giáo. Vì tôi có rất nhiều bạn học là tín đồ Cơ Đốc Giáo, thường đi nhà thờ, tôi theo họ đi nhà thờ, cũng đọc Kinh Thánh của họ, tôi đọc hết sức nghiêm túc, bọn họ đều kém tôi. Mục sư mấy lần rửa tội, hy vọng tôi chịu rửa tội. Tôi nói tôi có nghi vấn, đợi khi nào thấu hiểu những nghi vấn ấy tôi sẽ rửa tội, chứ hiện nay những nghi vấn ấy không có cách gì giải quyết được. Ông ta hỏi những nghi vấn nào? Tôi nhớ hình như mình nêu lên hơn bảy mươi điều, ông ta không trả lời được một điều nào. Ông ta nghe xong, lắc đầu: "Khó quá, không cách gì độ cậu được!" Thế trí biện thông mà! Nay học Phật mới biết, đời quá khứ tu Huệ không tu Phước; vì thế, có Thế Trí Biện Thông, không có phước báo, cũng không có thọ mạng. Học Phật rồi mới biết, mới biết mình nên tu bổ cứu như thế nào, không có phước báo thì phải bổ cứu. Không có thọ mạng cũng phải bổ cứu. Nhất là Chương Gia đại sư dạy tôi: "*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*" (trong cửa nhà Phật, có

cầu ắt ứng). Thật ra, tôi trọn chẳng cầu phước, cũng trọn chẳng cầu trường thọ, nhưng tôi cầu trí huệ là thật. Đại khái là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ chú trọng nơi tu Huệ, nay còn mang theo tập khí nhiều đời nhiều kiếp trước, chú trọng tu Huệ; nhưng tu Huệ bao gồm cả Tài Bồ Thí và Vô Úy Bồ Thí trong ấy. Thầy Lý khuyên tôi học giảng kinh: "*Học giảng kinh thì ba thứ bồ thí đồng thời đầy đủ!*" Quý vị lên giảng đài vì đại chúng, đem Phật pháp giới thiệu cho đại chúng, giảng giải cho đại chúng nghe, phải có thân thể, phải có sức khỏe. Thân thể và sức khỏe chính là Nội Tài Bồ Thí, so ra còn thù thắng hơn Ngoại Tài. Ngoại Tài là những tài vật ngoài thân. Quý vị giúp cho người khác có phước báo, dùng thân thể và sức lực để giúp đỡ người khác, phước báo càng lớn. Phước báo của Nội Tài so với Ngoại Tài còn lớn hơn. Đây là Tài Bồ Thí! Những gì chúng ta giới thiệu chính là Phật pháp, thuộc về Pháp Bồ Thí. Mọi người thực sự hiểu rõ, thông suốt Phật pháp, phá trừ nghi chướng, đây là Vô Úy Bồ Thí. Vì thế, làm một chuyện đạt được cả ba, thầy Lý dạy tôi như vậy.

Trước khi gặp được thầy Lý, tôi chỉ biết chăm chú học Phật; Phương tiên sinh giảng cho tôi. Cho đến lúc ấy tôi chẳng hề khởi ý niệm lên đài giảng kinh, chẳng dám khởi ý niệm ấy. Chính là thầy Lý dạy dỗ, dẫn dụ tôi lên giảng đài. Lên giảng đài rồi vui sướng không mệt mỏi, nói thật ra là do thiện căn trong đời quá khứ dẫn khởi phát hiện. Vì thế, thầy Lý thường nói chúng ta lên đài giảng kinh không phải là một đời, một kiếp, mà là trong quá khứ đời đời kiếp kiếp đều lên giảng đài. Bởi vậy, quý vị lên giảng đài mới được tùy lòng ứng đối, pháp nào cũng giảng được, không bị khó khăn. Thật đấy! Quả thật là thiện căn trong quá khứ, là hạnh nghiệp trong quá khứ. Trong quá khứ từng làm hạnh này, làm sự nghiệp này, nên trong một đời này có thể tiếp tục làm nữa, nguyên do là như vậy.

Vậy thì "*nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ*" (xưng danh hiệu A Di Đà Phật một tiếng, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử). Chư Phật nói như vậy, chúng ta phải tin. Chư Phật nói mà không tin thì còn tin cái gì được nữa? Chuyện ấy nếu đời chúng ta chứng minh được thì đâu phải là chuyện dễ dàng. Nếu quý vị muốn chứng minh chuyện này thì phải là bậc Bát Địa trở lên mới có thể chứng minh chân tướng sự thật này rõ ràng: "*Nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ*" (Niệm danh hiệu A Di Đà Phật một tiếng, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử). Rất đáng tiếc! Người thế gian không chịu niệm, không biết niệm. Người chịu niệm, hiện tại người niệm Phật chúng ta rất nhiều, mà có diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử hay không? E rằng không được! Không được thì lời Phật hóa ra không đúng hay sao? Đức Phật chắc chắn chẳng nói dối,

nhưng chữ "*diệt*" ở đây có hai loại: Trong kinh Phật thường dạy có Đoạn Diệt và Phục Diệt. Hai thứ khác nhau!

Nay chúng ta niệm Phật diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử, nói thật ra, không phải là đoạn diệt, không đoạn được! Chúng ta niệm Phật một tiếng sẽ khuất phục, đè nén [được các nỗi khổ]. Thế nhưng khi không niệm, chúng lại trỗi dậy, như thế là lấy đá đè cỏ, chứ chưa trừ được rễ. Người biết niệm trừ được cả rễ. Nay chúng ta không biết niệm, thế nào mới là "biết niệm"? Trong những phần trên tôi đã giảng rồi! Nói thật đơn giản, thật minh bạch, thật rõ ràng thì không gì hơn lời Đại Thế Chí đã dạy: "*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*" (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đó là biết niệm. Biết niệm thì trước hết vẫn là chế phục, rồi sau mới đoạn. Đây là đạo lý nhất định, trước chế phục, sau đoạn trừ. Quý vị niệm Phật, phải tịnh niệm, tịnh là thanh tịnh, không hoài nghi, không xen tạp. Hoài nghi: không thanh tịnh; xen tạp cũng chẳng phải là thanh tịnh, khó lắm! Trong khi quý vị niệm Phật mà vẫn còn khởi vọng tưởng, vẫn có tạp niệm thì công phu chưa thuần, đó gọi là không thanh tịnh!

Niệm Phật, có lúc niệm, có lúc gián đoạn, chẳng thể liên tục, lúc niệm thì khuất phục được phiền não, lúc gián đoạn thì phiền não lại hiện hành. Do vậy, niệm đã lâu như thế nào đi nữa, vẫn không chế phục được. Quý vị không khuất phục được phiền não là vì có gián đoạn. Một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, thời gian niệm Phật ngắn ngủi, thời gian không niệm Phật lại dài. Nói cách khác, mỗi ngày quý vị dùng đá đè cỏ, thời gian đè nén ngắn; lúc không chèn ép, cỏ lại tăng trưởng. Vì thế, quý vị hao sức niệm bao nhiêu năm dài lâu như thế, niệm mấy mươi năm, ngay cả tin tức cũng chẳng có gì hết, nghĩ lại vẫn không khác gì lúc chưa học Phật cho mấy, đây chính là công phu không đặc lực! Công phu không đặc lực là vì quý vị không biết niệm, quý vị niệm Phật khi có, khi không, cổ nhân bảo là "*lộ thủy đạo tâm*" (đạo tâm như nước trong giọt sương đọng). Vì thế, dù quý vị niệm Phật chỉ là gieo chủng tử vào A Lại Da Thức, không địch lại nổi tập khí phiền não, không chế phục được. Vậy thì phải niệm ra sao?

Chính là "*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*" (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), phải làm theo cách ấy. Làm theo cách như vậy, từ những ghi chép về sự tu hành chứng quả của cổ đức, chúng ta thấy: Nếu là bậc lợi căn thì ba tháng liền thấy hiệu quả, người căn tánh bậc trung phải mất sáu tháng, tức là trong nửa năm bèn thấy hiệu quả. Hiệu quả hiện hữu rồi, tin tâm lớn bội phần. Thật đấy! Đúng là có lợi ích, vì sao? Phiền não ít đi, vọng niệm ít đi, vọng niệm ít đi rồi thì trí huệ tăng trưởng. Chuyện gì cũng vậy, bắt đầu đều khó, quý vị muốn đè nén tập khí từ vô thủy kiếp đến nay mà! Lúc tôi mới học Phật, thân cận Chương Gia đại sư, Chương Gia đại sư nói và làm khác nào nêu gương cho tôi, tôi hiểu rõ: "*Phật hiệu quyết*

định chẳng được gián đoạn!” Đại sư trì chú, trì chú giống như niệm Phật, không gián đoạn!

Mỗi Chủ Nhật tôi đến gặp Ngài, thời gian là hai tiếng đồng hồ. Trong hai tiếng đồng hồ ấy, Ngài trì chú không ngừng. Tôi hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài trả lời câu hỏi, đáp xong lại niệm chú. Ngài trì theo lối Kim Cang Trì, không phát ra tiếng, chỉ động môi, toàn thân ở trong Định. Ngài gởi cho tôi một bức ảnh, mọi người đã thấy rồi đó, bình thường Ngài luôn như vậy, chứ không phải lúc chụp hình cố ý làm ra vẻ. Bình thường Ngài là như vậy, ở trong Định, đi, đứng, nằm, ngồi đều trong Định. Vì vậy, thầy Lý rất bội phục, cả đời chúng tôi chưa thấy được một người thứ hai như thế. Động tác, hành động của Ngài hết sức từ tốn, nói năng cũng chậm rãi, không gấp gáp, lụp chụp tí xiu nào, ôn hòa. Những đức tánh “*ôn, lương, cung, kiệm, nhượng*” (ôn hòa, hiền lành, cung kính, tiết kiệm, khiêm nhượng) như Khổng phu tử đã nói trong Luận Ngữ đều thấy thể hiện nơi đại sư, thánh đức đấy! Đó là Ngài nêu gương cho chúng ta thấy, mãi cho đến nay chúng tôi vẫn chưa học được. Ngài tịnh như thế, định như thế, ổn trọng như thế khiến ai thoát nhìn đều tự nhiên sanh lòng cung kính, sức nhiếp thọ rất lớn. Vì thế, niệm Phật phải biết niệm, chúng ta phải tin vào lời Phật, đúng là trong một câu Phật hiệu không xen tạp, không hoài nghi, không gián đoạn.

Trước kia, lần thứ nhất tôi đến hội Phật giáo Cát Long Ba (Kuala Lumpur) không phải để giảng kinh mà là giảng diễn, hình như liên tục suốt năm ngày. Cuối cùng, tôi dạy mọi người pháp Thập Niệm. Pháp Thập Niệm ấy như sau: Một ngày chín lần, mỗi lần chỉ niệm mười câu A Di Đà Phật, niệm bốn chữ thôi: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, mười câu liên tục như thế. Trong mười câu ấy quả thật không hoài nghi, không xen tạp. Niệm quá lâu sẽ xen tạp vọng niệm, niệm mười câu ấy chỉ cần một phút, một phút thì chúng ta có thể làm được: Trong một phút quyết định không xen tạp, mười câu Phật hiệu, và lại, mười câu ấy câu này tiếp theo câu kia là liên tục, cũng có thể phù hợp với nguyên tắc như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói. Quý vị nghiêm túc làm, một ngày chín lần, ngày ngày không gián đoạn. Có không ít đồng học nghe như vậy bèn làm theo, làm một hai tháng rất có hiệu quả, gọi điện thoại cho tôi, viết thư cho tôi, nói phương pháp này tốt lắm. Vì thế, phương pháp ấy được truyền bá.

Sau này ở Mỹ, Gia Nã Đại có nhiều đồng tu áp dụng phương pháp này. Dùng phương pháp này kể ra rất thích hợp đối với người hiện tại, công việc bề bộn, chẳng tốn thời gian. Sáng dậy rửa mặt xong, trong nhà có tượng Phật thì đối trước tượng Phật mà làm. Không có tượng Phật thì hướng về phương Tây, một phút là thực hiện xong công khóa. Đêm trước khi đi ngủ làm một lần, sáng tối hai lần. Trước ba bữa ăn, do làm vậy nên ba bữa ăn

chúng ta không cần phải niệm chú Cúng Dường, chúng ta niệm A Di Đà Phật, niệm mười câu rồi mới ăn cơm, đó là ba lần. Vậy là năm lần, cộng hai lần sáng tối thành năm lần. Vô làm việc, về nghỉ, buổi sáng bắt đầu vào làm việc, nghỉ trưa; buổi chiều trở vào làm việc tiếp, ra về, trước lúc bắt đầu làm việc chắp tay niệm Phật hiệu mười tiếng rồi hãy làm việc. Lúc hết buổi, làm xong việc, xếp gọn sổ sách, rồi lại chắp tay niệm Phật mười tiếng. Một ngày chín lần, phù hợp "*tịnh niệm tiếp nối*". Rất có hiệu quả đối với người công việc bận rộn trong hiện tại.

Nếu về hưu thì quý vị nên học theo Chương Gia đại sư, suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu không gián đoạn, không cần phát ra tiếng. Nếu niệm ra tiếng trong một thời gian dài sẽ rất mệt, thân thể không kham nổi. Kim Cang Trì, hoặc là mặc niệm, mặc niệm là niệm không ra tiếng, miệng cũng không động, Phật hiệu trong tâm câu này tiếp theo câu kia, vọng niệm không có, quý vị thực sự làm được! Vọng niệm không có, hoàn toàn bị khống chế, gọi là "công phu thành thiền", đây chính là Niệm Phật tam-muội [ở mức độ] nông cạn nhất, quý vị đã đắc Niệm Phật tam-muội. Cũng có thể nói là quý vị đã hoàn toàn khống chế vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng trở ngại công việc. Cứ làm lung, thù tiếp như cũ. Không phải là dứt tuyệt mọi ngoại duyên; ngoại duyên tất yếu phải có, chẳng thể đoạn tuyệt được, nhưng không trở ngại chút nào. Chuyện không cần thiết thì hãy đoạn đi, nghĩa là: Những chuyện không quá cần thiết, cấp bách trong cuộc sống thường ngày thì đừng quan tâm đến nữa.

Cổ nhân nói hai câu rất hay: "*Thức nhân đa xứ thị phi đa; tri sự đa thời phiền não đa*" (Càng biết nhiều người càng lắm chuyện, càng biết nhiều chuyện càng phiền não). Nếu không biết rất nhiều chuyện, không cần phải đi khắp nơi tìm nghe. Người ta đưa tin đến, bảo cho mình chuyện gì, chuyện nào không liên can đến mình ta không thèm nghe. Biết càng ít chuyện càng tốt, quen càng ít người càng hay, không cần thiết! Vĩnh viễn giữ được cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi của chính mình, bản thân chúng ta tu học như thế thì mới có thể ảnh hưởng người khác. Người khác thấy quý vị tu học như thế, tu tốt lắm, người ta học theo quý vị. Người ta học bao nhiêu năm công phu không đắc lực, vì sao công phu không đắc lực? Nếu quý vị thực sự muốn công phu đắc lực thì cách tu là như thế, duyên nào nên buông xuống thì nhất định phải buông xuống. Quý vị phải nhớ kỹ, chuyện gì không nên buông xuống chớ nên buông xuống, không có trở ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Người trong nhà mình thì mình phải yêu thương, phải chiều cố, chuyện này không thể buông xuống, không được nói là chẳng quan tâm đến gia đình nữa. Học Phật như vậy sẽ chẳng thể thành tựu! Hết thầy chư Phật đều dạy chúng ta phải hiếu dưỡng cha mẹ, ngay cả cha mẹ mà quý vị cũng

không màng thì làm sao có thể thành Phật đạo? Bởi vậy, chẳng được buông bỏ đạo đức luân thường thế gian, người học Phật sống trong thế gian phải thể hiện sự giáo hóa người đời như vậy. Ấn Quang đại sư giảng rất hay: *"Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành"* (Giữ trọn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành). Đôn luân tận phận là về mặt Sự, nhàn tà tồn thành là không ngăn ngại. Pháp thế gian chính là Phật pháp, giác rồi thì pháp nào chẳng phải là Phật pháp? Không giác thì có pháp nào là Phật pháp đâu nhỉ? Không giác thì thứ gì cũng chẳng phải, niệm Phật cũng chẳng phải!

Trước kia, tôi từng nghe những vị lão hòa thượng bảo tôi: Tại nhiều nơi trong nội địa có những bà cụ niệm Phật, hỏi họ vì sao phải niệm A Di Đà Phật? Họ nói niệm A Di Đà Phật để trừ tiền¹⁶[16]. Tôi chết đi rồi, có rất nhiều tiền trừ sẵn để dùng. Niệm Phật như vậy không phải là Phật pháp, họ hoàn toàn sai lầm. Họ muốn tương lai chết đi làm quý, làm một con quý giàu có, không làm một con quý nghèo nàn. Ngày ngày niệm A Di Đà Phật để kiếm tiền, quý vị nói xem có phải là hoàn toàn sai lầm hay không? Như vậy, hể mê rồi thì Phật pháp cũng trở thành pháp thế gian; ngộ thì hết thảy pháp thế gian đều là Phật pháp. Thật vậy! Ở đây thiền sư Trung Phong giảng rất nhiều, giảng rất hay, quan hệ giữa chúng sanh và Phật, phàm và thánh là ở chỗ này. Nhất định phải hiểu đạo lý này. Vì thế, đối với lời chư Phật đã nói: *"Nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ"* (xưng danh hiệu A Di Đà Phật một tiếng, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử), chúng ta tin tưởng sâu xa không nghi.

Lợi ích như thị, khởi thí dụ ngôn thuyết chỉ khả cập hồ!

利益如是。豈譬喻言說之可及乎。

(Lợi ích như thế, há có thí dụ, lời lẽ nào diễn tả trọn vẹn cho được!)

Lợi ích ấy quá lớn. Tất cả lợi ích thế gian hay xuất thế gian đều không thể sánh bằng lợi ích do niệm Phật. Của cải vạn ức trong thế gian không bằng chí tâm niệm một câu A Di Đà Phật. Chí tâm là thành tâm thành ý, thành tâm thành ý chính là niệm niệm tiếp nối. *"Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế"* (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), tương ứng với tiêu chuẩn ấy, niệm một tiếng A Di Đà Phật như thế thì của cải vạn ức chẳng thể sánh bằng. Ưc ức vạn của cải cũng không thể sánh bằng. Vì sao? Dầu nhiều của

¹⁶[16] Niệm Phật để được tiền: Có một tà thuyết khá phổ biến ở Trung Hoa là cứ niệm Phật một câu sẽ để dành được một ít tiền nơi cõi âm, khi chết đi mình sẽ được hưởng dụng số tiền đó nơi cõi U Minh. Trong Ấn Quang Văn Sao, Tổ có nhắc đến chuyện này, như vậy, tà thuyết này đã có từ trước thời Dân Quốc, ít nhất nó đã có từ thời Minh - Thanh.

cải ngăn ấy, quý vị vẫn không thể thoát khỏi luân hồi, chỉ có thể giải quyết cuộc sống vật chất giàu có, dư dả một chút, chứ ngoài điều này ra, chẳng thể giải quyết vấn đề nào khác cả! Một câu A Di Đà Phật phi thường, vấn đề nào cũng đều có thể giải quyết được hết, cuộc sống vật chất trước mắt quyết định chớ nên bận lòng, vì sao? Quý vị có phước mà! Người có phước há có thể bị lạnh, bị đói hay chẳng? Không thể! Chịu khổ nạn một chút thì có, vì sao phải bị khổ nạn? Do nghiệp chướng trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, chịu khổ nạn bèn tiêu nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu rồi sẽ thành Phật đạo.

Vì thế, chúng ta thấy rất nhiều người chân chánh tu hành, cả một đời tu khổ hạnh, như trong cận đại ai nấy đều biết lão hòa thượng Hư Vân suốt đời tu khổ hạnh, Ngài có phước báo rất lớn. Ở Nam Dương (Indonesia) có rất nhiều quốc vương, đại thần đều tôn Ngài làm thầy, tín đồ đại phú quý, đồ đệ tại gia không biết là bao nhiêu, cúng dường hết sức phong phú, lão hòa thượng đúng là muốn gì có nấy, nhưng Ngài dùng trà thô, cơm nhạt, mặc áo vá chằng, vá đụp, suốt một đời không thay đổi, tiêu nghiệp chướng! Đối với phước báo, tất cả hết thảy cúng dường, lão nhân gia chuyên dùng để tu sửa chùa, tu bổ chùa, cất chùa, làm những chuyện như thế. Chùa sửa chữa hay xây dựng xong, Ngài trọn chẳng làm trụ trì, mời người khác làm trụ trì, cúng dường cho chúng xuất gia tu hành, suốt đời làm như vậy. Ấn Quang đại sư suốt đời in kinh để bố thí, lão hòa thượng Hư Vân suốt đời dựng chùa, đều là nêu gương mẫu cho chúng ta, khiến chúng ta tự trông thấy phải khéo suy nghĩ mình nên làm như thế nào! Phước đức ấy vô lượng vô biên, không có cách gì tỷ dụ được, không có cách chi diễn tả được. Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại xem tiếp phần Khai Thị trong thời thứ ba, đoạn văn trong phần Khai Thị lần thứ nhất là như sau:

Chỉ như tức kim Hệ Niệm, đệ tam thời Phật sự. Thả đạo: Hiện tiền chúng đẳng, đồng thanh tương ứng nhất cú, như hà chỉ trần?

只如即今繫念。第三時佛事。且道。現前眾等。同聲相應一句。如何指陳。

(Còn như nay Hệ Niệm Phật Sự, nhằm thời thứ ba. Vậy thì hiện tiền đại chúng, đồng thanh tương ứng một câu, chỉ bày như thế nào đây?)

Mấy câu này gần như là một loại nghi thức thuyết pháp trong nhà Phật chúng ta; trong nhà Phật, có thể nói là chẳng phân biệt Tông Môn, Giáo Hạ, [mấy câu này] gần như là thông dụng, chúng ta phải nên biết. "*Chỉ như tức kim*": Nay chúng ta đang làm "*Hệ Niệm Tam Thời Phật Sự, vậy thì hiện tiền đại chúng*" đại chúng đang cùng tham dự pháp hội này, chúng ta cùng nhau thành tâm thành ý đến điện đường này làm Phật sự, "*đồng thanh tương ứng một câu*" là gì? "*Chỉ trần*" (chỉ bày) như thế nào đây? "*Chỉ*" là "chỉ thị" (chỉ ra, nêu ra), "*trần*" là "*trần thuyết*" (diễn tả, nói phô bày). Như nhà Thiền thường nói, tức là như tổ sư trong Tông Môn bảo: "*Đạo nhất cú lai!*" (Hãy nói một câu xem!), tức là hãy nói một câu nghe thử coi. "*Như hà chỉ trần*" mang ý nghĩa như vậy đó, hãy nói một câu xem, ý nói: Mọi người hiện đang cùng ở đây làm pháp sự, đồng thanh tương ứng. Rồi thiền sư bảo chúng ta:

***Nhất tùng Phật hướng thiết căn niệm,
Bất giác hoa tùy túc đế sanh.***

一從佛向舌根念。

不覺華隨足底生。

(*Nhất tâm theo Phật nguyện xưng niệm,
Nào biết hoa sen dưới gót sanh*).

Ở đây thiền sư không nói "*nhất thanh Phật hiệu thiết căn niệm*" (một tiếng Phật hiệu dùng lưỡi niệm), nói như vậy dễ hiểu rồi, Ngài không nói như thế, Ngài nói "*Nhất tùng Phật hướng thiết căn niệm*". "*Nhất tùng Phật hướng*" nghĩa là gì? "*Nhất*" là "*nhất tâm*", mẫu chốt là có khế nhập cảnh giới Phật hay không, nhất tâm sẽ có thể nhập được. Nhập được cảnh giới Phật, cảnh giới Phật là cái bị nhập (sở nhập), Nhất Chân pháp giới là sở nhập, Nhất Chân là năng nhập. Như vậy, pháp môn này chẳng tu hành điều gì khác, chỉ là tu "*nhất tâm bất loạn*". Pháp môn Niệm Phật không niệm gì khác, mà là niệm đến nhất tâm, nhất tâm là chân tâm. Hai tâm, ba tâm là vọng tâm, đưa vọng trở về chân tâm, pháp môn này là như vậy đó!

Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, bởi thế, chúng ta phải "*nhất tâm tùng Phật*", "*tùng*" (從) là thuận tùng, thuận tùng điều gì của Phật? Thuận tùng "*Phật hướng*". Phật hướng (phương hướng của Phật) chính là Phật nguyện. Quý vị nghĩ coi có đúng hay không? Chính là Phật nguyện. Phương hướng của đức Phật là gì? Phương hướng của đức Phật là phổ độ hết thảy chúng sanh, mong hết thảy chúng sanh sớm thành Phật giống như Ngài. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp nào để thành Phật? Niệm Phật thành Phật. Niệm Phật thành Phật là phương hướng của Phật.

Nay chúng ta dùng "*thiệt căn niệm*", công đức của thiệt căn chẳng thể nghĩ bàn; đặc biệt là trong thế giới Sa Bà, trong sáu căn thì công đức của thiệt căn rất lớn. Giảng kinh, thuyết pháp phải dùng thiệt căn, Thích Ca Mâu Ni Phật rộng độ chúng sanh, vì hết thầy chúng sanh giảng kinh, thuyết pháp phải dùng thiệt căn. Chúng ta muốn thành tựu thì vẫn phải dùng thiệt căn để niệm Phật. Đây là "*nhất tùng hướng Phật thiệt căn niệm*". Vì thế, ngài Trung Phong không nói "*nhất thanh Phật hiệu thiệt căn niệm*" (dùng thiệt căn niệm một tiếng Phật hiệu), một tiếng Phật hiệu ý nghĩa còn cạn, nói theo ý nghĩa trên đây sẽ sâu xa hơn. Niệm Phật như thế chính là "*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*", thực sự tương ứng! Chính là những điều thiền sư Trung Phong đã nói trong những lời khai thị ở những phần trước đã được thực hiện ở đây: Thực hiện tương ứng niệm Phật, đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, đó là "*chất phác niệm*".

Niệm Phật như vậy hiệu quả thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Câu tiếp theo nói đến sự việc sau đây: "*Bất giác hoa tùy túc để sanh*" (nào biết hoa sen dưới gót sanh). Nơi ao sen bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đóa hoa sen của quý vị đã mọc, mọc trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Giống như chư Phật, Bồ Tát; chúng ta nhìn vào Biển Tướng Đồ¹⁷[17]: Chư Phật, Bồ Tát đều ngồi hay đứng trên hoa sen, dưới chân chúng ta cũng tro hoa sen, hể niệm bèn sanh. Nhớ kỹ: Không niệm bèn chẳng có, bị diệt mất. Vì thế, mỗi ngày quý vị niệm Phật không gián đoạn thì hoa sen trong ao bảy báu ngày càng lớn, ánh sáng và màu sắc càng xinh đẹp thù thắng khôn sánh. Tương lai vãng sanh, A Di Đà Phật cầm hoa ấy, hoa do chính quý vị niệm, chính quý vị trồng, vẫn là chính quý vị thâu lấy quả báo. Hoa sen trong ao sen không phải do A Di Đà Phật trồng, màu nhiệm chẳng thể nói.

Hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian, chỉ có mình pháp này là thật; những pháp khác "*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*" (phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Danh văn, lợi dưỡng thế gian, công danh, phú quý, ngũ dục, lục trần, sanh ra chẳng mang theo đến, chết không mang đi, chớ nên tham luyến! Nói thật ra, không có mảy may ý nghĩa nào! Vì thế, người giác ngộ tùy duyên, nhất định không phan duyên. Giúp đỡ chúng sanh thì chúng sanh phải có phước báo, chúng sanh không có phước báo thì Phật cũng không có cách gì giúp đỡ được, hưởng chi là chúng ta! Thế nào là chúng sanh có phước? Chúng sanh có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, chúng sanh nghe nói đến Phật pháp, trông thấy những sự thị hiện bèn có thể giác ngộ, có thể quay đầu, có thể đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ,

17[17] Biển Tướng Đồ: Những hình vẽ thuyết minh cảnh giới trong kinh điển, phổ biến nhất là Cực Lạc biển tướng đồ (hình vẽ mô tả cảnh tượng Cực Lạc), hoặc Địa Ngục Biển Tướng Đồ (hình vẽ mô tả cảnh địa ngục)...

những chúng sanh ấy có phước. Tai nạn dù lớn đến mấy đều có thể hóa giải, dầu chẳng thể hoàn toàn hóa giải thì tai nạn cũng giảm nhẹ, đó là điều khẳng định! Đại chúng cùng nhau tu tập "*đồng thanh tương ứng một câu*". Hai câu này của Ngài không sâu xa lắm, nếu chúng ta lãnh hội được thì quả thật sẽ rạng rỡ ngay trong hiện tiền, Tiếp đến, phải nghiêm cẩn niệm Phật, bởi lẽ, Hệ Niệm Phật Sự lấy niệm Phật làm chủ. Ngàn tiếng niệm Phật này chẳng thể ơ hờ. Tiếp theo đây là bài kệ Tán Phật, tức kệ Tán Phật trong thời thứ ba, bắt đầu niệm Phật.

30. Kệ Tán Phật

***A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Cám mục trùng thanh tứ đại hải,
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.
Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.***

阿彌陀佛身金色。

相好光明無等倫。

白毫宛轉五須彌。

紺目澄清四大海。

光中化佛無數億。

化菩薩眾亦無邊。

四十八願度眾生。

九品咸令登彼岸。

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Lúc xướng kệ Tán Phật, quan trọng nhất là phải "*tùy văn nhập quán*" thì tự mình mới đạt được lợi ích. Nếu chỉ là miệng xướng, chẳng thể khế nhập nghĩa lý tám câu kệ này sẽ chẳng thể khế nhập cảnh giới của tám câu kệ, được lợi ích rất nhỏ. Nếu có thể khế nhập thì được lợi ích rất lớn. Không chỉ khi xướng kệ Tán Phật hoặc nghe kệ Tán Phật mà lúc bình thường đọc kinh hay nghe kinh cũng như vậy. Vì thế, cổ nhân thường nói và hết sức coi

trọng chuyện "*tùy văn nhập quán*". Cũng vì những đạo lý ấy, nhân lần này có cơ hội, chúng tôi bèn giảng Hệ Niệm Pháp Sự tỉ mỉ một phen, mong mọi người trong tương lai khi làm Hệ Niệm Pháp Sự có thể tùy văn nhập quán, đều có thể hiểu rõ. Tốt nhất là trước khi làm Hệ Niệm Pháp Sự, hãy nghe phần giảng diễn lần này một lượt, nghe từ đầu đến cuối rồi mới làm, sẽ khác hẳn, công đức lợi ích khác hẳn. Tiếp theo là niệm Phật, ở đây niệm Phật một trăm tiếng, rồi lại có kệ Tán Phật. Trong ba thời, phần Tán Phật này hoàn toàn tương đồng.

31. Tổng tán Di Đà

***Đệ nhất đại nguyện,
Quán tưởng Di Đà,
Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà,
Cửu phẩm dũng kim ba,
Bảo võng giao la,
Độ vong linh xuất ái hà.***

第一大願。

觀想彌陀。

四十八願度娑婆。

九品湧金波。

寶網交羅。

度亡靈出愛河。

Tiếp đó niệm:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

32. Khai thị

Tiếp theo là phần Khai Thị, thuyết pháp lần thứ hai. Trước phần Khai Thị thuyết pháp cũng có một bài kệ dẫn khởi.

***Đả phá hư không tiểu mãn tai,
Linh lung bảo tạng khoát nhiên khai,
Trực nhiều không kiếp sanh tiền sự,***

Lục tự hồng danh tất cánh cai.

打破虛空笑滿腮。

玲瓏寶藏豁然開。

直饒空劫生前事。

六字洪名畢竟該。

(Đả phá hư không cười toét miệng,
Kho tàng lóng lánh mở toang ra,
Thấu hiểu chuyện xưa bao kiếp trước,
Hồng danh sáu chữ trọn thâm gồm).

Ý nghĩa của bốn câu kệ này rất sâu! Hai câu đầu hình dung người tu hành đại triệt đại ngộ. "*Đả phá hư không*": Các nhà khoa học hiện thời biết thời gian và không gian chẳng thật, họ nói dưới một điều kiện nào đó, thời gian và không gian bằng zéro. Không gian không có xa - gần, thời gian không có trước - sau. Các nhà khoa học nay đã phát hiện lý luận này, nhưng chưa làm được. Nếu họ thực hiện được, nhất định sẽ "*tiểu mãn tai*" (cười ngoác tận mang tai). Nay chúng ta thường nói "*tiểu mãn tai*" là "*pháp hỷ sung mãn*", vui mừng vô lượng! Thật đấy, từ vô thủy kiếp đến nay, luôn bị hạn cuộc trong thời gian và không gian, không thể chuyển động được tí ti nào! Người chưa giác ngộ, chưa đại triệt đại ngộ thì không gian có xa - gần, thời gian có trước - sau, ngày hôm trước, ngày hôm sau, đó là thời gian. Chúng ta nói ngày hôm qua, ngày mai tức là thời gian đấy! Chúng ta chẳng thể quay lại ngày hôm qua, nay chúng ta cũng không có cách gì tiến trước vào ngày mai được; nhưng đến khi quý vị công phu thành tựu, tức là quý vị đã đạt được "*điều kiện nào đó*" như các nhà khoa học đã nói, quý vị bèn có thể trở về quá khứ, cũng có thể thấy được vị lai, xa - gần không có, đột phá những chiều không gian khác nhau, lúc ấy có phải là rất khoái lạc hay chẳng?

Phật pháp dùng gì để đột phá? "*Đả phá hư không*". Câu "*đả phá hư không*" chẳng phải là giả thiết, mà là sự thật, các nhà khoa học hiện tại đã chứng minh cho chúng ta: Họ nói dưới một điều kiện nào đó, Phật pháp gọi điều kiện ấy là "*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*". Trong tâm tánh không có xa - gần, trong tâm tánh không có trước - sau, trong tâm tánh chẳng tìm được điều gì đối lập. Vì thế, trong tâm tánh không có chúng sanh và Phật (chúng sanh và Phật là đối lập), không Phật, không chúng sanh, nhất thể! Trong ấy lại không có chân - vọng, không có tà - chánh, không có đúng - sai, không có thiện - ác, vì thế, gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân là nói theo mặt Lý, tức là tâm tánh thực sự đạt đến thanh tịnh tịch

diệt; một niệm chẳng sanh, chúng tôi thường nói là “không khởi tâm, không động niệm”, thật vậy đó! Đã không khởi tâm, không động niệm, còn đâu phân biệt, chấp trước? Phân biệt, chấp trước là thô tướng của khởi tâm động niệm, tế tướng còn không có, huống chi thô tướng? Khấp pháp giới hư không giới là một thân thanh tịnh, quý vị chứng đắc rồi.

Vì thế, câu thứ hai nói “*linh lung bảo tạng khoát nhiên khai*” (kho tàng lóng lánh mở toang hoang). “*Linh lung*” là tỷ dụ những gì chói ngời sáng lóa, kho báu mà! “*Lung linh bảo tạng*” là nói về chân tâm, bản tánh. “*Khoát nhiên khai*” (mở toang ra) là kiến tánh. Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng tướng hảo, vô lượng phước báo trong tâm tánh thấy đều hiện tiền, chúng không do tu được, mà là sẵn có nơi tự tánh, hết thảy chúng sanh bình đẳng. Giống như núi, sông, đại địa tươi đẹp rực rỡ, phàm những ai sống trên mặt đất đều được bình đẳng hưởng thụ, quyết định không có mảy may nào phân biệt, chấp trước. Hết thảy chúng sanh là người một nhà, là nhất thể, ai nấy đều biết [điều này], vì thế, tôn kính lẫn nhau, yêu kính lẫn nhau, quan tâm đến nhau, hợp tác với nhau, quý vị nói xem có phải là thế giới tốt đẹp lắm hay chẳng? Đây chính là Nhất Chân pháp giới. Trong ấy không có phiền não, không có tai ương, không có khổ nạn, chỉ có ngày ngày tăng trưởng trí huệ. Ngày ngày tiêu, vẫn còn một chút tập khí sót lại, tập khí gì vậy? Vô minh phiền não, bốn mươi một phẩm vô minh chưa đoạn hết. Đoạn vô minh, khai trí huệ, tăng phước đức, ngày ngày làm như vậy mãi cho đến khi viên mãn rốt ráo, chứng đắc quả địa Như Lai. “*Linh lung bảo tạng khoát nhiên khai*”! Như vậy, câu này nói về khai ngộ; tự mình đạt được trong nhà Phật thường nói là “*hồi đầu thị ngộ*” (quay đầu là bờ), quý vị đã tìm được bờ, mới biết bờ ấy vốn phong phú như thế đó, viên mãn như thế ấy, không mảy may khiếm khuyết gì.

Câu thứ ba nói về quả đức: “*Trực nhiều không kiếp sanh tiền sự*” (thấu hiểu chuyện xưa bao kiếp trước), chuyện trong vô lượng kiếp trước quý vị đều thấy được toàn bộ, chuyện vô lượng kiếp sau quý vị cũng thấy được, vì sao? Thời gian không còn nữa! Trong vô lượng kiếp mê hoặc, điên đảo, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ mê hoặc, điên đảo, tạo nghiệp, thọ báo, đường nào trong lục đạo luân hồi đã đi vào, lúc ấy đều thấy được hết, mới biết trước kia [chính mình] ngu muội vô tri, sao lại gây tạo những điều đó! Hiện tại đều hiểu rõ hết. Hiểu rõ rồi lại chú tâm quan sát: Còn có rất nhiều chúng sanh chưa giác ngộ, vẫn chưa quay đầu, vẫn tiếp tục gây tạo những chuyện ấy, tâm đại từ đại bi tự nhiên sanh khởi. Do đây bèn cảm ứng các căn cơ, những chúng sanh trong ấy có cảm, quý vị đương nhiên có ứng. Lúc ứng, chẳng khởi tâm động niệm; nếu khởi tâm động niệm thì quý vị là phàm phu, đã mê hoặc mất rồi; không khởi tâm động niệm mà tự nhiên cảm ứng.

Cảm ứng hết sức kỳ diệu, chúng sanh hữu duyên với ta vừa cảm, ta bèn ứng. Chúng sanh vô duyên với mình mà cảm thì ta không thể ứng. Người nào khác có duyên với người ấy thì người đó ứng, chứ ta không ứng. Giống như gì? Giống như băng tần (channels) trong TV hiện thời vậy, mỗi một người trong chúng ta đều có một băng tần, không ai giống ai. Người kia cảm thì cũng như một băng tần, ai tương ứng với băng tần ấy sẽ tự nhiên hiển hiện. Đây chính là như trong Phật pháp thường nói: "*Phật bất độ vô duyên chi nhân*" (Phật chẳng độ kẻ vô duyên). Thoạt nghe như vậy dường như bọn chúng sanh ta chẳng còn hy vọng gì, không phải vậy! Mỗi cá nhân đều có một vị Phật hay Bồ Tát có duyên với mình; vị Phật, Bồ Tát có duyên với quý vị chưa chắc có duyên với người khác. Người kia có vị Phật, Bồ Tát khác có duyên với họ; vì thế, hết thảy chúng sanh không ai chẳng đắc độ.

Phải hiểu đạo lý sau đây: Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, tuyệt đối không có "tôi yêu mến anh, tôi ưa thích anh, tôi đến độ anh; kẻ kia tôi chán ghét, tôi chẳng thích độ hẳn", không phải như vậy! Nơi đây không có chán ghét, mà là trong đời quá khứ từng kết duyên với quý vị thì gọi là người hữu duyên. Duyên ấy bất luận thiện duyên hay ác duyên đều là duyên. Thiện hay ác không quan trọng, đến lúc ấy thiện và ác không còn nữa, chỉ sợ quý vị không kết duyên, không có duyên là không được rồi. Nếu quý vị biết chân tướng sự thật ấy, quý vị sẽ tự nhiên kết duyên rộng rãi với hết thảy chúng sanh. Vì sao? Thiện duyên dễ độ nhất, kết ác duyên cũng là duyên, nhưng chúng ta đừng kết ác duyên với chúng sanh nữa! Từ nay trở đi, ta kết thiện duyên cùng hết thảy chúng sanh. Vun bồi tâm cảnh thuần tịnh, thuần thiện của chính mình, không sanh phiền não, chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước nữa. Phải hiểu được đạo lý này, phải hiểu được ý nghĩa này.

Câu cuối cùng là phương pháp: "*Lục tự hồng danh tất cánh cai*" (Sáu chữ hồng danh rốt ráo bao gồm trọn vẹn). Đây là nói hết thảy pháp môn cùng quy về Niệm Phật. Vô lượng vô biên pháp môn đến cuối cùng đều quy về pháp môn này, do chỗ nào mà thấy như vậy? Từ kinh Hoa Nghiêm quý vị sẽ thấy được. Vô lượng pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, đến khi thành tựu viên mãn rốt ráo đều quy về Hoa Tạng. Tương lai quý vị thoát khỏi lục đạo luân hồi, lìa khỏi lục đạo đương nhiên vào tứ thánh pháp giới, lìa khỏi tứ thánh pháp giới nhất định vào Hoa Tạng, Nhất Chân pháp giới. Quý vị gặp Tỳ Lô Giá Na Như Lai, gặp gỡ Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát. Lúc ấy, Văn Thù, Phổ Hiền đem mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Như vậy, cuối cùng vẫn là "*lục tự hồng danh tất cánh cai*" (sáu chữ hồng danh trọn thâu gồm). Lúc này chúng ta nhận được thông điệp này, thông điệp ấy rất quý báu. Nếu thiện căn sâu dày, phước đức viên mãn, vừa nghe liền hiểu rõ, vừa nghe liền tiếp nhận, vừa nghe thì mọi pháp thế gian và xuất thế gian

đều buông xuống hết, chết sạch ý niệm so đo, khiêm hư sát dặt niệm Phật sẽ thành công.

Pháp thế gian hay xuất thế gian dù hay đến cách mấy, đến thế giới Cực Lạc sẽ học. Ở nơi đây, chúng ta không có thọ mạng dài đến như thế, không có tinh lực nhiều như thế, học không nổi. Học quá nhiều sẽ nảy sanh nghi ngờ đối với pháp môn Niệm Phật. Do vậy phải triệt để buông xuống, một câu Di Đà niệm đến rốt ráo sẽ thành công. Ấn Quang đại sư dạy chúng ta phương pháp sau đây, chính là phương pháp "*nhất tông tâm hướng*" (nhất tâm đi theo phương hướng) của chư Phật, Bồ Tát. Lão nhân gia dạy chúng ta phương pháp: Tiểu đạo tràng, không cần lập đạo tràng lớn. Đạo tràng lớn thì quý vị phải nhọc lòng, phải phân tâm. Đạo tràng nhỏ để duy trì, cất một cái chòi tranh là được, là thành một đạo tràng không gì thù thắng hơn. Hai mươi người cùng tu với nhau, không hóa duyên là điều thứ nhất. Vì sao? Hóa duyên thì quý vị sẽ không có cách nào lìa được tham - sân - si, đây là điều đầu tiên. Không hóa duyên, không làm pháp hội, không truyền pháp (không thâm đồ đệ), không truyền giới, không làm kinh sám Phật sự thù tạc, cũng không giảng kinh. Vì sao? Mọi thứ đều buông xuống. Pháp xuất thế gian hay thế gian đều buông xuống, chuyên nhất niệm Phật. Công khóa mỗi ngày giống như Phật thất thông thường. Đây chính là thực sự hiểu "*lục tự hồng danh tất cánh cai*" (sáu chữ hồng danh trọn thâm gồm). Sáu chữ hồng danh ấy thâm trọn hết thảy các pháp, là tinh túy của hết thảy Phật pháp! Quý vị còn làm chuyện khác nữa ư?

Thế nhưng vấn đề là đâu? Cần phải thực sự hiểu rõ, thấu suốt, quý vị mới chịu tu. Muốn dạy cho người khác thông đạt hiểu rõ mà chẳng giảng kinh thì sẽ không được! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta suốt bốn mươi chín năm, mục đích của bốn mươi chín năm giảng kinh là nhằm giúp cho chúng ta niệm Phật. Do khuyên dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ nên trong những kinh điển của đức Thế Tôn, trong những bản dịch bằng tiếng Hán, đại khái có gần hai trăm loại kinh luận, đều dạy cầu sanh Tịnh Độ. Chuyên giảng về cầu sanh Tịnh Độ là ba kinh: Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh là chuyên giảng. Giảng kèm về Tịnh Độ, cổ nhân bảo là "ngàn kinh, vạn luận". Chúng ta không đọc hết ngàn kinh vạn luận, nhưng những kinh điển được lưu hành bằng tiếng Hán ta thấy có gần hai trăm loại, đủ thấy đức Phật dạy người ta vãng sanh Tịnh Độ, thường xuyên giảng, thường xuyên nói.

Kinh điển do đức Phật đã nói trong cả một đời Ngài, phần lớn chưa truyền đến Trung Quốc, vì khi ấy giao thông hết sức bất tiện, đường xá xa xôi ngàn ấy. Bất luận là cao tăng đại đức Ấn Độ, hay pháp sư từ Trung Quốc qua Ấn Độ thỉnh kinh, đều chọn lọc kỹ càng, tinh vi những kinh điển thích hợp khẩu vị người Hoa, chọn lấy những kinh điển nào người Hoa rất yêu

thích, rất vui thích để truyền sang trước. Vì thế, kinh Phật truyền đến Trung Quốc rất hữu hạn, chưa phải là hoàn toàn truyền đến Trung Quốc. Trải qua gần ba ngàn năm, có rất nhiều sách vở bị thất truyền; rất may mắn là những kinh điển truyền đến Trung Quốc được bảo tồn. Sau này có một bộ phận kinh điển được truyền sang Tây Tạng, truyền sang Tây Tạng khá trễ. Đời Đường, công chúa Văn Thành¹⁸[18] được gả về Tây Tạng, Phật pháp ở Tây Tạng do công chúa Văn Thành mang đến. Vì thế, Phật giáo ở Tây Tạng trễ hơn ở Trung Quốc gần một ngàn năm.

Tây Tạng gần với Ấn Độ hơn, vì thế, những kinh điển tiếng Phạn được truyền sang Tây Tạng. Tây Tạng là vùng núi cao, chuyên chở cũng hết sức khó khăn, nên chúng ta có thể suy ra kinh điển nhà Phật cũng chưa được truyền toàn bộ sang đó, cũng chỉ là một bộ phận. Kinh điển được truyền thừa ở Tây Tạng và kinh điển Hán truyền so ra rất giống nhau. Có những cuốn bản tiếng Tây Tạng có, bản tiếng Hán cũng có. Chỉ có một số rất ít là Hán văn có, Tạng văn không có; hoặc Tạng văn có, Hán văn không có. Thế nhưng trong quá khứ, kinh điển được phiên dịch qua lại. Những bản Tạng văn không có bèn dịch từ Hán văn, dịch sang tiếng Tạng. Bản nào Hán văn không có bèn dịch từ Tạng văn sang Hán văn, hiện thời sự sai biệt không lớn lắm.

Đến cuối cùng, quý vị thấy là quy về Hoa Tạng, Hoa Tạng quy về Tịnh Độ, đặc biệt là kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc thấy Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật, "*lục tự hồng danh tất cánh cai*" (sáu chữ hồng danh trọn thâu gồm!) Có rất nhiều người coi thường một câu A Di Đà Phật, nghĩ câu Phật hiệu tầm thường quá, không có gì là hiếm lạ! Đúng là không có gì hiếm có, kỳ lạ cả! Do nguyên nhân nào? Tâm khinh mạn. Chúng ta phải nhớ: Đức Thế Tôn giảng cho chúng ta một câu chân lý, một câu thành thật: "*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*" (Hết thảy pháp từ

18[18] Công chúa Văn Thành (623-680), có tên tiếng Tạng là Giáp Tát Hán Công Chúa (Gyasa, hoặc Mung-chang Kungco, hay Mung-chang Konchu), cháu của Đường Thái Tông (Lý Thế Dân), là hoàng hậu thứ hai của Tsonpo Songtsan Gampo, là vua đời thứ 33 của vương triều Yarlung của Cổ Tây Tạng nhằm mục đích cầu thân và tái lập hòa bình giữa Tây Tạng và Trung Hoa. Lúc ấy, người Tây Tạng (thường được sử Trung Hoa gọi là Thổ Phiên) rất hùng mạnh, thường xuyên quấy nhiễu biên giới phía Tây của Đại Đường. Sau khi Songtsan Gampo (Tùng Tán Cam Bố) đánh bại Thổ Cốc Hồn (vương quốc của dân tộc Azha), cắt đứt con đường giao thương của nhà Đường sang Tây Vực, vua Đường phải gả công chúa Văn Thành cho Songtsan Gampo và ký hòa ước, phong cho Songtsan Gampo làm Phò Mã Đô Úy Tây Hải Quận Vương. Theo truyền thuyết, công chúa Văn Thành đem theo một tượng Thích Ca Mâu Ni Phật bằng vàng ròng và 360 quyển kinh như của hồi môn. Songtsan Gampo đã xây chùa Đại Chiêu (Jokhang) để thờ tượng này. Cùng với hoàng hậu Bhirkuti Devi (Xích Tôn Công Chúa hoặc Ba Lợi Khố Công Chúa) của Nepal, Songtsan Gampo và Văn Thành Công Chúa được người Tây Tạng coi là ba vị thánh có công truyền bá Phật giáo vào Tây Tạng. Songtsan Gampo được coi là hóa thân của Quán Thế Âm, công chúa Văn Thành là hóa thân của Bạch Độ Mẫu (White Tara, một hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát), còn Xích Tôn Công Chúa là Lục Độ Mẫu (Green Tara). Tara Bồ Tát lại có hai mươi một hóa thân (21 vị Độ Mẫu), được tôn sùng nhất là Lục Độ Mẫu, Bạch Độ Mẫu và Xích Độ Mẫu (Red Tara).

tâm tưởng mà sanh). Tâm quý vị tôn trọng thì câu danh hiệu này sẽ sanh ra những hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn. Tâm địa quý vị rất khinh mạn, về căn bản là không coi trọng, tùy tiện niệm một câu A Di Đà Phật sẽ chẳng khởi tác dụng. Dầu không khởi tác dụng, nhưng vừa xưng một câu Nam-mô A Di Đà Phật là đã gieo chủng tử vào A Lại Da Thức. Chủng tử ấy trân quý khôn sánh, chủng tử ấy vĩnh viễn chẳng hoại. Chẳng biết là đời nào, kiếp nào, quý vị gặp được thiện duyên, gần như nghiệp chướng tiêu trừ, chủng tử ấy sẽ khởi hiện hành, quý vị vẫn là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, chẳng thể nghĩ bàn!

"Danh hiệu công đức bất khả tư nghị" (Danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn): Một câu này rất nhiều người nghe đã nhàm tai, nhưng hoàn toàn không hiểu. Danh hiệu rất ráo có lợi ích gì, không hiểu! Lúc chúng tôi giảng kinh đã giảng về điều này không ít lần, hy vọng mọi người phải ghi nhớ, hy vọng mọi người chú tâm lãnh hội. Trong một đời này chúng ta may mắn khôn sánh, hiểu rõ công đức của danh hiệu. Nếu có thể tín nguyện thọ trì, trong một đời này quý vị sẽ siêu phàm nhập thánh, một đời này vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo mười pháp giới, còn chi hơn! Nay quý vị không thành tựu, vì sao? Đối với lục đạo mười pháp giới, quý vị chưa buông xuống được, nên không vãng sanh, lầm lạc một đời này mất rồi! Vì vậy, tôi thường bảo các đồng học: Phát tâm giảng kinh là tốt, hiếm có, chư Phật tán thán; phát tâm đến Niệm Phật Đường là đi thành Phật. Do vậy, công đức lãnh chúng niệm Phật trong Niệm Phật Đường trội vượt công đức của pháp sư giảng kinh.

Pháp sư giảng kinh hằng ngày khuyên, mọi người chưa chắc tin tưởng. [Những người niệm Phật trong] Niệm Phật Đường là đã tin tưởng, không tin tưởng làm sao đến Niệm Phật Đường được? Chỉ là mức độ tin tưởng sai khác, nói chung có một hai kẻ mức độ tin tưởng cao, Niệm Phật Đường thực sự vãng sanh. Ai vãng sanh người ấy thành Phật. Quý vị đọc bài kệ khuyên người niệm Phật của Đại Từ Bồ Tát: Quý vị khuyên được hai người niệm Phật là hai người vãng sanh, trong số những người được quý vị khuyên dạy, có hai người thực sự niệm Phật vãng sanh, công đức ấy thù thắng hơn chính mình niệm Phật. Nếu những người được quý vị khuyên có mười mấy người vãng sanh, phước đức của quý vị vô lượng vô biên. Nếu có được mấy trăm người cho đến cả ngàn người, những người được quý vị khuyên vãng sanh, quý vị thực sự là Bồ Tát. Khuyên được vạn người vãng sanh, quý vị là A Di Đà Phật tái lai! Bài kệ khuyên người niệm Phật của Đại Từ Bồ Tát là như vậy đó! Tôi thỉnh lão pháp sư Mính Sơn (茗山) viết bài kệ khuyên người niệm Phật của Đại Từ Bồ Tát, viết xong, chúng tôi đem in, hiện tại ở trai đường có treo một bức.

Giảng kinh là khuyên dạy, là tiếp dẫn, rất trọng yếu. Vì sao? Không có ai giảng kinh sẽ không có ai biết cái hay của việc Niệm Phật, không biết chân tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà. Pháp sư giảng kinh giảng rõ ràng, giảng minh bạch, khiến cho mọi người tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ rồi thì quan trọng nhất là phải về thế giới Cực Lạc. Về thế giới Cực Lạc không phải ở nơi giảng đường mà là ở Niệm Phật Đường. Vì thế, ngàn vạn phần mọi người chẳng được khinh thị, pháp sư giảng kinh là tốt, mọi người đều tôn trọng vị ấy; nhưng coi thường pháp sư niệm Phật là điên đảo! Tín, Giải, Hành, Chứng! Pháp sư giảng kinh giúp người khác “*Tín Giải*” (tin hiểu), những vị pháp sư trong Niệm Phật Đường giúp cho mọi người “*Hành Chứng*”. Do đây có thể biết: Tín - Giải - Hành - Chứng phải hỗ trợ nhau, hoàn thành lẫn nhau. Giảng đường và Niệm Phật Đường chẳng được đối lập, hễ đối lập thì cả hai đều bị phá hoại, phải biết cả hai là một thể; vì thế, phải khen ngợi lẫn nhau. Nếu muốn cho Phật pháp hưng thịnh, trừ phi Tăng khen ngợi Tăng [nếu không, Phật pháp sẽ chẳng thể nào hưng thịnh được!]. Nếu muốn Tịnh Độ hưng thịnh, pháp sư giảng kinh phải biết tán thán pháp sư thuộc Niệm Phật Đường, pháp sư thuộc Niệm Phật Đường phải biết tán thán pháp sư giảng kinh, Tịnh Độ mới hưng khởi được. Tín - Giải - Hành - Chứng, khuyết một điều chẳng được!

Như vậy, hai mươi tám chữ trong bài kệ này, nghĩa lý và cảnh giới vô cùng vô tận, đây là cảnh giới Lý Nhất Tâm Bất Loạn. Chư Phật, Bồ Tát, chân thiện tri thức hy vọng chúng ta trong một đời này đều có thể nhập cảnh giới ấy. Bài kệ này chúng tôi giảng đến đây thôi. Lại xem tiếp phần Khai Thị kế đó, phần Khai Thị này chú trọng phương pháp niệm Phật, trong ấy có Sự, có Lý. Xin hãy xem phần Khai Thị lần thứ hai của Thiền sư Trung Phong trong thời thứ ba:

Cổ nhân đạo: Thanh châu đầu ư trước thủy, trước thủy bất đắc bất thanh. Niệm Phật đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật.

古人道。清珠投於濁水。濁水不得不清。念佛投於亂心。亂心不得不佛。

(Cổ nhân nói: Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong; niệm Phật gieo vào tâm loạn, tâm loạn không thể chẳng thành tâm Phật).

Chúng ta thấy câu này dùng tỷ dụ để nói. Thanh Thủy Châu (Viên châu có tác dụng lắng trong nước đục) đem bỏ vào nước đục, nước đục là nước nhiễm ô. Viên châu ấy có công năng khiến cho nước đục lắng cặn hoặc là – nói theo phương thức hóa học hiện thời – hóa giải nhiễm ô biến thành nước

trong. Vì thế, "*trước thủy bất đắc bất thanh*" (nước đục chẳng thể không trong). Đây là tỷ dụ, dùng chuyện này làm tỷ dụ.

Nói "*niệm Phật đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật*" (niệm Phật gieo vào loạn tâm, tâm loạn không thể chẳng thành tâm Phật). Đây chính là đạo lý niệm Phật làm Phật. Tâm chúng ta vọng niệm rất nhiều! Tâm loạn! Lục đạo phàm phu có ai tâm không loạn? Chỉ là mức độ loạn khác nhau. Có người vọng niệm ít một chút, có người vọng niệm nhiều một chút, có người vọng niệm nhẹ một chút, có người vọng niệm nặng một tí, chỉ là nặng nhẹ nhiều ít khác nhau, lục đạo phàm phu ai nấy đều có vọng niệm. Có vọng niệm là phàm phu, phải luân hồi lục đạo. Đoạn vọng niệm rồi thì mới có thể vượt thoát sự luân hồi trong lục đạo. Lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do vọng niệm tạo thành. Quý vị nhất định phải hiểu: Có vọng niệm bèn có lục đạo, có vọng niệm bèn có mạng vận (số mạng), bèn có nghiệp lực, bèn có luân hồi. Không có vọng niệm thì nghiệp lực không còn, luân hồi không còn. Chúng ta làm thế nào để đoạn được những vọng niệm ấy; ở đây, dùng phương pháp Niệm Phật. Đem niệm Phật gieo vào vọng niệm, vọng niệm sẽ không còn nữa. Bây giờ đã hết giờ rồi!

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký, Phần 17 hết

19[1] Vật Do Như Thử có nghĩa là loài vật mà còn biết hiểu hạnh, nhân nghĩa, tu hành như thế, há con người lại thua kém ư? Tác phẩm này do Từ Hạc Tử biên soạn vào đời Thanh, chép những gương hiểu hạnh, trung tín cũng như niệm Phật vãng sanh của các loài vật.

20[2] Bảo hựu (保佑): Che chở và ban phước, gia trì.

21[3] Sáu kinh của Nho Gia (Nho gia lục kinh): Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc, Xuân Thu.

22[4] Đạo An (312-385) là một vị cao tăng lỗi lạc, có đóng góp rất lớn trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc. Ngài có họ ngoài đời là Vệ, người xứ Phù Liễu, Thường Sơn (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), là người đi tiên phong trong nghiên cứu học thuyết Bát Nhã tại Trung

Quốc, được pháp sư Cưu Ma La Thập tôn xưng là Đông Phương Thánh Nhân. Ngài mồ côi từ bé, được người anh họ nuôi dưỡng. Tuy diện mạo xấu xí, nhưng Ngài thông minh tột đỉnh, mới lên bảy đã biết đọc, sách nào cũng chỉ cần đọc hai lượt là thuộc nằm lòng. Ngài xuất gia năm 12 tuổi. Do bốn sư của Ngài thấy Ngài quá xấu xí, không coi trọng, sai trông coi việc cày bừa. Ngài chăm chỉ cày cấy suốt ba năm rồi mới xin học kinh Phật. Thầy thuận tay trao cho cuốn Biện Ý Kinh năm ngàn chữ, Sư chỉ học trong một buổi nghỉ trưa mà thuộc lòng, thông hiểu nghĩa kinh. Đến tối trả lại kinh cho thầy, xin học bộ khác, thầy tức giận quở trách, Sư bèn đọc thuộc lòng và còn giảng được ý nghĩa. Thầy thử sức, trao cho bộ Thành Cụ Quang Minh Kinh một vạn chữ. Sư lại học thuộc lòng trong lúc nghỉ trưa ngày hôm sau. Thầy kinh ngạc, bèn chú tâm bồi dưỡng Sư thành nhân tài hoằng pháp. Khi ngài Phật Đồ Trường từ Thiên Trúc đến Nghiệp Quận, Sư theo học với ngài Phật Đồ Trường, rất được ngài Phật Đồ Trường ưa thích. Do diện mạo xấu xí, đại chúng vẫn có ý coi thường Sư. Do vậy, ngài Phật Đồ Trường mỗi lần giảng kinh xong, đều yêu cầu pháp sư Đạo An giảng lại, Sư giảng không sai một chữ, khiến đại chúng bội phục. Sư được vua chúa thời ấy rất trọng. Vua nhà Tiền Tần là Phù Kiên đã nói: *"Ta đem 10 vạn quân đánh Tương Dương chỉ để lấy được một người rưỡi, một người là ngài Đạo An, còn Tập Tạc Xỉ là nửa người"* (Tập Tạc Xỉ là một văn nhân kiêm sử gia trứ danh thời ấy). Ngài là người đề xướng phương pháp "cách nghĩa" để giải thích kinh Phật, tức là dùng ngay những tư tưởng và điển cố sẵn có của Trung Hoa để giải thích những nghĩa lý phức tạp trong kinh Phật. Ngài còn đề xướng khi giảng giải một bản kinh, nếu có nhiều bản dịch thì sẽ đối chiếu, so sánh để hiểu trọn vẹn bản kinh ấy. Ngài đề xướng chia một bản kinh ra thành ba phần Tự, Chánh Tông và Lưu Thông, cũng như chế định nghi thức, phẩm phục của tăng sĩ cho thích hợp với văn hóa Trung Hoa, đề xướng Tăng sĩ dùng chữ Thích trước pháp danh v.v...

23[5] Chết lòng (tử tâm), không phải là 'hết lòng'. Nói "tử tâm" với ý nghĩa những ý niệm so đo, chấp giựt, đứng núi này trông núi nọ đều đã hết sạch, cõi lòng lặng lẽ, không lay động trước những lời giảng thuyết của các pháp sư, đại đức, thiện tri thức dè bủ Tịnh Độ, khuyên dụ hành nhân hãy tu tập pháp môn khác, không còn dấy lên hồ nghi, xao động nên gọi là "chết lòng".

24[6] Hóa duyên: Khuyến hóa, kêu gọi người khác đóng góp tiền bạc để xây dựng điện đường, tô chuông, đúc tượng v.v...

25[7] Theo hòa thượng Tịnh Không đã giảng trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên Đích Khải Thị, "kệ" là cách người cổ Ấn Độ tính kích thước một tác phẩm. Cứ bốn câu gọi là một Kệ (không phân biệt mỗi câu dài ngắn khác nhau); chữ Kệ này có ý nghĩa khác với chữ Kệ Tụng (cũng thường gọi tắt là Kệ). Kệ Tụng cũng gồm bốn câu, nhưng số chữ có hạn định, có vần điệu, thường được dùng để trùng tuyên những ý nghĩa đã giảng hay thưa thỉnh hoặc giải đáp.

26[8] Hậu Hán tức là nhà Đông Hán (25-234). Đông Hán là nhà Hán được phục hưng sau khi Hán Quang Vũ Đế (Lưu Tú), là người đã diệt trừ Vương Mãng (người soán đoạt ngôi vua của nhà Tây Hán) và đánh tan các tướng lãnh quân phiệt, tái lập nhà Hán. Do đóng đô tại Lạc Dương (nằm về phía Đông của cổ đô Trường An của nhà Tây Hán) nên gọi là Đông Hán. Kinh Phật được hai vị Trúc Pháp Lan và Ca Diếp Ma Đằng truyền vào Trung Hoa vào năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) đời Hán Minh Đế. Hai vị này trụ tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương để phiên dịch kinh điển, bộ kinh đầu tiên được dịch sang tiếng Hán là Tứ Thập Nhị Chương Kinh.

27[9] Mười tôn phái của Phật giáo Trung Hoa là Câu Xá Tông (Tiểu Thừa Hữu Tông), Thành Thật Tông (Tiểu Thừa Không Tông), Tam Luận Tông (Pháp Tánh Tông), Luật Tông (Nam Sơn Tông), Từ Ân Tông (Du Già Tông, Duy Thức, Pháp Tướng Tông), Mật Tông (Chân Ngôn Tông), Tịnh Độ Tông (Liên Tông), Thiên Thai Tông (Pháp Hoa Tông), Hiền Thủ Tông (Hoa Nghiêm Tông, Pháp Giới Tông) và Thiền Tông (Tâm Tông, Tông Môn).

28[10] “*Thực*” (植) ở đây là gieo trồng. Dem loại cây nào trồng sang một nơi khác không phải là quê hương của cây ấy gọi là “*di thực*” (移植, transplant).

29[11] Tức là đã có người khác đặt in với số lượng lớn, nên nhà in nhân tiện in thêm vài bản nữa cho mình.

30[12] Tiền cảnh: Cảnh đối trước các căn, tức là các trần do đối ứng với các căn mà gọi là “tiền cảnh”.

31[13] Ở đây nói sáu căn không còn khởi tác dụng không có nghĩa là sáu căn mất hết khả năng nhận biết (linh minh giác tri) mà là sáu thức không còn khởi phân biệt, vọng tưởng, chấp trước mà nhìn thấy sự vật đúng như bản chất của nó, thấy được chân tánh của vạn vật, vạn pháp. Nói cách khác, sáu căn dùng sáu tánh để liễu tri vạn pháp, chứ không dùng Thức. Thức đã chuyển thành Trí.

32[14] Bốn phương bàng là Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc.

33[15] Nguyên văn “*ngũ lý vụ trung*” (ở trong đám sương phủ đến năm dặm).

34[16] Niệm Phật để được tiền: Có một tà thuyết khá phổ biến ở Trung Hoa là cứ niệm Phật một câu sẽ để dành được một ít tiền nơi cõi âm, khi chết đi mình sẽ được hưởng

dụng số tiền đó nơi cõi U Minh. Trong Ấn Quang Văn Sao, Tổ có nhắc đến chuyện này, như vậy, tà thuyết này đã có từ trước thời Dân Quốc, ít nhất nó đã có từ thời Minh - Thanh.

35[17] Biển Tướng Đồ: Những hình vẽ thuyết minh cảnh giới trong kinh điển, phổ biến nhất là Cực Lạc biển tướng đồ (hình vẽ mô tả cảnh tượng Cực Lạc), hoặc Địa Ngục Biển Tướng Đồ (hình vẽ mô tả cảnh địa ngục)...

36[18] Công chúa Văn Thành (623-680), có tên tiếng Tạng là Giáp Tát Hân Công Chúa (Gyasa, hoặc Mung-chang Kungco, hay Mung-chang Konchu), cháu của Đường Thái Tông (Lý Thế Dân), là hoàng hậu thứ hai của Tsonpo Songtsan Gampo, là vua đời thứ 33 của vương triều Yarlung của Cổ Tây Tạng nhằm mục đích cầu thân và tái lập hòa bình giữa Tây Tạng và Trung Hoa. Lúc ấy, người Tây Tạng (thường được sử Trung Hoa gọi là Thổ Phiên) rất hùng mạnh, thường xuyên quấy nhiễu biên giới phía Tây của Đại Đường. Sau khi Songtsan Gampo (Tùng Tán Cam Bố) đánh bại Thổ Cốc Hồn (vương quốc của dân tộc Azha), cắt đứt con đường giao thương của nhà Đường sang Tây Vực, vua Đường phải gả công chúa Văn Thành cho Songtsan Gampo và ký hòa ước, phong cho Songtsan Gampo làm Phò Mã Đô Úy Tây Hải Quận Vương. Theo truyền thuyết, công chúa Văn Thành đem theo một tượng Thích Ca Mâu Ni Phật bằng vàng ròng và 360 quyển kinh như của hồi môn. Songtsan Gampo đã xây chùa Đại Chiêu (Jokhang) để thờ tượng này. Cùng với hoàng hậu Bhirukti Devi (Xích Tôn Công Chúa hoặc Ba Lợi Khố Công Chúa) của Nepal, Songtsan Gampo và Văn Thành Công Chúa được người Tây Tạng coi là ba vị thánh có công truyền bá Phật giáo vào Tây Tạng. Songtsan Gampo được coi là hóa thân của Quán Thế Âm, công chúa Văn Thành là hóa thân của Bạch Độ Mẫu (White Tara, một hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát), còn Xích Tôn Công Chúa là Lục Độ Mẫu (Green Tara). Tara Bồ Tát lại có hai mươi một hóa thân (21 vị Độ Mẫu), được tôn sùng nhất là Lục Độ Mẫu, Bạch Độ Mẫu và Xích Độ Mẫu (Red Tara).

